

TIẾT PPCT :01

Bài 1: CÔNG DÂN VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ (2 tiết)

Tiết 1

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC :

Học xong bài này, học sinh cần đạt được:

1. Về kiến thức

- Nêu được thế nào là sản xuất của cải vật chất và vai trò của sản xuất của cải vật chất đối với đời sống xã hội.

- Nêu được các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất và mối quan hệ giữa chúng.

2. Về kỹ năng

- Biết tham gia xây dựng kinh tế gia đình phù hợp với khả năng của bản thân.

3. Về thái độ

- Tích cực tham gia kinh tế gia đình và địa phương.

- Tích cực học tập để nâng cao chất lượng lao động của bản thân, góp phần xây dựng kinh tế đất nước.

II. CÁC NĂNG LỰC HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN Ở HỌC SINH

- Năng lực tự học, năng lực tư duy, phân tích , năng lực hợp tác.

III. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC.

- Phương pháp thuyết trình.

- Phương pháp đàm thoại.

- Phương pháp nêu vấn đề.

- Phương pháp thảo luận nhóm.

IV. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Sách giáo khoa, sách giáo viên GD&ĐT lớp 11.

- Giấy khổ lớn, bút dạ...

- Máy chiếu, giấy.

- Phiếu học tập

V. TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
1. KHỞI ĐỘNG: *Mục tiêu:	

- Học sinh nhận biết được thế nào là phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội. - Rèn luyện năng lực phân tích, tư duy, liên hệ thực tiễn *Cách tiến hành: - GV cho học sinh xem một số hình ảnh về vai trò của sự phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội. - GV hỏi HS : Theo em vì sao trong những năm gần đây đất nước ta phát triển trên các lĩnh vực như vậy. - HSTL. - GVKL: Kinh tế phát triển và đó chính là cơ sở, tiền đề thúc đẩy sự phát triển mọi mặt của đất nước. 2.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC. * Hoạt động 1: Sử dụng phương pháp đàm thoại để tìm hiểu khái niệm sản xuất của cải vật chất và vai trò của sản xuất của cải vật chất. + Mục tiêu: - HS nắm được khái niệm của cải vật chất và vai trò của sản xuất của cải vật chất. - Hình thành kỹ năng phân tích, tư duy. + Cách tiến hành: - HS nghiên cứu SGK phần 1 - GV đưa ra hệ thống câu hỏi, HS trả lời - Em hiểu thế nào là <i>của cải vật chất</i>? Cho ví dụ về những của cải vật chất trong thực tế mà em thường gặp. - Thế nào là sản xuất của cải vật chất? Cho ví dụ ? - Trả lời. - VD: Lúa, gạo, quần áo, xe cộ, giày dép... - Trả lời. - VD: Con người sử dụng công cụ lao động tác động vào đất trồng để làm ra thực phẩm, lúa gạo. Hay, con người khai thác đất sét để nung thành gạch, gốm phục vụ cho	1. Sản xuất của cải vật chất a. Thế nào là sản xuất của cải vật chất? Là sự tác động của con người vào tự nhiên, biến đổi các
---	--

nhu cầu xây dựng, trang trí... - Theo em, sản xuất của cải vật chất có những vai trò gì? - Tại sao nói : Sản xuất của cải vật chất là cơ sở của đời sống xã hội? - Vì để duy trì sự tồn tại, phát triển của con người và xã hội loài người. - Sản xuất của cải vật chất không chỉ để duy trì sự tồn tại của con người và xã hội loài người, mà thông qua lao động sản xuất, con người được cải tạo, phát triển và hoàn thiện cả về thể chất và tinh thần. - Sản xuất của cải vật chất có phải là hoạt động trung tâm của xã hội loài người hay không? Vì sao như vậy? - Là trung tâm, là tiền đề thúc đẩy các hoạt động khác của xã hội phát triển. - Ví dụ: Lấy nguồn vốn thu được từ hoạt động sản xuất vật chất đầu tư vào hoạt động văn hoá, giáo dục, nghiên cứu khoa học – công nghệ, làm cho các lĩnh vực này phát triển theo, dẫn đến đời sống vật chất, tinh thần của xã hội được cải thiện, nâng cao. - Lịch sử xã hội loài người là một quá trình phát triển và hoàn thiện liên tục của các phương thức sản xuất của cải vật chất, là quá trình thay thế các phương thức sản xuất cũ lạc hậu bằng phương thức sản xuất tiên bộ hơn. *Hoạt động 2: GV sử dụng phương pháp đàm thoại tìm hiểu các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất. *Mục tiêu: - HS nắm được các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất. - Hình thành kỹ năng phân tích, liên hệ thực tiễn. *Cách tiến hành: - GV sử dụng sơ đồ dạy học về các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất và mối quan hệ giữa chúng. GV chia HS làm 2 nhóm rồi cho các em thảo luận theo	yếu tố của tự nhiên để tạo ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của mình. b. Vai trò của sản xuất của cải vật chất - Là cơ sở tồn tại và phát triển của xã hội loài người. - Quyết định mọi hoạt động của xã hội.
---	--

các câu hỏi sau: - Để thực hiện quá trình lao động sản xuất, cần phải có những yếu tố cơ bản nào? - Cần sức lao động, đối tượng lao động và tư liệu lao động. - Sức lao động là gì? - Hãy phân biệt sức lao động với lao động? - Nhận xét, chốt lại. - Lao động là khái niệm có nội hàm rộng hơn. Sức lao động mới chỉ là khả năng của lao động, còn lao động là sự tiêu dùng sức lao động trong hiện thực. Để thực hiện được quá trình lao động thì không chỉ cần có sức lao động mà còn phải có tư liệu sản xuất. Hay nói cách khác, chỉ khi nào sức lao động kết hợp được với tư liệu sản xuất thì mới có lao động. Người có sức lao động muốn thực hiện quá trình lao động thì phải tích cực, chủ động tìm kiếm việc làm. Mặt khác, nền sản xuất xã hội phải phát triển, tạo ra nhiều việc làm để thu hút sức lao động. - Lao động là hoạt động bản chất nhất của con người, phân biệt con người với loài vật. Ý thức của con người trong lao động thể hiện: lao động có mục đích, có kế hoạch, tự giác sáng tạo ra phương pháp và công cụ lao động, có kỷ luật và cộng đồng trách nhiệm... - Đối tượng lao động là gì? Có mấy loại? Cho ví dụ minh họa. - Ví dụ: đất trồng, gỗ rừng, quặng kim loại, tôm cá dưới sông, dưới biển... - Ví dụ: sợi để dệt vải, sắt thép để chế tạo máy, xi măng để xây dựng gọi là nguyên liệu. - Mọi đối tượng lao động đều bắt nguồn từ tự nhiên nhưng có phải mọi yếu tố tự nhiên đều là đối tượng lao động không? Vì sao? - Không phải mọi yếu tố của tự nhiên đều là đối tượng	=> Là cơ sở để xem xét và giải quyết các quan hệ kinh tế, chính trị, văn hoá trong xã hội. 2. Các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất a. Sức lao động - Khái niệm: Là toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần của
---	---

lao động. Bởi vì chỉ những yếu tố tự nhiên nào mà con người đang tác động trong quá trình sản xuất nhằm biến đổi nó cho phù hợp với mục đích của mình thì mới gọi là đối tượng lao động. Những yếu tố tự nhiên mà con người chưa biết đến, chưa khám phá, chưa tác động thì chưa trở thành đối tượng lao động. - Tư liệu lao động là gì? - Tư liệu lao động được chia thành mấy loại? Nêu nội dung cụ thể? - Công cụ lao động cũng là yếu tố cách mạng nhất, biến động nhất và là một trong những căn cứ cơ bản để phân biệt các thời đại kinh tế. C.Mác viết: <i>“Những thời đại kinh tế khác nhau không phải là ở chỗ chúng sản xuất ra cái gì, mà là ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với những tư liệu lao động nào”</i>. <i>“Cái cối xay quay bằng tay đưa lại xã hội có lãnh chúa phong kiến, cái cối xay chạy bằng hơi nước đưa lại xã hội có nhà tư bản công nghiệp”</i>. - Ví dụ về các công cụ lao động: cày, cuốc, máy gặt đập liên hợp, máy bơm nước... - Ví dụ về hệ thống bình chứa của sản xuất: ống, thùng, hộp, két, vại, giỏ... - Ví dụ về kết cấu hạ tầng của sản xuất: đường giao thông, bến cảng, sân bay, nhà ga, phương tiện giao thông vận tải, điện, nước, thủy lợi, bưu điện, thông tin liên lạc... - Theo em, ranh giới phân chia giữa đối tượng lao động và tư liệu lao động là có tích tương đối hay tuyệt đối (rạch ròi)? - Có tính tương đối vì một vật trong mối quan hệ này là đối tượng lao động, nhưng trong mối quan hệ khác lại là	con người được vận dụng vào quá trình sản xuất. - Phân biệt sức lao động với lao động: + Sức lao động: là khả năng của lao động. + Lao động: là sự tiêu dùng sức lao động trong hiện thực. Là hoạt động <i>có mục đích, có ý thức của con người</i> làm biến đổi những yếu tố của tự nhiên cho phù hợp với nhu cầu của mình. b. Đối tượng lao động - Khái niệm: Là những yếu tố của tự nhiên mà lao động của con người tác động vào nhằm biến
---	---

tư liệu lao động. Ví dụ: Ngày xưa, con trâu là tư liệu lao động của người nông dân, nhưng lại là đối tượng lao động của lò giết mổ. - Trong các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, yếu tố nào quan trọng và quyết định nhất? Vì sao? - Sức lao động là yếu tố quan trọng và quyết định nhất vì giữ vai trò chủ thể, sáng tạo, là nguồn lực không cạn kiệt; xét cho cùng, trình độ phát triển của tư liệu sản xuất chính là sự biểu hiện sức sáng tạo của con người. - Nhận xét, chốt lại. 3. Hoạt động luyện tập: *Mục tiêu: - Luyện tập để củng cố những gì học sinh đã biết về khái niệm, vai trò của sản xuất của cải vật chất; các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất. - Rèn luyện năng lực tư duy phân tích, liên hệ thực tiễn. *Cách tiến hành: - GV tổ chức cho học sinh làm bài tập 2,3 SGK trang 12. - GV đưa ra tình huống cho học sinh giải quyết để thấy rõ được chỉ có con người mới lao động còn hoạt động của con vật là hoạt động bản năng của loài.	đối nó cho phù hợp với mục đích của con người. - Phân loại (có 2 loại đối tượng lao động): + Loại có sẵn trong tự nhiên. + Loại đã trải qua tác động của lao động, được cải biến ít nhiều. c. Tư liệu lao động - Khái niệm: Là một vật hay hệ thống những vật làm nhiệm vụ truyền dẫn sự tác động của con người lên đối tượng lao động, nhằm biến đổi đối tượng lao động thành sản phẩm thoả mãn nhu cầu của con người. - Phân loại (ba loại): + Công cụ lao động (hay công cụ sản xuất), là yếu tố quan trọng nhất.
---	---

	+ Hệ thống bình chứa của sản xuất. + Kết cấu hạ tầng của sản xuất. => Trong các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, sức lao động là yếu tố quan trọng và quyết định nhất
--	--

4. Hoạt động vận dụng:

*** Mục tiêu:**

- Tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức và kỹ năng có được vào thực tiễn cuộc sống
- Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, năng lực công dân.

*** Cách tiến hành:**

1. GV nêu yêu cầu:

a. Tự liên hệ:

- GV nêu câu hỏi: Tại sao nước Nhật nguồn tài nguyên thiên nhiên khan hiếm, điều kiện tự nhiên không thuận lợi nhưng tại sao nước Nhật là nước có nền kinh tế phát triển mạnh, đi đầu về lĩnh vực khoa học công nghệ.

- HSTL

- GVKL: Vì họ biết đầu tư, khai thác nguồn lực con người, phát huy vai trò của yếu tố sức lao động (thể lực và trí lực), nguồn lực giữ vai trò chủ thể. Trong đó, trí lực của con người, nếu càng được thường xuyên sử dụng thì nó càng được nâng cao, phát triển, trau dồi nhiều hơn.

b. Nhận diện xung quanh:

- Bằng kiến thức đã học và kiến thức thực tiễn, em có nhận xét gì về tình hình phát triển kinh tế ở địa phương em?

c. GV định hướng HS:

- HS làm bài tập 1, SGK trang 12.

2. HS chủ động thực hiện các yêu cầu trên.

5. Hoạt động mở rộng.

- Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức vào các vấn đề trong cuộc sống, thể hiện năng lực của bản thân.

- GV cung cấp địa chỉ và hướng dẫn học sinh tìm hiểu về vai trò của phát triển kinh tế trong đời sống xã hội.

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- GV củng cố, đánh giá, dặn dò: về nhà học và làm bài tập, chuẩn bị tiết 2, bài 1.

* Rút kinh nghiệm sau tiết giảng:

- Về nội

dung:.....

- Về phương

pháp:.....

- Về phương

tiện:.....

- Về thời gian:

.....

- Về học sinh:

.....

TIẾT PPCT :02

Bài 1: CÔNG DÂN VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ (2 tiết)

Tiết 2

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC :

Học xong bài này, học sinh cần đạt được:

1. Về kiến thức:

- Nêu được thế nào là phát triển KT và ý nghĩa của phát triển KT đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

2. Về kỹ năng:

Biết tham gia xây dựng kinh tế gia đình phù hợp với khả năng của bản thân.

3. Về thái độ:

- Tích cực tham gia kinh tế gia đình và địa phương.
- Tích cực học tập để nâng cao chất lượng lao động của bản thân, góp phần xây dựng kinh tế đất nước.

II. CÁC NĂNG LỰC HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN Ở HỌC SINH

- Năng lực tự học, năng lực tư duy, phân tích, năng lực hợp tác.

III. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC.

- Phương pháp thuyết trình.
- Phương pháp đàm thoại
- Phương pháp nêu vấn đề
- Phương pháp thảo luận nhóm.

IV. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Sách giáo khoa, sách giáo viên GD&ĐT lớp 11.
- Giấy khổ lớn, bút dạ...
- Máy chiếu, giấy.
- Phiếu học tập

V. TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
1. KHỞI ĐỘNG: *Mục tiêu: - Học sinh nhận biết được thế nào là phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia	3. Phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội

đình và xã hội.

-Rèn luyện năng lực phân tích, tư duy, liên hệ thực tiễn

***Cách tiến hành:**

-GV dẫn câu nói của C.Mác: “*Kinh tế là nhân tố quyết định cuối cùng của mọi sự biến đổi của lịch sử*”.

-GV: Em hiểu như thế nào về câu nói trên của C.Mác.

-HSTL.

-GVKL: Kinh tế phát triển và đó chính là cơ sở, tiền đề thúc đẩy sự phát triển mọi mặt của đất nước.

2.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC.

* **Hoạt động 1:** Sử dụng phương pháp vấn đáp, trực quan để tìm hiểu khái niệm phát triển kinh tế.

+ Mục tiêu:

-HS nắm được khái niệm phát triển kinh tế là gì, nội dung của phát triển kinh tế

- Hình thành kỹ năng phân tích, tư duy.

+ Cách tiến hành:

- HS nghiên cứu SGK phần 3

- GV đưa ra hệ thống câu hỏi, HS trả lời

- Theo em thế nào là phát triển kinh tế?

-HSTL:

-GVKL:

-GV hỏi: Vậy để biết một nước có nền kinh tế phát triển hay không em phải dựa vào đâu?

-HSTL:

+ Tăng trưởng kinh tế.

+ Cơ cấu kinh tế hợp lý.

+ Công bằng xã hội.

- GV hỏi: Sự tăng trưởng kinh tế được thể hiện như

a. Phát triển kinh tế

* Khái niệm: Là sự tăng trưởng kinh tế gắn liền với cơ cấu kinh tế hợp lý, tiến bộ và công bằng xã hội.

*Phát triển kinh tế gồm 3 nội dung:

+Phát triển kinh tế biểu hiện trước hết ở sự tăng trưởng kinh tế.

- *Tăng trưởng kinh tế là sự tăng lên về số lượng, chất lượng sản phẩm và các yếu tố của quá trình sản xuất ra nó trong một thời kỳ nhất định.*

thế nào? Cho ví dụ. -HSTL: -GVKL: Sự tăng trưởng lên về số lượng, chất lượng sản phẩm, các yếu tố của quá trình sản xuất ra nó. VD: Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2005 của Việt Nam là 8.43%. - Để phản ánh sự tăng trưởng kinh tế, hiện nay trên thế giới người ta dùng tiêu chí: tổng sản phẩm quốc dân (GNP), hoặc tổng sản phẩm quốc nội (GDP). - Giải thích khái niệm: tổng sản phẩm quốc dân và tổng sản phẩm quốc nội (SGV, tr. 24). $GNP = GDP + \text{thu nhập ròng từ tài sản nước ngoài}$. Trong đó, thu nhập ròng từ tài sản nước ngoài = thu nhập chuyển về nước của công dân nước đó làm việc ở nước ngoài trừ đi thu nhập của người nước ngoài làm việc tại nước đó. -GV: Tăng trưởng kinh tế phải dựa trên những cơ sở nào, phải gắn với những vấn đề nào? Vì sao? Cho ví dụ minh họa. *Hoạt động 2: Sử dụng phương pháp thảo luận nhóm tìm hiểu ý nghĩa của phát triển kinh tế. + Mục tiêu: -HS nắm được nội dung phát triển kinh tế có ý nghĩa như thế nào đối với cá nhân, gia đình và xã hội. - Hình thành kỹ năng phân tích, tư duy, liên hệ thực tiễn đời sống. + Cách tiến hành: - GV sử dụng phương pháp thảo luận nhóm. -GV chia lớp thành 4 nhóm , Gv hướng dẫn HS thảo luận cho các em thảo luận theo các câu hỏi sau: * Hãy nêu ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội? Đưa ra các số liệu,	- <i>Cơ sở của tăng trưởng kinh tế:</i> . Dựa trên cơ cấu kinh tế hợp lý, tiến bộ để đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững. . <i>*Phát triển kinh tế</i> đi đôi với công bằng và tiến bộ xã hội, tạo điều kiện cho mọi người có quyền bình đẳng trong đóng góp và hưởng thụ kết quả của tăng trưởng kinh tế. . Phù hợp với sự biến đổi nhu cầu phát triển toàn diện của con người và xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái. . Gắn với chính sách dân số phù hợp. *Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, tiến bộ: (không học)
---	---

dẫn chứng phù hợp để minh họa; hoặc liên hệ thực tiễn để lấy ví dụ minh họa về ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với đời sống. (Tổ 1: thảo luận mục a: đối với cá nhân; tổ 2: thảo luận mục b: đối với gia đình; tổ 3, 4: thảo luận mục c: đối với xã hội). - Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận. - Cho các nhóm tranh luận, bổ sung. + GV chốt lại các kiến thức cơ bản. - Phát triển kinh tế tạo điều kiện cho mỗi người có việc làm và thu nhập ổn định, cuộc sống ấm no. Ví dụ: GDP tăng, thu nhập bình quân đầu người ở nước ta tăng: từ 5.7 triệu đồng năm 2000 lên trên 10 triệu đồng năm 2005. Năm 2000, bình quân thu nhập đầu người đạt trên 300 USD/người/năm; năm 2004: 562 USD/người/năm; năm 2007: 729 USD/người/năm. Nếu GDP tăng từ 7.5 đến 8%/năm thì thu nhập bình quân ở nước ta năm 2009 dự kiến là 950 USD/người/năm và năm 2010 là 1050 – 1100 USD/người/năm. - Nhờ kinh tế phát triển, đời sống văn hóa được nâng cao và lĩnh vực y tế được đầu tư phát triển phục vụ tốt hơn cho đời sống con người, nên tuổi thọ trung bình của dân số nước ta ngày càng tăng (từ 67.8 tuổi năm 2000 lên 71.5 tuổi năm 2005). - Phát triển kinh tế tạo điều kiện đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng phong phú cho con người. Ví dụ: thỏa mãn nhu cầu ăn ngon, mặc đẹp, giải trí, vui chơi, du lịch cho từng cá nhân. - Phát triển kinh tế còn giúp con người có điều kiện học tập, tham gia các hoạt động xã hội, có điều kiện phát triển toàn diện. Ví dụ: tạo điều kiện vật chất, tiền bạc cho các cá nhân theo đuổi ước mơ học đại học và	b. Ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội - Đối với cá nhân: Tạo điều kiện cho mỗi người nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển toàn diện cá nhân. - Đối với gia đình: Là tiền đề, cơ sở quan trọng để thực hiện tốt các chức năng của gia đình; xây dựng gia đình văn hóa. - Đối với xã hội: + Làm tăng thu nhập quốc dân và phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của cộng đồng được cải thiện. + Tạo điều kiện giải quyết các
--	--

sau đại học (trang trải tiền học phí, ăn ở, sinh hoạt...) để nâng cao trình độ; quyên góp làm từ thiện... - Nhắc lại các chức năng gia đình: chức năng duy trì nòi giống; chức năng kinh tế; chức năng tổ chức đời sống gia đình; chức năng nuôi dưỡng, giáo dục con cái. - Nhờ phát triển kinh tế, cuối năm 2005, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn Việt Nam cho giai đoạn 2001 – 2005 giảm xuống còn 7%. - Ví dụ: tạo điều kiện giải quyết công ăn việc làm, giảm tỉ lệ thất nghiệp, giảm tệ nạn xã hội. - Phát triển kinh tế tạo ra nguồn vốn đầu tư vào lĩnh vực an ninh quốc phòng: trang bị súng ống, đạn dược, máy móc, thuyền, xe cộ, trả lương cho những người làm trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng. Kinh tế phát triển, chính trị ổn định, làm cho đời sống nhân dân ngày càng tốt hơn, nhân dân càng tin vào sự lãnh đạo của Đảng. 3.Hoạt động luyện tập: *Mục tiêu: -Luyện tập để củng cố những gì học sinh đã biết về khái niệm phát triển kinh tế, ý nghĩa của phát triển kinh tế. -Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, liên hệ thực tiễn. *Cách tiến hành: -GV tổ chức cho học sinh làm bài tập 6 SGK trang 12. -HSTL -GVKL: Phát triển kinh tế phải gắn với chính sách kinh tế phù hợp bởi vì yêu cầu phát triển kinh tế là tốc độ tăng trưởng kinh tế phải cao hơn tốc độ tăng dân số, có như vậy mới có thể đảm bảo chất lượng	vấn đề an sinh xã hội. + Là tiền đề vật chất để củng cố an ninh quốc phòng, giữ vững chế độ chính trị, tăng cường hiệu lực quản lí của Nhà nước, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng. + Là điều kiện tiên quyết để khắc phục sự tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước tiên tiến trên thế giới; xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, mở rộng quan hệ quốc tế, định hướng xã hội chủ nghĩa. <i>Tóm lại:</i> Tích cực tham gia phát triển kinh tế vừa là quyền lợi vừa là nghĩa vụ của công dân, góp phần thực hiện <i>dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.</i>
--	---

cuộc sống ngày càng cao.

-Phát triển kinh tế phải gắn với bảo vệ môi trường để đảm bảo sự phát triển bền vững.

4.Hoạt động vận dụng:

*** Mục tiêu:**

-Tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức và kĩ năng có được vào thực tiễn cuộc sống

-Rèn luyện năng lực tư duy, phân tích, năng lực công dân.

***Cách tiến hành:**

1.GV nêu yêu cầu:

a. Tự liên hệ:

- Vì sao nói tăng trưởng kinh tế lại đi đôi với công bằng xã hội?

-HSTL

-GVKL: Tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với công bằng xã hội, tạo điều kiện cho mọi người có quyền bình đẳng trong đóng góp và hưởng thụ kết quả của tăng trưởng kinh tế. Đồng thời tăng trưởng kinh tế phù hợp với sự biến đổi nhu cầu phát triển toàn diện của con người và xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái.

b.Nhận diện xung quanh:

Bằng kiến thức đã học và kiến thức thực tiễn, em hãy lấy ví dụ cụ thể để làm rõ ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với gia đình em?

c. GV định hướng HS:

-HS làm bài tập 4, SGK trang 12.

- HS sưu tầm tác phẩm truyện ngắn “Đời thừa” của nhà văn Nam Cao.

2. HS chủ động thực hiện các yêu cầu trên.

5.Hoạt động mở rộng.

-Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức vào các vấn đề trong cuộc sống, thể hiện năng lực của bản thân.

-GV cung cấp địa chỉ và hướng dẫn học sinh tìm hiểu về ý nghĩa của phát triển kinh tế.

-HS thực hiện nhiệm vụ.

-GV củng cố, đánh giá, dặn dò: về nhà học và làm bài tập, chuẩn bị tiết 2, bài 1.

* Rút kinh nghiệm sau tiết giảng:

- Về nội

dung:.....

- Về phương

pháp:.....

-Về phương

tiện:.....

- Về thời gian:

.....

- Về học sinh:

.....

TIẾT PPCT :03

BÀI 2: HÀNG HÓA – TIỀN TỆ - THỊ TRƯỜNG (2 tiết)

Tiết 1

I.MỤC TIÊU BÀI HỌC.

Học xong bài này, học sinh cần đạt được:

1.Về kiến thức

- Hiểu được khái niệm hàng hóa và hai thuộc tính của hàng hóa.
- Nêu được nguồn gốc , bản chất , chức năng của tiền tệ

2.Về kĩ năng.

- Biết phân biệt giá trị với giá cả của hàng hóa.
- Biết nhận xét tình hình sản xuất và tiêu thụ một số sản phẩm hàng hóa ở địa phương.

3.Về thái độ

- Quan tâm đến tình hình phát triển sản xuất hàng hóa.
- Coi trọng đúng mức vai trò của hàng hóa

II. CÁC NĂNG LỰC HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN Ở HỌC SINH.

- Năng lực nhận thức về kinh tế
- Năng lực tư duy phê phán
- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác.
- Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông ...

III. PHƯƠNG PHÁP/ KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC CÓ THỂ SỬ DỤNG

- Thảo luận
- Xử lý tình huống.

IV. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC.

- SGK, SGV GD CD 11
- Sách bài tập tình huống GD CD 11
- Những nội dung có liên quan đến bài học
- Chuẩn kiến thức kĩ năng 11

V. TỔ CHỨC DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung chính của bài học
--	-----------------------------------

1.KHỞI ĐỘNG:

*** Mục tiêu:**

- Kích thích học sinh tìm hiểu các em đã biết gì về hàng hóa.
- Rèn luyện năng lực tư duy phê phán cho học sinh

*** Cách tiến hành**

Học sinh quan sát 1 ít vật phẩm như: xà phòng, kem đánh răng, kẹo, bánh....điện thoại thông minh...một ít thóc ở nhà làm, 1 bó rau hái ở vườn....

Hỏi: Các em đã mua chúng ở đâu, giá , mục đích sử dụng của chúng?

HS: trả lời theo gợi ý của gv.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, trực quan, tình huống để **Tìm hiểu khái niệm và hai thuộc tính của hàng hóa (giá trị sử dụng và giá trị của hàng hóa).**

- Mục tiêu: học sinh nêu được khái niệm hàng hóa, khái niệm giá trị sử dụng và giá trị của hàng hóa; phân biệt được sự khác nhau giữa hai thuộc tính của hàng hóa...

- Phương pháp: giải quyết vấn đề, kết hợp với thuyết trình, gợi mở.

- Ví dụ: Ông A nuôi 100 con gà. Khi gà đã lớn, ông đã đem bán đi 80 con để thu hồi vốn tái sản xuất và mua lấy các sản phẩm tiêu dùng khác và giữ lại 20 con để giết thịt, cải thiện bữa ăn cho bản thân và gia đình. Vậy, phần gà nào của ông A được gọi là hàng hóa?

- 80 con gà mà ông A đem bán, trao đổi lấy các sản phẩm tiêu dùng khác được gọi là hàng hóa.

- Em hiểu thế nào là hàng hóa? Cho ví dụ những hàng

1. Hàng hóa

a. Hàng hóa là gì?

+ Nhu cầu tiêu dùng cá nhân: . Về vật chất (lương thực, quần áo, xe cộ...). . Về tinh thần (giải trí, du lịch, đọc sách báo, học tập nâng cao trình độ...). - Yêu cầu học sinh lấy ví dụ về một số sản phẩm thỏa mãn từng nhu cầu nói trên. - Yêu cầu học sinh tìm ra các công dụng của từng sản phẩm hàng hóa mà các em đã nêu. Ví dụ: lương thực dùng để cho con người ăn; cho gia súc, gia cầm ăn; làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. - Chính công dụng của sản phẩm đã làm cho hàng hóa có giá trị sử dụng. Vậy, giá trị sử dụng của hàng hóa là gì? - Một hàng hóa có thể có một hoặc nhiều giá trị sử dụng. Ví dụ: Than đá, dầu mỏ lúc đầu chỉ dùng làm chất đốt, sau đó dùng làm nguyên liệu cho một số ngành công nghiệp để chế biến ra nhiều loại sản phẩm khác phục vụ cho đời sống. - Công dụng của vật phẩm do thuộc tính tự nhiên của vật chất quyết định. Khoa học kỹ thuật càng phát triển, người ta càng phát hiện thêm những thuộc tính mới của sản phẩm và lợi dụng chúng để tạo ra những giá trị sử dụng mới. Giá trị sử dụng chỉ thể hiện ở việc sử dụng hay tiêu dùng, không phải cho người sản xuất ra hàng hóa đó mà cho người mua, cho xã hội. Nó là nội dung vật chất của của cải và là phạm trù vĩnh viễn. Vật mang giá trị sử dụng cũng đồng thời là vật mang giá trị trao đổi. - Theo em, giá trị của hàng hóa được biểu hiện ra bên ngoài thông qua hình thức nào? - Giá trị trao đổi là gì? - Ví dụ: 1 m vải (2 giờ lao động hao phí để sản xuất ra nó) = 5 kg thóc (2 giờ lao động hao phí để sản xuất ra nó). Trên thị trường, tỉ lệ trao đổi giữa các hàng hóa có	b. Hai thuộc tính của hàng hóa - Giá trị sử dụng của hàng hóa: là công dụng của sản phẩm có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người. - Giá trị của hàng hóa: + Được biểu hiện ra bên ngoài thông qua giá trị trao đổi của nó. + Là <i>lao động xã hội</i> của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa. => Hàng hóa là sự thống nhất
---	---

thể thay đổi. VD: 1 m vải (2 giờ lao động hao phí để sản xuất ra nó) = 10 kg thóc (2 giờ lao động hao phí để sản xuất ra nó) hoặc 2 m vải (2 giờ lao động hao phí để sản xuất ra nó) = 5 kg thóc (2 giờ lao động hao phí để sản xuất ra nó).

Như vậy, nội dung, cơ sở của giá trị trao đổi là gì?

- Giá trị trao đổi là một quan hệ về số lượng, hay tỉ lệ trao đổi giữa các hàng hóa có giá trị sử dụng khác nhau

- Giá trị của hàng hóa là gì?

- Là căn cứ vào lao động hao phí để sản xuất ra hàng hóa ẩn chứa (kết tinh) trong các hàng hóa ấy, hay căn cứ vào giá trị của hàng hoá.

- Thực chất của quan hệ trao đổi là trao đổi lượng lao động hao phí của mình chứa đựng trong các hàng hóa. Nên giá trị là biểu hiện quan hệ giữa những người sản xuất hàng hóa, là một phạm trù lịch sử, gắn liền với nền sản xuất hàng hóa, là **thuộc tính xã hội** của hàng hóa.

Hoạt động 2: Tìm hiểu nguồn gốc, bản chất, chức năng và quy luật lưu thông của tiền tệ.

+ Mục tiêu:

-Học sinh nêu được nguồn gốc, bản chất, chức năng và quy luật lưu thông của tiền tệ.

-Rèn luyện năng lực tư duy,phân tích.

+Cách tiến hành :

- GV sử dụng phương pháp đặt và giải quyết vấn đề kết hợp với thuyết trình, gợi mở.

- Có phải khi sản xuất và trao đổi hàng hóa xuất hiện thì tiền tệ cũng xuất hiện?

- Khi nào tiền tệ xuất hiện?

- Nhận xét, chốt lại.

của hai thuộc tính: giá trị sử dụng và giá trị, nhưng là sự thống nhất của hai mặt đối lập, thiếu một trong hai thuộc tính thì sản phẩm không thể trở thành hàng hóa.

2. Tiền tệ

a. Nguồn gốc và bản chất của tiền tệ

***Nguồn gốc:**

- Tiền tệ xuất hiện là kết quả

- Bản chất của tiền tệ là gì ? 3. Hoạt động luyện tập * Mục tiêu : - Luyện tập để học sinh củng cố những gì đã biết về hàng hóa và tiền tệ - Rèn luyện năng lực tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề cho hs * Cách tiến hành : - GV tổ chức cho học sinh làm bài tập : Câu 1. Một sản phẩm trở thành hàng hóa cần có mấy điều kiện ? A. Hai điều kiện. B. Bốn điều kiện. C. Ba điều kiện. D. Một điều kiện. Câu 2. Hàng hóa có hai thuộc tính là : A. giá trị và giá cả. B. giá trị trao đổi và giá trị sử dụng. C. giá cả và giá trị sử dụng. D. giá trị và giá trị sử dụng. Câu 3. Vật phẩm nào dưới đây không phải là hàng hóa ? A. Điện. B. Nước máy. C. Không khí. D. Rau trồng để bán.	của quá trình phát triển lâu dài của sản xuất, trao đổi hàng hóa và của các hình thái giá trị. - Có 4 hình thái giá trị phát triển từ thấp lên cao dẫn đến sự ra đời của tiền tệ: + Hình thái giá trị giản đơn hay ngẫu nhiên. + Hình thái giá trị đầy đủ hay mở rộng. + Hình thái chung của giá trị. + Hình thái tiền tệ. (HS đọc thêm) * Bản chất: Tiền tệ là hàng hóa đặc biệt tách ra làm ra làm vật ngang chung thống nhất, là sự tsự thể chung của giá trị và biểu hiện mối quan hệ giữa những người xuất hàng Hóa.
---	--

4. Hoạt động vận dụng

* Mục tiêu

- Tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức và kĩ năng có được để có thể tham gia sản xuất hàng hóa.

- Rèn luyện năng lực công dân, năng lực phát triển bản thân.

- Cách tiến hành :

1. GV nêu yêu cầu :

a.Tự liên hệ

-Trong cuộc sống các em phải phân biệt được hàng hóa và đâu không phải là hàng hóa và vai trò của tiền tệ.

b.Nhận diện xung quanh

Nêu nhận xét của em về chất lượng hàng hóa ở địa phương em

c.GV định hướng HS

- Hàng ngày phải biết quý trọng đồng tiền tiêu đúng mục đích, biết tiết kiệm đồng tiền, giữ và vai trò của tiền tệ.... đẹp. tôn trọng tiền lẻ...

-Hs làm bài tập bài tập 5 trong SGK

-Hs chủ động thực hiện những yêu cầu trên

5.Hoạt động mở rộng

Theo dõi bản tin tài chính hôm nay, ghi lại thông tin về một số thông tin hàng hóa, về chứng khoán...

* Rút kinh nghiệm sau tiết giảng:

- Về nội

dung:.....

- Về phương

pháp:.....

-Về phương

tiện:.....

- Về thời gian:

.....

- Về học sinh:

.....

TIẾT PPCT: 04

BÀI 2: HÀNG HÓA – TIỀN TỆ - THỊ TRƯỜNG (2 tiết)

Tiết 2

I.MỤC TIÊU BÀI HỌC.

Học xong bài này, học sinh cần đạt được:

1.Về kiến thức

- Chức năng của tiền tệ
- Nêu được khái niệm thị trường, các chức năng cơ bản của thị trường

2.Về kĩ năng.

- Biết phân biệt được thị trường ở dạng đơn giản và thị trường ở dạng hiện đại.

3.Về thái độ

- Quan tâm đến tình hình phát triển sản xuất hàng hóa.
- Coi trọng đúng mức vai trò của hàng hóa

II. CÁC NĂNG LỰC HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN Ở HỌC SINH.

- Năng lực nhận thức về kinh tế
- Năng lực tư duy phê phán,
- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác.
- Năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông ...

III. PHƯƠNG PHÁP/ KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC CÓ THỂ SỬ DỤNG

- Thảo luận
- Xử lý tình huống.

IV. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN.

- SGK, SGV GD CD 11
- Sách bài tập tình huống GD CD 11
- Những nội dung có liên quan đến bài học
- Chuẩn kiến thức kĩ năng 11
- Máy chiếu

.V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1.KHỞI ĐỘNG:

*** Mục tiêu:**

- Kích thích học sinh tìm hiểu về các chức năng của tiền tệ, các loại thị trường, tìm hiểu các chức năng cơ bản của thị trường.

- Rèn luyện năng lực tư duy phê phán cho học sinh

*** Cách tiến hành**

Học sinh quan sát tranh ảnh thị trường trao đổi hàng hóa

Hỏi: Việc trao đổi hàng hóa diễn ra ở đâu?

HS: trả lời theo gợi ý của gv.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

HĐ1 Sử dụng phương pháp thuyết trình, gợi mở, trực quan, tình huống để **Tìm hiểu các chức năng của tiền tệ.**

*Mục tiêu: học sinh nêu được các chức năng cơ bản của tiền tệ.

* Cách tiến hành:

- GV nêu VD thực tiễn phân tích 5 chức năng của tiền tệ: (sơ đồ)

→Thước đo giá trị

→Phương tiện lưu thông

→Phương tiện cất trữ

→Phương tiện thanh toán

→Tiền tệ thế giới.

- HS: Phát biểu ý kiến, lấy dẫn chứng để phân tích minh họa.

2. Tiền tệ

b. Chức năng của tiền tệ

*Thước đo giá trị

+ Tiền được dùng để đo lường và biểu hiện giá trị của HH.(giá cả).

+ Giá cả HH quyết định bởi các yếu tố: giá trị HH, giá trị tiền tệ, quan hệ cung – cầu HH

*Phương tiện lưu thông

Theo công thức: H - T - H (tiền là môi giới trao đổi)

Trong đó, H-T là quá trình bán, T-H là quá trình mua.

*Hoạt động 2: GV sử dụng phương pháp đặt và giải quyết vấn đề kết hợp với thuyết trình, gợi mở .Tìm hiểu khái niệm và các chức năng cơ bản của thị trường. *Mục tiêu: học sinh nêu được khái niệm và các chức năng cơ bản của thị trường. * Cách tiến hành: *Bước 1:GV hướng dẫn học sinh đọc nội dung phần a. *Bước 2: GV đưa ra hệ thống câu hỏi - Thị trường xuất hiện khi nào? => Sự xuất hiện và phát triển của thị trường gắn liền với sự ra đời và phát triển của sản xuất và lưu thông hàng hóa - Hãy lấy ví dụ về thị trường ở dạng giản đơn (hữu hình), sơ khai gắn với không gian, thời gian nhất định. => Ví dụ: mua bán rau quả, thịt cá ở nhóm chợ đồng quê => Thị trường ở dạng giản đơn (hữu hình) như : thị trường tư liệu sản xuất, tư liệu sinh hoạt... - Nêu và phân tích một số dạng thị trường hiện đại có tính chất	VD: SGK. *Phương tiện cất trữ Tiền rút khỏi lưu thông và được cất trữ, khi cần đem ra mua hàng; vì tiền đại biểu cho của cải xã hội dưới hình thái giá trị * Phương tiện thanh toán Tiền dùng để chi trả sau khi giao dịch, mua bán (trả tiền mua chịu HH, trả nợ, nộp thuế...) VD: SGK * Tiền tệ thế giới Tiền làm nhiệm vụ di chuyển của cải từ nước này sang nước khác, việc trao đổi tiền nước này với nước khác theo tỉ giá hối đoái. VD: 1USD = 19.100đ VN (thời giá 2010) → Năm chức năng của tiền tệ có quan hệ mật thiết với nhau. c. Quy luật lưu thông tiền tệ (Không học)
--	--

môi giới, trung gian, vô hình : thị trường nhà đất (thị trường bất động sản), thị trường chất xám, thị trường sức lao động...

→ Dù là thị trường giản đơn hay hiện đại đều luôn có sự tác động qua lại của các yếu tố cấu thành thị trường như : hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán, dẫn đến quan hệ cung - cầu, xác định giá cả và số lượng hàng hóa được trao đổi mua bán.

- Thị trường là gì ?

- Các “chủ thể kinh tế” của thị trường bao gồm các thành phần nào ?

=> Các chủ thể kinh tế của thị trường gồm: người bán, người mua, cá nhân, doanh nghiệp, cơ quan, nhà nước ... tham gia vào mua bán, trao đổi trên thị trường.

- Thị trường có các chức năng cơ bản nào ?

=> Cần xem xét trên hai thuộc tính : giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa. Nếu hàng hóa bán được tức là xã hội thừa nhận hàng hóa đó phù hợp với nhu cầu của thị trường thì giá trị của nó được thực hiện (người sản xuất ra hàng hóa được bù đắp giá trị, có vốn để tái sản xuất), hàng hóa đó có ích cho xã hội và ngược lại.

VD: Xí nghiệp của ông A sản xuất giấy bao bì tập của học sinh. Sản phẩm của ông A bán rất chạy với lý do: mẫu mã đẹp, phù hợp với nhu cầu, thị hiếu khách hàng; giá cả vừa phải (2.000đ/chục).

- Trên đài truyền hình , hàng ngày đều có bản tin thị trường nói về giá cả của một số mặt hàng như: rau quả, gạo, thịt, cá, giá vàng bạc, xe máy...

Khi đó, thị trường có chức năng gì ?

- Thị trường cung cấp cho các chủ thể tham gia thị trường những thông tin về quy mô cung - cầu, giá cả, chất lượng, cơ cấu, chủng loại, điều kiện mua - bán... các hàng hóa, dịch vụ, từ đó giúp cho người bán đưa ra các quyết định kịp thời nhằm thu nhiều lợi nhuận ; còn người mua sẽ điều chỉnh

3. Thị trường

a. Thị trường là gì ?

Thị trường là lĩnh vực trao đổi, mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ.

b. Các chức năng cơ

việc mua sao cho có lợi nhất. VD: Nhờ nắm bản tin thị trường vàng bạc, đá quý mà khách hàng có thể quyết định mua vào cất trữ hay bán ra ; mua, bán vào thời điểm nào là có lợi nhất. - Chức năng thứ 3 của thị trường là gì ? - Sự biến động của cung - cầu, giá cả trên thị trường đã điều tiết các yếu tố sản xuất từ <i>ngành này sang ngành khác, luân chuyển hàng hóa từ nơi này sang nơi khác, nơi giá cả thấp đến nơi giá cả cao.</i> + Ở một ngành nào đó khi <i>cung nhỏ hơn cầu</i>, giá cả hàng hóa sẽ lên cao hơn giá trị, hàng hóa bán chạy, lãi cao, thì người sản xuất sẽ đổ xô vào ngành ấy. Ngược lại, <i>khi cung ở ngành đó vượt quá cầu</i>, giá cả hàng hóa giảm xuống, hàng hóa bán không chạy và có thể lỗ vốn, buộc người sản xuất phải thu hẹp quy mô sản xuất lại hoặc chuyển sang đầu tư vào ngành có giá cả hàng hóa cao. + Khi giá cả một hàng hóa nào đó tăng lên sẽ kích thích xã hội sản xuất ra hàng hóa đó nhiều hơn, nhưng lại làm cho nhu cầu tiêu dùng về hàng hóa đó bị hạn chế. Ngược lại, khi giá cả của một hàng hóa giảm xuống sẽ kích thích tiêu dùng và hạn chế việc sản xuất hàng hóa đó. - Cơ chế thị trường ngoài tác dụng tích cực, vẫn có những khuyết tật, hạn chế và tác động tiêu cực. Vì thế, Nhà nước cần phải có sự điều tiết vĩ mô (bằng pháp luật, chính sách...) để phát huy tác dụng tích cực, hạn chế tác động tiêu cực của nó, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh ; đảm bảo cho mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. 3. Hoạt động luyện tập * Mục tiêu : - Luyện tập để học sinh củng cố những gì đã biết các chức năng của tiền tệ ; thị trường và các chức năng cơ bản của thị trường.	bản của thị trường - Chức năng thực hiện (hay thừa nhận) giá trị sử dụng và giá trị của hàng hóa. - Chức năng thông tin - Chức năng điều tiết (kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng). => Hiểu và vận dụng được các chức năng của thị trường sẽ giúp cho người sản xuất và tiêu dùng giành được lợi ích kinh tế lớn nhất và Nhà nước cần ban hành những chính sách kinh tế phù hợp nhằm hướng nền kinh tế vào những mục tiêu xác định.
--	---

Nêu nhận xét của em về thị trường hàng hóa ở địa phương em

c.GV định hướng HS

- Hằng ngày phải biết quý trọng đồng tiền tiêu đúng mục đích, biết tiết kiệm đồng tiền, giữ và vai trò của tiền tệ.... đẹp. tôn trọng tiền lẻ...

-Hs làm bài tập bài tập 8,9 SGK trang 27.

-Hs chủ động thực hiện những yêu cầu trên

5.Hoạt động mở rộng

Theo dõi bản tin tài chính.

* Rút kinh nghiệm sau tiết giảng:

- Về nội dung:.....
- Về phương pháp:.....
- Về phương tiện:.....
- Về thời gian:
- Về học sinh:

TIẾT PPCT: 05

BÀI 3: QUY LUẬT GIÁ TRỊ TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA (2 tiết)

Tiết 1

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Về kiến thức

- Nêu được nội dung cơ bản của quy luật giá trị và tác động của quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.

2. Về kỹ năng

Biết vận dụng quy luật giá trị để giải thích một số hiện tượng kinh tế gần gũi trong cuộc sống.

3. Về thái độ

Tôn trọng quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa ở nước ta.

II. CÁC NĂNG LỰC HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN Ở HỌC SINH.

Năng lực nhận thức, năng lực tự học và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ứng dụng công nghệ thông tin, NL đánh giá và điều chỉnh quá trình sản xuất của bản thân phù hợp với yêu cầu của xã hội.

III. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC

- Thảo luận nhóm.
- Đàm thoại.
- Đọc hợp tác.

IV. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:

- Sách giáo khoa, sách giáo viên Giáo dục công dân 11.
- Tình huống Giáo dục công dân 11.
- Sách chuẩn kiến thức kỹ năng, giáo dục kỹ năng sống trong môn GD&CD.
- Tranh, ảnh, sơ đồ, giấy khổ to.
- Máy vi tính, đèn chiếu (projector).
- Sơ đồ (thời gian lao động cá biệt và thời gian lao động xã hội cần thiết), biểu đồ, biểu bảng....

- Đồ dùng đơn giản để đóng vai...

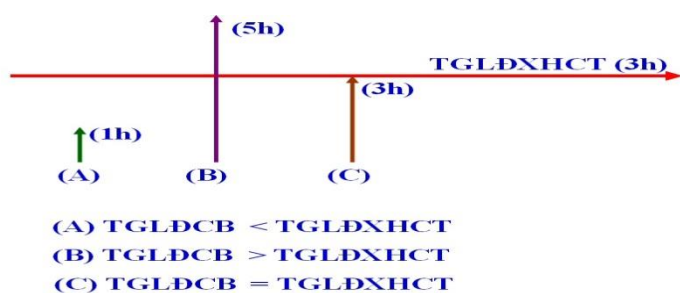
V. TỔ CHỨC DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung chính của bài học
1. Khởi động * Mục tiêu: - Kích thích HS tìm hiểu về quy luật giá trị. - Rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề cho HS. * Cách tiến hành: - GV tổ chức cho hs chơi trò chơi có thưởng. - Hs xung phong tham gia. - Gv nêu yêu cầu: gấp 5 con hạc giấy trong thời gian 2 phút. Nếu ai làm xong trong khoảng thời gian yêu cầu sẽ được 9 điểm, ai làm được nhiều hơn sẽ có thêm phần thưởng và ai làm không đạt yêu cầu sẽ bị phạt. - Hs tiến hành gấp con hạc, cho ra kết quả - Gv nhận xét về kết quả của HS và đưa ra kết luận: 2. Hoạt động hình thành kiến thức Hoạt động 1: <i>Thuyết trình, đàm thoại gợi mở tìm hiểu nội dung của quy luật giá trị.</i> * Mục tiêu: - Hs nêu được nội dung của quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa. - Rèn luyện NL nhận thức, NL giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề * Cách tiến hành: - GV đưa ra sơ đồ về 3 nhà sx:	1. Nội dung của quy luật giá trị

Giả sử có 100 triệu mét vải do 3 nhóm người sản xuất với số lượng không đều nhau và có thời gian lao động cá biệt sản xuất 1 mét vải khác nhau:

Nhóm xuất	SI hàng hoá (triệu m)	Thời gian lao động cá biệt để sản xuất 1 m vải (giờ)
A	10	1

Sơ đồ biểu hiện nội dung của quy luật giá trị trong sản xuất hàng hóa, đối với 1 hàng hóa:



- Gv nêu câu hỏi: Em có nhận xét gì về kết quả và hiệu quả kinh tế của 3 nhà sx trên?

- Hs suy nghĩ, trả lời.

- Gv kết luận: Nhà sx A có lãi, nhà sx C hòa vốn, nhà sx B thua lỗ. Lợi ích kinh tế của 3 nhà sx A,B,C được xác định do tác động của quy luật giá trị. Vậy nội dung của quy luật giá trị là gì?

- Gv nêu nội dung của quy luật: Sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó.

Hoạt động 2: Giải quyết vấn đề kết hợp với thuyết trình, đàm thoại gợi mở tìm hiểu yêu cầu của quy luật giá trị.

- Nội dung khái quát: Sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó.

** Mục tiêu:*

- Học sinh nêu được biểu hiện của quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.
- Rèn luyện NL giao tiếp, NL giải quyết vấn đề cho hs.

** Cách tiến hành:*

- GV chiếu lại sơ đồ trong hoạt động 1 và lần lượt nêu câu hỏi:

+ Quy luật giá trị có yêu cầu gì đối với người sx hàng hóa?

+ Quy luật giá trị có yêu cầu gì đối với người lưu thông hàng hóa?

- Với mỗi câu hỏi hs có 45s để suy nghĩ.

- HS phản hồi ý kiến(mỗi câu hỏi có 1-2 hs nêu ý kiến cá nhân)

- GV kết luận và giải thích bằng sơ đồ:

Sơ đồ biểu hiện nội dung của quy luật giá trị trong sản xuất hàng hóa, đối với tổng hàng hóa:



- Giải thích sơ đồ:

+ Trường hợp tổng thời gian lao động cá biệt < tổng thời gian lao động xã hội cần thiết, vi phạm quy luật giá trị, dẫn đến thiếu hàng hóa trên thị trường.

- Biểu hiện nội dung của quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa:

+ Trong sản xuất, quy luật giá trị yêu cầu người sản xuất phải đảm bảo sao cho

- + Trường hợp tổng thời gian lao động cá biệt > tổng thời gian lao động xã hội cần thiết, vi phạm quy luật giá trị, dẫn đến thừa hàng hóa trên thị trường.
- + Trường hợp tổng thời gian lao động cá biệt = tổng thời gian lao động xã hội cần thiết, phù hợp với yêu cầu của quy luật giá trị, nên có tác dụng góp phần cân đối và ổn định thị trường.
- Sơ đồ biểu hiện nội dung quy luật giá trị trong lưu thông hàng hóa, đối với 1 hàng hóa:



→ Cơ chế hoạt động của quy luật giá trị.

- Trên thị trường, giá cả của từng hàng hóa có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị hàng hóa hình thành trong sản xuất, do ảnh hưởng của cạnh tranh, cung - cầu.
- VD: Hàng hóa A có giá trị = 10 giờ lao động, nhưng trên thị trường có thể bán = 11 giờ hoặc 9 giờ lao động. Chúng đều xoay quanh trục 10 giờ lao động.
- Gv giảng thêm: Yêu cầu này là điều kiện đảm bảo cho nền kinh tế hàng hóa vận động và phát triển bình thường (hay cân đối).

thời gian lao động cá biệt để sản xuất hàng hóa phải phù hợp với thời gian lao động xã hội cần thiết.

+ Trong lưu thông, việc trao đổi hàng hóa phải dựa theo nguyên tắc ngang giá.
-Đối với 1 hàng hóa, giá cả của một hàng hóa có thể bán cao hoặc thấp so với giá trị của nó nhưng bao giờ cũng phải xoay quanh trục giá trị hàng hóa.

3. Hoạt động luyện tập

** Mục tiêu:*

- Luyện tập để củng cố những gì đã biết về quy luật giá trị, tác động của quy luật giá trị và sự vận dụng quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.

- Rèn luyện NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề cho hs.

** Cách tiến hành:*

- Gv phát phiếu học tập, yêu cầu hs viết 2-3 dòng sau đó thu lại kết quả và đọc trước lớp.

Phiếu học tập:

Học quy luật giá trị em tâm đắc nhất vấn đề:.....
.....
vì.....

- Gv tổ chức cho hs làm bài tập 1,2 (trong phần câu hỏi và bài tập) theo nhóm (4-6 em).

- Hs làm bài tập.

- Đại diện nhóm báo cáo kết quả làm bài, lớp nhận xét đánh giá và thống nhất đáp án.

- Gv chính xác hóa đáp án:

-Đối với tổng hàng hóa trên toàn xã hội, quy luật giá trị yêu cầu: *tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải bằng tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong quá trình sản xuất.*

4. Hoạt động vận dụng

** Mục tiêu:*

- Tạo cơ hội cho hs vận dụng kiến thức và kỹ năng có được vào các tình huống/ bối cảnh mới - nhất là vận dụng vào thực tế cuộc sống.

- Rèn luyện NL tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL công nghệ, NL công dân, NL tự quản lí và phát triển bản thân.

*** Cách tiến hành:**

1) Gv nêu yêu cầu:

a. Tự liên hệ

- Trong quá trình học tập, quá trình lao động sản xuất của bản thân em đã thực hiện đúng theo quy luật giá trị chưa? Cho ví dụ minh họa?

b. Nhận diện xung quanh

Hãy nêu nhận xét của em về việc thực hiện nội dung của quy luật giá trị.

c. Gv định hướng học sinh.

Học sinh nắm rõ quy luật giá trị và nội dung của quy luật giá trị.

2) Học sinh chủ động thực hiện các yêu cầu trên.

5. Hoạt động mở rộng

- Gv cung cấp địa chỉ và hướng dẫn hs cách tìm hiểu về quy luật giá trị thông qua các tư liệu: Giáo trình kinh tế chính trị Mac-Lenin, NXB Chính trị quốc gia, Hà nội, 2002, Chương III: Lượng giá trị hàng hóa (từ tr 64-66) và quy luật giá trị (tr 75 – 76).

- Hs tìm tài liệu và nghiên cứu.

* Rút kinh nghiệm sau tiết giảng:

- Về nội

dung:.....

- Về phương

pháp:.....

-Về phương

tiện:.....

- Về thời gian:

.....

- Về học sinh:

.....

BÀI 3: QUY LUẬT GIÁ TRỊ TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA (Tiết 2)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

- *Nêu được tác động của quy luật giá trị.*
- Nêu một số ví dụ về sự vận động của quy luật giá trị khi vận dụng trong sản xuất và lưu thông hàng hóa ở nước ta.

2. Về kỹ năng

Biết vận dụng quy luật giá trị để giải thích một số hiện tượng kinh tế gần gũi trong cuộc sống.

3. Về thái độ

Tôn trọng quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa ở nước ta.

II. CÁC NĂNG LỰC HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN Ở HỌC SINH

Năng lực nhận thức, năng lực tự học và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL ứng dụng công nghệ thông tin, NL đánh giá và điều chỉnh quá trình sản xuất của bản thân phù hợp với yêu cầu của xã hội.

III. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC

- Thảo luận nhóm.
- Đàm thoại.
- Đọc hợp tác.

IV. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC.

- Sách giáo khoa, sách giáo viên Giáo dục công dân 11.
- Tình huống Giáo dục công dân 11.
- Sách chuẩn kiến thức kỹ năng, giáo dục kỹ năng sống trong môn GD&DC.
- Tranh, ảnh, sơ đồ, giấy khổ to.
- Máy vi tính, đèn chiếu (projector).
- Sơ đồ (thời gian lao động cá biệt và thời gian lao động xã hội cần thiết), biểu đồ, biểu bảng....

- Đồ dùng đơn giản để đóng vai...

V. TỔ CHỨC DẠY HỌC.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung chính của bài học
1. Khởi động * Mục tiêu: - Kích thích HS tìm hiểu về tác động của quy luật giá trị. - Rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề cho HS. * Cách tiến hành: - GV đưa ra ví dụ cụ thể về việc vận chuyển hàng hóa từ nơi này đến nơi khác và ngược lại. Vì sao lại có sự vận chuyển đó là do sự tác động của quy luật nào? - HSTL: - GVKL: Tác động của quy luật giá trị.	1. Tác động của quy luật giá trị
2. Hoạt động hình thành kiến thức Hoạt động 1: Hoạt động 3: Thảo luận nhóm tìm hiểu tác động của quy luật giá trị. * Mục tiêu: - Học sinh nêu và phân tích được những tác động của quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa. - Rèn luyện NL đánh giá, giải quyết vấn đề, NL giao tiếp và hợp tác cho HS * Cách tiến hành: - GV chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm thảo luận về 1 tác động Gv nêu câu hỏi định hướng cho thảo luận nhóm	a. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa. Là sự phân phối lại các yếu tố TLSX và sức lao động từ ngành sản xuất này sang ngành sản xuất khác; phân phối lại nguồn hàng từ nơi này sang nơi khác; mặt hàng này sang mặt hàng khác theo hướng từ nơi có lãi ít hoặc không lãi sang nơi lãi nhiều thông qua biến động của giá cả trên thị trường dưới tác động của quy luật cung cầu.

+ <i>Nhóm 1</i>: Tác động điều tiết sx và lưu thông được biểu hiện như thế nào? Cho ví dụ? + <i>Nhóm 2</i>: Tại sao quy luật giá trị có tác động kích thích sự phát triển của lực lượng sx và làm tăng năng suất lao động xh? Cho ví dụ? + <i>Nhóm 3</i>: Tác động phân hóa giàu nghèo giữa những người sx của quy luật giá trị được biểu hiện như thế nào? Nhóm 4: (Đưa ra bài tập tình huống - HS các nhóm thảo luận và cử đại diện trình bày. Nhóm khác nghe và nhận xét - GV nhận xét và phân tích sâu hơn bằng sơ đồ minh họa về những tác động của quy luật giá trị (Bảng 1, SGK, tr. 54). Hoạt động 4: Đàm thoại tìm hiểu vận dụng quy luật giá trị của Nhà nước và công dân. <i>* Mục tiêu:</i> - Làm cho học sinh nhận thức được nội dung, biết vận dụng quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa. - Rèn luyện kỹ năng giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề cho hs. <i>* Cách tiến hành:</i> - GV lần lượt nêu câu hỏi: + Ở nước ta trong thời kì bao cấp, quy luật giá trị có được thừa nhận không? Tại sao? + Thời kì đổi mới, nhà nước có những biện pháp	b. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển và năng suất lao động tăng lên Người sản xuất, kinh doanh muốn thu nhiều lợi nhuận, phải tìm cách <i>cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động, nâng cao tay nghề của người lao động</i>, hợp lý hóa sản xuất, thực hành tiết kiệm...làm cho giá trị hàng hóa cá biệt của họ thấp hơn giá trị xã hội của hàng hóa. c. Phân hóa giàu – nghèo giữa những người sản xuất hàng hóa
---	--

nào để phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của quy luật giá trị? + Nếu là nhà sản xuất, kinh doanh, em sẽ thực hiện những giải pháp nào để có nhiều lãi? - Với mỗi câu hỏi HS có 1 phút suy nghĩ. - Hs phản hồi ý kiến (mỗi câu hỏi có 2-3 hs nêu ý kiến cá nhân). - Gv ghi ý kiến của hs lên bảng phụ. - GV Nhận xét, chốt lại bằng sơ đồ Sách chuẩn kiến thức kỹ năng lớp 11, trang 52,53.	- Những người có điều kiện sản xuất thuận lợi, có trình độ, kiến thức cao, trang bị kỹ thuật tốt nên có hao phí lao động cá biệt thấp hơn hao phí lao động xã hội cần thiết, nhờ đó giàu lên nhanh chóng, có điều kiện mua sắm thêm TLSX, đổi mới kỹ thuật, mở rộng sản xuất kinh doanh. - Những người không có điều kiện thuận lợi, làm ăn kém cỏi, gặp rủi ro trong kinh doanh nên bị thua lỗ dẫn tới phá sản trở thành nghèo khó. 3. Vận dụng quy luật giá trị a. Về phía Nhà nước - Xây dựng và phát triển mô hình <i>kinh tế thị trường</i> định hướng <i>xã hội chủ nghĩa</i>. - Điều tiết thị trường nhằm phát huy mặt tích cực và hạn chế mặt <i>tiêu cực</i>. b. Về phía công dân (doanh nghiệp và kinh tế gia đình) - Phấn đấu giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh, thu nhiều
---	--

3. Hoạt động luyện tập <i>* Mục tiêu:</i> - Luyện tập để củng cố những gì đã biết về quy luật giá trị, tác động của quy luật giá trị và sự vận dụng quy luật giá trị trong sản xuất và lưu	lợi nhuận. - Chuyển dịch cơ cấu sản xuất, cơ cấu mặt hàng và ngành hàng sao cho phù hợp với nhu cầu. - Đổi mới kỹ thuật – công nghệ, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng hàng hóa.
--	--

thông hàng hóa.

- Rèn luyện NL tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề cho hs.

** Cách tiến hành:*

- Gv phát phiếu học tập, yêu cầu hs viết 2-3 dòng sau đó thu lại kết quả và đọc trước lớp.

Phiếu học tập:

Học tác động quy luật giá trị em tâm đắc nhất vấn đề:.....
.....vì
.....

- Gv tổ chức cho hs làm bài tập 8,9 (trong phần câu hỏi và bài tập) theo nhóm (4-6 em).

- Hs làm bài tập.

- Đại diện nhóm báo cáo kết quả làm bài, lớp nhận xét đánh giá và thống nhất đáp án.

- Gv chính xác hóa đáp án:

Bài tập 8: Ở một số cửa hàng cụ thể

+ Mua hàng từ các nơi đầu mối về bán lẻ với giá cao hơn để thu lãi.

+ Vận chuyển hàng đến những nơi khan hiếm để bán chạy và với lãi cao hơn.

Bài tập 9: Chỉ ra cho hs một số làng nghề đã áp dụng máy móc hiện đại vào quá trình sản xuất như:

+ Làng sx lụa Vạn Phúc, Hà Đông.

+ Làng Hồng, Thiệu Đô làm nghề dệt nhiễu.

4. Hoạt động vận dụng

** Mục tiêu:*

- Tạo cơ hội cho hs vận dụng kiến thức và kỹ năng có được vào các tình huống/bối cảnh mới - nhất là vận dụng vào thực tế cuộc sống.

- Rèn luyện NL tự học, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo, NL công nghệ, NL công dân, NL tự quản lí và phát triển bản thân.

*** Cách tiến hành:**

1) Gv nêu yêu cầu:

a. Tự liên hệ

- Trong quá trình học tập, quá trình lao động sản xuất của bản thân em đã thực hiện đúng theo tác động quy luật giá trị chưa?

- Nêu những việc làm được, những việc chưa làm được? Vì sao?

- Hãy nêu cách khắc phục những hạn chế trên?

b. Nhận diện xung quanh

Hãy nêu nhận xét của em về việc thực hiện, vận dụng tác động của quy luật giá trị của các bạn trong lớp và của gia đình.

c. Gv định hướng học sinh.

Học sinh nắm rõ và tích cực vận dụng quy luật giá trị vào cuộc sống.

2) Học sinh chủ động thực hiện các yêu cầu trên.

5. Hoạt động mở rộng

- Gv cung cấp địa chỉ và hướng dẫn hs cách tìm hiểu về quy luật giá trị thông qua các tư liệu: Giáo trình kinh tế chính trị Mac-Lenin, NXB Chính trị quốc gia, Hà nội, 2002, Chương III: Lượng giá trị hàng hóa (từ tr 64-66) và quy luật giá trị (tr 75 – 76).

- Hs tìm tài liệu và nghiên cứu.

*** Rút kinh nghiệm sau tiết giảng:**

- Về nội dung:.....

- Về phương pháp:.....

- Về phương tiện:.....

- Về thời gian:

- Về học sinh:

TIẾT PPCT: 07

BÀI 4: CẠNH TRANH TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA **(1 tiết)**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức:

- Nêu được khái niệm cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.

Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh.

- Hiểu được mục đích cạnh tranh, tính hai mặt của cạnh tranh.

2. Kỹ năng:

- Phân biệt mặt tích cực và hạn chế của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.

- Nhận xét được vài nét về tình hình cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa ở địa phương.

3. Thái độ:

- Ủng hộ các biểu hiện tích cực, phê phán các biểu hiện tiêu cực của cạnh tranh trong sản xuất hàng hóa và lưu thông hàng hóa.

II. CÁC NĂNG LỰC HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN CỦA HS

- Năng lực tự học, năng lực giao tiếp, năng lực phát triển của học sinh, năng lực đấu tranh phê phán

III. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC CÓ THỂ SỬ DỤNG

- Nêu vấn đề,
- Đàm thoại,
- Phân tích,
- Thảo luận nhóm
- xử lý tình huống

IV. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Sách giáo khoa GDCD11, sách giáo viên GDCD11, chuẩn kiến thức kỹ năng GDCD, tranh, ảnh minh họa...

V. TỔ CHỨC DẠY HỌC:

Hoạt động cơ bản của GV và HS	Nội dung cần đạt
1. Khởi động <i>* Mục tiêu:</i> - Kích thích HS tự tìm hiểu xem các em đã biết gì về cạnh tranh trong đời sống kinh tế. - Rèn luyện năng lực tư duy cạnh tranh lành mạnh trong cuộc sống và học tập cho HS, đồng thời tránh xa và lên án cạnh tranh không lành mạnh. <i>* Cách tiến hành:</i> - Gv cho Hs xem và quan sát các bức tranh  	



- GV nêu câu hỏi: Em có nhận xét gì về mục đích của việc quảng cáo các loại sữa trên?

- 2 đến 3 HS trả lời

- GV bổ sung, kết luận:

Vậy các em hiểu thế nào là cạnh tranh? Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh, mục đích của cạnh tranh và tính hai mặt của cạnh tranh chúng ta cùng tìm hiểu trong bài 4

2. Hoạt động hình thành kiến thức.

Hoạt động 1: Sử dụng phương pháp đàm thoại, thuyết trình, tìm hiểu khái niệm cạnh tranh.

** Mục tiêu.*

- HS nêu được cạnh tranh là gì? Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh?

- Rèn luyện năng lực tư duy quan sát, nhận định, phân tích

** Cách tiến hành:* GV cho HS quan sát các bức tranh trên

- GV đặt câu hỏi: Theo các em cạnh tranh là gì?

- 2 đến 3 học sinh trả lời

- GV kết luận nội dung

Gv hỏi tiếp: Như vậy khái niệm cạnh tranh gồm những nội dung cơ bản nào? - Tính chất của cạnh tranh: là sự đấu tranh giành đua về kinh tế - Các chủ thể tham gia cạnh tranh: Người bán, người mua, người sản xuất, người tiêu dùng - Mục đích của cạnh tranh: thu nhiều lợi nhuận nhất. Gv chuyển ý: Chúng ta vừa tìm hiểu khái niệm cạnh tranh, vậy nguyên nhân nào dẫn đến cạnh tranh? Chúng ta tìm hiểu mục b. Gv: Theo các em nguyên nhân nào dẫn đến cạnh tranh? Học sinh trả lời: Gv: kết luận nhấn mạnh các ý chính, sự tồn tại nhiều chủ sở hữu. Điều kiện sản xuất và lợi ích khác nhau Chuyển tiếp: Vậy mục đích của cạnh tranh là gì? Để đạt được mục đích những người tham gia cạnh tranh thông qua những loại cạnh tranh nào? <u>Hoạt động 2:</u> Sử dụng phương pháp đàm thoại, thuyết trình, tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh. <i>* Mục tiêu:</i> - Học sinh nêu được nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh. - Rèn luyện năng lực tư duy phán đoán, giải quyết	1.Cạnh tranh và nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh: a. Khái niệm cạnh tranh: - Cạnh tranh là sự giành đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh nhằm giành được những điều kiện thuận lợi nhất để thu được lợi nhuận cao.
---	---

vấn đề cho học sinh

** Cách tiến hành:*

- Gv hỏi: Theo em, những người tham gia cạnh tranh nhằm giành lấy những gì?

Học sinh trả lời:

GVKL: Nhận xét: Kết luận về mục đích của cạnh tranh, các thể hiện của mục đích cạnh tranh.

Hoạt động 3: Sử dụng phương pháp đàm thoại, tìm hiểu mục đích cạnh tranh.

** Mục tiêu:*

- HS nắm được mặt tích cực và hạn chế của cạnh tranh

- Rèn luyện năng lực phân biệt cạnh tranh lành mạnh và không lành mạnh từ đó ủng hộ cạnh tranh lành mạnh và phê phán cạnh tranh không lành mạnh

** Cách tiến hành:*

- GV trình bày Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, cạnh tranh tích cực hay hạn chế? Câu trả lời là : Cạnh tranh có hai mặt: Mặt tích cực và mặt hạn chế. Hãy tìm hiểu tính hai mặt này của cạnh tranh tính hai mặt của cạnh tranh.

Hoạt động 4: Sử dụng phương pháp thảo luận nhóm, tìm hiểu tính 2 mặt của cạnh tranh.

CÂU HỎI THẢO LUẬN

- Cách tiến hành:

+ GV phát bút dạ, giấy A3, cho các nhóm làm việc

b. Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh:

- Do sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách các chủ thể kinh tế độc lập, tự do sản xuất

- Kinh doanh, có điều kiện sản xuất và lợi ích khác nhau.

2. Mục đích cạnh tranh:

Mục đích: Nhằm giành lợi ích về mình nhiều hơn người khác.

- Mục đích của cạnh tranh thể hiện ở các mặt:

+ GV phân nhóm và thời gian thảo luận + Hết thời gian 5 phút đại diện các nhóm lên trình bày Nhóm 1 và 2: Tìm hiểu biểu hiện và cho ví dụ minh họa về mặt tích cực của cạnh tranh. Nhóm 3 và 4: Tìm hiểu các biểu hiện và cho ví dụ minh họa về mặt tiêu cực của cạnh tranh. Học sinh thảo luận: Đại diện hai nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, kết luận. - GV: Để phát huy mặt tích cực và giảm thiểu mặt tiêu cực của cạnh tranh chúng ta cần phải làm gì? - GVKL: Cạnh tranh là quy luật kinh tế tồn tại khách quan của sản xuất và lưu thông hàng hóa vừa tích cực vừa hạn chế, nhưng mặt tích cực là cơ bản, mang tính trội. Mặt hạn chế sẽ được nhà nước điều tiết thông qua giáo dục, pháp luật và các chính sách kinh tế thích hợp.	+ Giành nguồn nguyên liệu và nguồn lực sản xuất khác nhau. + Giành ưu thế về khoa học và công nghệ. + Giành thị trường, nơi đầu tư, các hợp đồng và các đơn đặt hàng. + Giành ưu thế về chất lượng, giá cả hàng hóa và phương thức thanh toán... 3. Tính hai mặt của cạnh tranh: a. Mặt tích cực của cạnh tranh: Biểu hiện: - Kích thích lực lượng sản xuất, khoa học kỹ thuật phát triển và năng suất xã hội tăng lên. - Khai thác tối đa mọi nguồn lực khác của đất nước vào phát triển kinh tế. - Thúc đẩy tăng trưởng
--	--

	kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế trong hội nhập kinh tế quốc tế. b. Mặt hạn chế của cạnh tranh: Biểu hiện: - Làm cho môi trường sinh thái bị mất cân bằng. - Xuất hiện những thủ đoạn phi pháp và bất lương. - Đầu cơ tích trữ và gây rối loạn thị trường tác động xấu đến sản xuất và đời sống nhân dân.
<u>3. Hoạt động luyện tập</u> <i>* Mục tiêu</i> - Luyện tập cho học sinh củng cố những gì đã biết về cạnh tranh, nguyên nhân của cạnh tranh, tính hai mặt của cạnh tranh - Rèn luyện năng lực phân biệt được cạnh tranh lành mạnh, cạnh tranh không lành mạnh <i>* Cách tiến hành:</i> - GV tổ chức cho HS làm bài tập 4,5,6 - HS làm bài tập đại diện nhóm báo cáo kết quả	

4. Hoạt động vận dụng

** Mục tiêu:*

- Tạo điều kiện cho học sinh vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống

- Rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề sang tạo tích cực vào cạnh tranh lành mạnh trong học tập cũng như trong cuộc sống.

- Phê phán quan điểm cạnh tranh không lành mạnh

* Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS tự liên hệ trong cuộc sống hàng ngày khi tham gia vào các quan hệ trong đời sống

- Chúng ta nên thực hiện và ủng hộ cạnh tranh lành mạnh, phê phán cạnh tranh không lành mạnh.

- Nêu một số doanh nghiệp làm ăn phát đạt, thực hiện đúng pháp luật ...

- Nêu một số doanh nghiệp cạnh tranh không lành mạnh dẫn đến cản trở sự phát triển.

5. Hoạt động mở rộng:

GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu các văn bản trên mạng về luật Kinh doanh và những quy định về cạnh tranh trong nền kinh tế.

*** Rút kinh nghiệm sau tiết giảng:**

- Về nội dung:.....
- Về phương pháp:.....
- Về phương tiện:.....
- Về thời gian:
- Về học sinh:

TIẾT PPCT: 08

BÀI 5: CUNG – CẦU TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA **(1 tiết)**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, học sinh cần đạt được:

1. Về kiến thức

- Nêu được khái niệm cung, cầu.
- Hiểu được mối quan hệ cung – cầu, vai trò của quan hệ cung cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.
- Nêu được sự vận dụng quan hệ cung – cầu.

2. Về kỹ năng

Biết giải thích ảnh hưởng của giá cả thị trường đến cung – cầu của một loại sản phẩm ở địa phương.

3. Về thái độ

Có ý thức tìm hiểu mối quan hệ cung – cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.

II. CÁC NĂNG LỰC CẦN HƯỚNG TỚI HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN Ở HỌC SINH

- NL nhận thức về kinh tế
- NL tư duy phê phán,
- NL giải quyết vấn đề, NL hợp tác,
- NL sử dụng CNTT và truyền thông...

III. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC CÓ THỂ SỬ DỤNG

- Thảo luận
- Xử lý tình huống

IV. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN.

- SGK, SGV GD&ĐT 11
- Sách bài tập tình huống GD&ĐT 11
- Những nội dung có liên quan đến bài học

- Chuẩn kiến thức kỹ năng 11
- Máy chiếu

V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung chính của bài học
1. Khởi động * <u>Mục tiêu:</u> - Kích thích học sinh tìm hiểu quy luật cung – cầu. - Rèn luyện năng lực sử dụng ngôn ngữ cho học sinh. * <u>Cách tiến hành</u> - Học sinh xem phim về khu vui chơi VINPERL - Đàm thoại để học sinh thấy được nhu cầu của con người và nguồn cung đáp ứng nhu cầu của con người, cụ thể ở đây là nhu cầu vui chơi, giải trí, du lịch khám phá... * GV chốt lại: - Cung – cầu là một trong những quy luật cơ bản của sản xuất hàng hóa. - Tất cả chúng ta đều chịu sự tác động của quy luật này trong sinh hoạt hàng ngày. Vậy chúng ta hiểu cụ thể quy luật này như thế nào để có thể vận dụng cho cá nhân mình? 2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC <u>Hoạt động 1:</u> Sử dụng phương pháp đặt và giải quyết vấn đề kết hợp với thuyết trình, gợi mở để tìm hiểu khái niệm cầu. *Mục tiêu: Hs nhận biết được khái niệm cầu *Cách tiến hành: GV:Đặt vấn đề Trong nền sản xuất hàng hóa mục đích của sản xuất là để	1. Khái niệm cung-cầu: a. Khái niệm cầu:

tiêu dùng, để bán . Trong đó sản xuất gắn với cung và tiêu dùng gắn với cầu.

GV: ghi lên bảng một số nhu cầu về các loại hàng hóa: nhà, ô tô, máy vi tính, cặp sách, mũ, đĩa nhạc, giày dép, bút,...

GV: hỏi HS trong số những hàng hóa trên các em có nhu cầu nào?

HS: Trả lời

GV: các em có thể thanh toán cho những nhu cầu nào?

- Theo em có mấy loại nhu cầu và có phải bất kì nhu cầu nào cũng được nhà sản xuất quan tâm?

- Vậy qua ví dụ và phân tích trên em hãy cho biết cầu là gì?

***Gv chốt lại:**

- GV: Vậy số lượng cầu phụ thuộc vào những yếu tố nào?

Ví dụ: Người nông dân có nhu cầu mua máy tuốt lúa → Phù hợp với thu nhập của mình

Ví dụ: Các loại điện thoại di động trên 10 triệu... ít người sử dụng vì giá cao → Phụ thuộc vào giá cả

Ví dụ: Vào mùa trung thu nhà nào cũng có nhu cầu mua bánh trung thu → Phụ thuộc vào thị hiếu của người tiêu dùng→

Ví dụ: Vào mùa hè nhiều cá nhân, gia đình đi du lịch, do thời tiết, do hs được nghỉ hè.

****Yếu tố ảnh hưởng đến cầu***

Thu nhập, giá cả, thị hiếu, tâm lý....., trong đó thu nhập và giá cả là những yếu tố chủ yếu.

Hoạt động 2: Sử dụng phương pháp đặt và giải quyết

Cầu là khối lượng hàng hóa dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kỳ nhất định tương ứng với giá cả và thu nhập xác định

vấn đề kết hợp với thuyết trình, gợi mở để tìm hiểu khái niệm cung.

***Mục tiêu:**

Hs hiểu được khái niệm cung.

***Cách tiến hành:**

Gv hỏi

- Người tiêu dùng có tiền thì sẽ tìm nhu cầu về những mặt hàng hóa ở đâu?

-**GV:** Hàng hóa được thị trường cung cấp được gọi là cung. Vậy cung là gì?

-**GV hỏi:** vậy những yếu tố nào ảnh hưởng đến số lượng cung? và cho vd

HS: trả lời

***GV chốt lại:**

*** Những yếu tố ảnh hưởng đến cung:**

- Khả năng sản xuất.
- Số lượng.
- Chi phí sản xuất.
- Chất lượng.
- Năng suất.
- Giá cả - Quan trọng nhất.
- Phong tục, tập quán .

Vd1: Giá thịt gà tăng cao thì có nhiều nhà chăn nuôi, mở rộng trang trại.

Vd2: đạo Hồi kiêng ăn thịt heo nên hạt nêm Knor được làm từ xương hầm thịt heo nguyên chất không thể bán được ở các nước theo đạo Hồi. Đạo Hindu không ăn thịt bò...

- Vậy những yếu tố nào ảnh hưởng đến cung và trong các yếu tố đó yếu tố nào là quan trọng nhất?

b. Khái niệm cung:

Cung là khối lượng hàng hóa, dịch vụ hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường trong một thời kì nhất định, tương ứng mức giá cả, khả năng sản xuất và chi phí sản xuất xác định.

Hoạt động 3: Sử dụng phương pháp đàm thoại, nêu vấn đề, gợi mở để làm rõ mối quan hệ cung – cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hóa.

***Mục tiêu: GV:** Ở phần trên chúng ta đã tìm hiểu và biết được thế nào là cung, cầu hàng hoá nhưng chúng có quan hệ như thế nào với nhau và vai trò của chúng đối với sản xuất và lưu thông hàng hoá là như thế nào thì chúng ta sẽ tìm hiểu ở phần 2

GV: nếu một nhà sx làm ra nhiều hàng hóa mà không quan tâm đến nhu cầu của người tiêu dùng thì sẽ ntn?

HS:Trả lời

GV: Nhận xét và đặt tiếp câu hỏi:

Vậy ngược lại người tiêu dùng có quan tâm đến tình hình của nhà sx hay không?

HS:Trả lời

GV:nhận xét và bổ sung

-Trong sản xuất và lưu thông hàng hoá trên thị trường cung và cầu thường xuyên tác động với nhau và là hai bộ phận cấu thành mối quan hệ cung - cầu.

-Mối quan hệ này thường xuyên tiếp diễn trên thị trường, tồn tại và hoạt động một cách khách quan độc lập với ý của con người

-GV:Vậy nội dung của mối quan hệ cung-cầu là gì?

-HS:trả lời

-GV chốt lại:

-GV:vậy nội dung mối quan hệ cung-cầu có những biểu hiện nào chúng ta cùng tiếp tục tìm hiểu.

-GV: Sau khi phân tích như vậy thì em nào hãy lấy ví dụ

2. Mối quan hệ cung - cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hoá:

a. Nội dung của quan hệ cung - cầu:

về sự tác động lẫn nhau giữa cung và cầu?

-**HS:**cho vd

-**GV:**nhận xét và cho thêm vd

-**Vd1:**vào mùa trung thu nhu cầu bánh trung thu tăng cao=>nhà sx bánh trung thu (Kinh Đô,Đồng Khánh,Như Lan...)sx ra nhiều.Qua mùa trung thu nhu cầu giảm =>các hãng thu hẹp sx hoặc không sx nữa thay thế bằng các loại bánh khác.

-**Vd2:**khi luật pháp quy định bắt buộc đội mũ bảo hiểm khi đi xe máy nếu không sẽ bị xử lý nghiêm,triệt để.Nhu cầu mũ bảo hiểm tăng(cầu tăng)=>cung tăng (các nhà sx sản xuất ra nhiều mũ bảo hiểm,nhiều cơ sở sx mũ bảo hiểm cũng ra đời)

Thay vào đó là ta thấy mũ vải mất chỗ đứng,nhu cầu giảm rõ rệt=>các nhà sx thu hẹp sx hoặc chuyển sang sx mặt hàng khác.

-**GV:** Theo em cung và cầu có ảnh hưởng đến giá cả trên thị trường hay không? Em hãy lấy ví dụ minh hoạ cho trường hợp này.

-**HS:**trả lời ý kiến cá nhân.

-**GV:**nhận xét và cho thêm vd

-**Vd1:**qua mùa trung thu nhu cầu về bánh trung thu giảm=>giá bán bánh trung thu giảm đột ngột.

-**Vd2:**trái cây trái mùa(cung<cầu)giá cao

-**Vd3:**tết nhu cầu bánh kẹo tăng=>giá bánh kẹo thường cao hơn.

-**GV:** Qua ví dụ em nào hãy cho cô biết giá cả ảnh hưởng như thế nào đối với cung - cầu ?

-**HS:**cho vd

-**GV:**nhận xét và cho thêm vd

Nội dung: Mỗi quan hệ cung - cầu là mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau giữa người bán với người mua hay giữa những người sản xuất với những người tiêu dùng diễn ra trên thị trường để xác định giá cả và số lượng hàng hoá, dịch vụ.

Ba biểu hiện của nội dung quan hệ cung - cầu:

***Cung - cầu tác động lẫn nhau:**

- Cầu tăng => sản xuất mở rộng => cung tăng.

- Cầu giảm => sản xuất thu hẹp => cung

-Vd1:khi giá cà phê giảm=>thu hẹp sx,nhiều gđ còn chặt cây cà phê để trồng loại cây khác. -Vd2:khi giá gạo,cà phê tăng người dân lại sx, trồng nhiều. -Vd3:khi có đợt giảm giá ,khuyến mãi người tiêu dùng đổ xô đi mua hàng -Vd4:giá xăng tăng thì người tiêu dùng giảm nhu cầu đi lại hoặc chọn phương tiện đi lại công cộng như xe buýt rẻ hơn.. Hoạt động 4: Đàm thoại để học sinh hiểu vận dụng quan hệ cung - cầu trong thực tiễn. *Mục tiêu: - Hs hiểu được việc vận dụng quan hệ cung – cầu của Nhà nước, của người sản xuất kinh doanh và của người tiêu dùng. - Hình thành NL giao tiếp, tư duy... *Cách tiến hành: GV sử dụng phương pháp đàm thoại, yêu cầu học sinh suy nghĩ và cho biết việc vận dụng quan hệ cung – cầu của Nhà nước, của người sản xuất kinh doanh và của người tiêu dùng. GV: Lấy một vài ví dụ cho HS Ví dụ : Các em thấy trên thị trường có lúc điện, vàng, xi măng, sắt thép, gạo,... cung nhỏ hơn cầu, Nhà nước có thể mua của nước ngoài các loại hàng hoá trên và bán ra thị	giảm. *Cung - cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường: - Cung = Cầu → giá cả = giá trị. - Cung > Cầu → giá cả < giá trị . - Cung < Cầu → giá cả > giá trị. *Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung - cầu: - về phía cung:Khi giá cả tăng => cung tăng và ngược lại. - về phía cầu:Khi giá cả giảm => cầu tăng và ngược lại.
---	---

trường nhằm lập lại sự cân đối giữa cung - cầu ổn định giá cả.

Ví dụ : Để ổn định đời sống của nhân dân, phục vụ nhu cầu đi lại trước giá dầu thô liên tục tăng như Nhà nước ta vẫn phải thường xuyên bù giá, trợ cấp cho các chủ doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu để họ có thể bán xăng ở giá có thể chấp nhận được

Ví dụ: Vào mùa hè nhu cầu sử dụng điện làm mát rất lớn vì thế sẽ gây ra tình trạng thiếu điện. Vì vậy các nhà sản xuất chuyển sang kinh doanh các loại bóng điện quạt tiêu tốn ít điện năng để đáp ứng nhu cầu của người dân vào mùa hè.

Ví dụ : khi gà bị cúm thì nhu cầu về thịt gà giảm=>giá rẻ=>người chăn nuôi thu hẹp quy mô sx.

Ví dụ : Sau đợt dịch tai xanh ở heo vừa qua khiến thịt heo rất khan hiếm vì thế mà thịt heo trên thị trường giá rất cao từ 65000 đến 75000 ngàn 1 ký, giá cả đắt khiến người dân chuyển sang mua cá, tôm, gà, đậu hũ...

3. Hoạt động luyện tập

*** Mục tiêu :**

b. Vai trò của quan hệ cung - cầu:

(Không học)

3.Vận dụng quan hệ cung - cầu:

+ Đối với nhà nước:
Thông qua việc điều tiết cung - cầu trên thị trường.

- Khi cung < cầu do khách quan điều tiết bằng cách sử dụng lực lượng dự trữ giảm giá để tăng cung.

- Luyện tập để học sinh củng cố những gì đã biết về cung, cầu và mối quan hệ giữa chúng - Rèn luyện năng lực tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề cho hs * Cách tiến hành : - GV tổ chức cho học sinh làm bài tập : 1. Nhận biết : a, Câu hỏi trắc nghiệm: Câu 1: Điền vào chỗ trống nội dung phù hợp: <i>Cầu là khối lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kì tương ứng với giá cả và xác định.</i> a.Khả năng b.Thu nhập c.Tiêu dùng Câu 2: Mối quan hệ giữa số lượng cung với mức giá cả vận động theo: a.Tỉ lệ nghịch b.Tỉ lệ thuận c.Bằng nhau Câu 3: Quan hệ cung cầu mang tính: a.Tồn tại và hoạt động khách quan b.Độc lập với ý chí con người c.Diễn ra thường xuyên trên thị trường d.Các kiến trên đều đúng Đáp án: 1. b 2. a 3. d b. Tự luận : Cầu là gì ? Cung là gì ? Tại sao người bán và người mua lại quan tâm đến nhu cầu có khả năng thanh toán ?	- Khi cung < cầu do tự phát, đầu cơ, tích trữ, điều tiết bằng cách: xử lý vi phạm pháp luật, sử dụng lực lượng dự trữ quốc gia để tăng cung. - Khi cung > cầu quá nhiều, có biện pháp kích cầu (tăng đầu tư, tăng lương...) + Đối với người sản xuất kinh doanh: <i>Nắm vững các trường hợp cung - cầu để ra quyết định.</i> - Thu hẹp sản xuất, kinh doanh khi cung > cầu, giá cả < giá trị có thể bị thua lỗ. - Khi cung < cầu, giá cả > giá trị thì chuyển sang sản xuất kinh
---	---

- Cầu là khối lượng hàng hoá, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kỳ nhất định tương ứng với giá cả và thu nhập xác định. - Cung là khối lượng hàng hoá, dịch vụ hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường trong một thời kỳ nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản xuất và chi phí sản xuất xác định. 2. Vận dụng cao : Khi nước ta là thành viên của Tổ chức thương mại Thế giới WTO, theo em mối quan hệ cung cầu hàng hóa và việc làm sẽ diễn ra như thế nào ? A. Thuận lợi. B. Khó khăn. C. Vừa thuận lợi vừa khó khăn. Tại sao em chọn phương án đó ? Phương án C, vì khi nước ta là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới WTO thì hàng hóa sẽ nhiều hơn, đa dạng hơn nhưng sự cạnh tranh lại khốc liệt hơn.	doanh. + <i>Đối với người tiêu dùng: Nằm vững các trường hợp cung - cầu để ra quyết định mua hay không mua.</i> - Giảm mua các mặt hàng khi cung < cầu và giá cả cao. - Chuyển sang mua các mặt hàng khi cung > cầu và giá cả thấp.
--	--

4. Hoạt động vận dụng

* Mục tiêu

- Tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức và kỹ năng có được để có thể tham gia sản xuất, kinh doanh hàng hóa phù hợp với nhu cầu của lứa tuổi.
- Rèn luyện năng lực công dân, năng lực phát triển bản thân.

* Cách tiến hành :

a. Tự liên hệ

Trong cuộc sống, khi là người tiêu dùng, các em cần biết lúc nào nên mua hàng hóa tiêu dùng...

b. Nhận diện xung quanh

Thực trạng vào lúc thu hoạch chính vụ ngô, lúa...

c.GV định hướng HS

Khi cá nhân em hoặc gia đình em kinh doanh... ?

Khi em là người mua..... ?

5.Hoạt động mở rộng :

Theo dõi thông tin tuyển sinh, tuyển dụng trên báo Dân trí, Giáo dục thời đại để biết nhu cầu nhân lực để các em lựa chọn ngành nghề phù hợp.

*** Rút kinh nghiệm sau tiết giảng:**

- Về nội

dung:.....

- Về phương

pháp:.....

-Về phương

tiện:.....

- Về thời gian:

.....

- Về học sinh:

.....

TIẾT PPCT: 10

BÀI 6: CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC (2 tiết)

Tiết 1

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

- Học sinh nắm được khái niệm và tính tất yếu của CNH-HĐH.
- Học sinh nắm được tác dụng to lớn của CNH-HĐH ở nước ta.

2. Về kỹ năng

Hiểu được tình hình và trình độ CNH-HĐH ở các nước và ở nước ta.

3. Về thái độ

- Nâng cao lòng tin vào đường lối CNH-HĐH của Đảng và Nhà nước ta.
- Xác định đúng tinh thần, thái độ, trách nhiệm công dân

II. CÁC NĂNG LỰC CẦN HUỐNG TỚI HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN Ở HỌC SINH

- Năng lực tự học, năng lực giao tiếp hợp tác, năng lực giải quyết các vấn đề và sáng tạo khoa học công nghệ để áp dụng vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

III. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC CÓ THỂ SỬ DỤNG

- Thảo luận nhóm
- Xử lý các tình huống
- Hợp tác làm việc

IV. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN.

- SGK, SGV GDCD 11
- Sách bài tập tình huống GDCD 11
- Những nội dung có liên quan đến bài học
- Chuẩn kiến thức kỹ năng 11
- Máy chiếu

V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp

Hoạt động cơ bản của giáo viên và học sinh	Nội dung bài học
* Mục tiêu: HS nêu được thế nào là CNH – HĐH đất nước - HS thấy được tác dụng to lớn của CNH – HĐH ở nước ta - HS thấy được tính tất yếu nước ta phải tiến hành CNH – HĐH - Rèn luyện kỹ năng so sánh, phân biệt CNH – HĐH. * Cách tiến hành: - GV cho HS xem đoạn phóng sự về quá trình CNH – HĐH và quan sát các hình ảnh trên máy chiếu Sử dụng sức trâu bò Sử dụng máy móc Quá trình tự động hóa - GV hỏi HS: Hãy phân biệt nhận xét gì về đoạn phóng sự trên? - Qua các hình ảnh trên hãy chỉ ra đâu là CNH, HĐH?	

Hoạt động cơ bản của giáo viên và học sinh	Nội dung bài học
- HS thảo luận về phóng sự trên và hình ảnh mà GV đã nêu trên - GV nêu câu hỏi tiếp theo để thảo luận: Thế nào là CNH, HĐH ? CNH – HĐH là gì? - GV định hướng cho học sinh: + Đoạn phóng sự trên là quá trình mà người dân từ chỗ đã sử dụng sức trâu bò nay đã sử dụng máy móc và đặc biệt là người máy làm việc... + Mục đích của việc này là để đưa năng xuất lao động tăng cao *Hoạt động 2:GV sử dụng phương pháp trực quan, diễn giảng , nêu và giải quyết vấn đề tìm hiểu tính tất yếu khách quan và tác dụng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. * Mục tiêu: - HS thấy được tác dụng to lớn của CNH – HĐH ở nước ta - HS thấy được tính tất yếu nước ta phải tiến hành CNH – HĐH - Rèn luyện kỹ năng tư duy, liên hệ thực tiễn để tìm hiểu tính tất yếu khách quan của sự nghiệp CNH – HĐH đất nước. * Cách tiến hành: GV cho học sinh đọc một số thông tin về sự phát triển KT của các nước Ví dụ nền kinh tế nhật bản	1. KN CNH-HĐH, tính tất yếu khách quan và tác dụng của CNH-HĐH đất nước. a. Khái niệm CNH-HĐH. CNH: là chuyển từ hoạt động sản xuất thủ công là chính sang sử dụng phổ biến SLĐ dựa trên sự phát triển của CN cơ khí. HĐH: là quá trình ứng dụng và trang bị những thành tựu KHCN vào quá trình SXKD và quản lí KTXH. - Khái niệm CNH-

Hoạt động cơ bản của giáo viên và học sinh	Nội dung bài học
Kinh tế Nhật Bản tăng trưởng nhanh hơn dự kiến 09-06-2017 08:07 Kinhtedothi - Theo Bloomberg, số liệu được Văn phòng Nội các Nhật Bản công bố hôm nay (8/6) cho thấy, nền kinh tế Nhật Bản trong quý I đã tăng trưởng 3,9%, cao hơn nhiều so với dự báo 2,4% đưa ra trước đó. Nhu cầu đầu tư của DN và chi tiêu của người dân tăng đã trở thành động lực cho nền kinh tế lớn thứ 3 thế giới. Đặc biệt, việc đồng Yên liên tục giảm giá trong thời gian qua nhưng lại giúp hàng hóa Nhật tăng sức cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu trên thế giới... - GV cho HS tìm hiểu thêm về nền kinh tế các nước tiên tiến.. - HS so sánh nhận xét về nền KT một số nước - GV đặt câu hỏi vậy tại sao nước ta phải tiến hành CNH – HĐH ? - GV hỏi tiếp vậy tác dụng của CNH – HĐH đất nước là gì? - GV kết luận nội dung về tính tất yếu khách quan và tác dụng của CNH – HĐH đất nước 3. Hoạt động luyện tập * Mục tiêu : - Luyện tập để học sinh củng cố những gì đã biết về khái niệm, tác dụng của CNH – HĐH đất nước. - Rèn luyện năng lực tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác,	HĐH là Qua trình chuyển đổi căn bản toàn diện các hoạt động KT và quản lí KT – XH từ sử dụng sức LĐ thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức LĐ cùng với công nghệ, phương tiện, phương pháp tiên tiến, hiện đại nhằm tạo ra năng xuất LĐ xã hội cao. <i>b. Tính tất yếu khách quan và tác dụng của</i>

Hoạt động cơ bản của giáo viên và học sinh	Nội dung bài học
năng lực giải quyết vấn đề cho hs. * Cách tiến hành : - GV tổ chức cho học sinh làm bài tập 1, SGK Trang 55	<i>CNH-HĐH đất nước.</i> - Tính tất yếu khách quan của CNH-HĐH + Do yêu cầu phải xây dựng CSVC, KT của CNXH. + Do yêu cầu phải rút ngắn khoảng cách tụt hậu xa về kinh tế kỹ thuật giữa nước ta với các nước + Do yêu cầu phải tạo ra NSLĐ XH cao đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của chủ nghĩa xã hội. - Tác dụng của CNH-HĐH. + Tạo tiền đề thúc đẩy tăng trưởng và phát triển KTXH

Hoạt động cơ bản của giáo viên và học sinh	Nội dung bài học
	+ củng cố QHSX XHCN, tăng cường vai trò của Nhà nước + Tạo tiền đề phát triển nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. + Xây dựng kinh tế tự chủ và chủ động HNQT, tăng cường tiềm lực ANQP.

4. Hoạt động vận dụng

*** Mục tiêu**

- Tạo cơ hội cho HS vận dụng kiến thức và kỹ năng vào thực tế cuộc sống
- Rèn luyện năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo, năng lực công nghệ thông tin

*** Cách tiến hành:**

- Học sinh vận dụng những thành tựu CNH – HĐH vào trong học tập và trong đời sống
- GV hệ thống lại toàn bộ kiến thức cơ bản của tiết học
- Những tiền đề để tiến hành CNH-HĐH trong thời kì quá độ lên CNXH ở nước ta.

- + Huy động vốn và sử dụng vốn có hiệu quả
- + Nguồn nhân lực
- + Tiềm lực khoa học kỹ thuật
- + Quan hệ kinh tế đất nước
- + Sự lãnh đạo, định hướng của Đảng và Nhà nước

5. Hoạt động mở rộng

- GV cung cấp cho học sinh những kiến thức có liên quan như luật KHCN, tìm hiểu sự phát triển KHCN trong nước và thế giới

*** Rút kinh nghiệm sau tiết giảng:**

- Về nội dung:.....
- Về phương pháp:.....
- Về phương tiện:.....
- Về thời gian:.....
- Về học sinh:.....

TIẾT PPCT: 11`

BÀI 6: CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC (2 tiết)

Tiết 2

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

- Học sinh nắm được nội dung cơ bản của CNH-HĐH ở nước ta.
- Học sinh nắm được trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp CNH-HĐH .

2. Về kĩ năng

Hiểu được tình hình và trình độ CNH-HĐH ở các nước và ở nước ta.

3. Về thái độ

- Nâng cao lòng tin vào đường lối CNH-HĐH của Đảng và Nhà nước ta.
- Xác định đúng tinh thần, thái độ, trách nhiệm công dân

II. CÁC NĂNG LỰC CẦN HUỐNG TỚI HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN Ở HỌC SINH

- Năng lực tự học, năng lực giao tiếp hợp tác, năng lực giải quyết các vấn đề và sáng tạo khoa học công nghệ để áp dụng vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

III. PHƯƠNG PHÁP, KỸ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC CÓ THỂ SỬ DỤNG

- Thảo luận nhóm
- Xử lí các tình huống
- Hợp tác làm việc

IV. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN.

- SGK, SGV GDCD 11
- Sách bài tập tình huống GDCD 11
- Những nội dung có liên quan đến bài học
- Chuẩn kiến thức kĩ năng 11
- Máy chiếu

V. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ

3. Học bài mới

Hoạt động cơ bản của giáo viên và học sinh	Nội dung bài học
1. Khởi động * Mục tiêu - Khích thích HS tìm hiểu về nội dung của CNH- HĐH. - Rèn luyện kỹ năng tư duy CNH – HĐH. * Cách tiến hành: GV sử dụng phương pháp thuyết trình để vào bài. Ở tiết trước, chúng ta đã tìm hiểu xong khái niệm, tính tất yếu khách quan và tác dụng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuần này, chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta và trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, qua mục 2, 3 của bài 6. 2. Hoạt động hình thành kiến thức <u>Hoạt động 1.</u> Sử dụng phương pháp trực quan tìm hiểu khái niệm CNH – HĐH đất nước. - Mục tiêu: HS hiểu được nội dung của CNH – HĐH đất nước. - Rèn luyện kỹ năng tư duy để tìm hiểu nội dung của sự nghiệp CNH – HĐH đất nước. * Cách tiến hành: -GV cho học sinh xem sơ đồ khái quát, bảng 3, SGK, tr. 84: - Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta có những nội dung cơ bản gì? - Cho học sinh xem sơ đồ khái quát, bảng 3, SGK, tr. 84:	2. Nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta a. Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất - Thực hiện cơ khí hóa nền sản xuất xã hội. - Áp dụng những thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại vào các ngành kinh tế. - Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. b. Xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại và hiệu quả



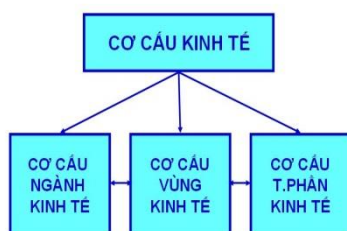
- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta có những nội dung cơ bản gì?

- Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất được thể hiện thông qua những việc làm nào?

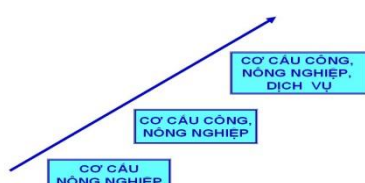
- Nhận xét, chốt lại.

- Lần lượt cho học sinh xem các sơ đồ sau:

+ Sơ đồ 1: Cơ cấu kinh tế:



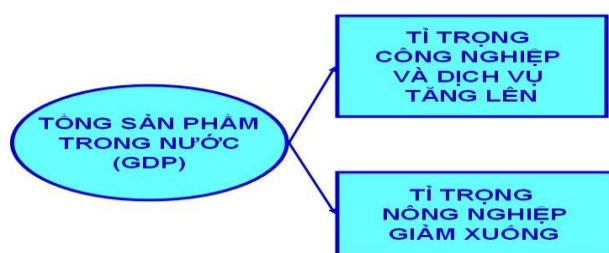
+ Sơ đồ 2: Xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế:



- Chuyển dịch, phát triển từ cơ cấu kinh tế nông nghiệp lên cơ cấu kinh tế công, nông nghiệp và dịch vụ hiện đại.

- Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức.

+ Sơ đồ 3: Tỷ trọng phát triển cơ cấu ngành kinh tế trong GDP:



+ Sơ đồ 4: Xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động trong tổng lao động xã hội:



- Thế nào là cơ cấu kinh tế biến đổi theo hướng tiến bộ ?

- Ví dụ: Cơ cấu kinh tế theo ngành và vùng ở nước ta đã và đang chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa:

+ Năm **2005**:

. Cơ cấu ngành: tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP là **41%**. Tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản là 20.9%. Tỷ trọng dịch vụ là **38.1%**.

. Cơ cấu lao động: tỷ trọng lao động của ngành công nghiệp và xây dựng trong tổng số lao động xã hội: 17.9%. Lao động trong các ngành dịch vụ: 25.3%. Lao động trong các ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản: 56.8%.

+ Dự báo năm 2010, cơ cấu ngành trong GDP (tổng sản phẩm

c. Củng cố và tăng cường địa vị chủ đạo của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và tiến tới xác lập địa vị thống trị của quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân

(Không học).

trong nước) sẽ là: nông nghiệp 15-16%; công nghiệp và xây dựng 43-44%; dịch vụ 40-41

***Hoạt động 2:**Sử dụng phương pháp thuyết trình, giảng giải, phân tích trình bày trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

* Mục tiêu:

- HS trình bày trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp CNH – HĐH ở nước ta.
- Rèn luyện kỹ năng tư duy, liên hệ thực tiễn để tìm hiểu trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp CNH – HĐH đất nước.

* Cách tiến hành:

- GV hướng dẫn HS nghiên cứu tài liệu mục 3
- GV nêu câu hỏi
- Công dân có trách nhiệm như thế nào đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước?
- Nhận xét, chốt lại nội dung bài học.

3. Hoạt động luyện tập

* Mục tiêu :

- Luyện tập để học sinh củng cố những gì đã biết về khái niệm, tác dụng của CNH – HĐH đất nước.
- Rèn luyện năng lực tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề cho hs.

* Cách tiến hành :

- GV tổ chức cho học sinh làm bài tập 2,3 SGK Trang 55

3. Trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

- Nhận thức đúng đắn về tính tất yếu khách quan và tác dụng to lớn của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- Lựa chọn ngành, mặt hàng có khả năng cạnh tranh cao, phù hợp với nhu cầu của thị trường.
- Ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại vào sản xuất.
- Học tập, nâng cao trình độ văn hóa, khoa học - công nghệ hiện đại.

4. Hoạt động vận dụng

* Mục tiêu

- Tạo cơ hội cho HS vận dụng kiến thức và kỹ năng vào thực tế cuộc sống

- Rèn luyện năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề sáng tạo, năng lực công nghệ thông tin

** Cách tiến hành:*

- Học sinh vận dụng những thành tựu CNH – HĐH vào trong học tập và trong đời sống

- GV hệ thống lại toàn bộ kiến thức cơ bản của tiết học

- Những tiền đề để tiến hành CNH-HĐH trong thời kì quá độ lên CNXH ở nước ta.

+ Huy động vốn và sử dụng vốn có hiệu quả

+ Nguồn nhân lực

+ Tiềm lực khoa học kĩ thuật

+ Quan hệ kinh tế đất nước

+ Sự lãnh đạo, định hướng của Đảng và Nhà nước

5. Hoạt động mở rộng

- GV cung cấp cho học sinh những kiến thức có liên quan như luật KHCN, tìm hiểu sự phát triển KHCN trong nước và thế giới

*** Rút kinh nghiệm sau tiết giảng:**

- Về nội dung:.....

- Về phương pháp:.....

- Về phương tiện:.....

- Về thời gian:.....

- Về học sinh:

Bài 7

Tiết 12: THỰC HIỆN NỀN KINH TẾ NHIỀU THÀNH PHẦN VÀ TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ QUẢN LÝ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC (2 tiết)

A. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:

Học xong bài này, học sinh cần đạt được:

1. Về kiến thức

- Nêu được thế nào là thành phần kinh tế.
- Nêu được sự cần thiết khách quan của nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta.
- Biết được đặc điểm cơ bản của các thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay.
- Hiểu được vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước trong nền kinh tế nhiều thành phần ở Việt Nam.

2. Về kỹ năng

- Phân biệt được các thành phần kinh tế ở địa phương.
- Xác định được trách nhiệm của mỗi công dân trong việc phát triển nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta.

3. Về thái độ

- Tin tưởng, ủng hộ đường lối phát triển kinh tế nhiều thành phần của Đảng và Nhà nước.
- Tích cực tham gia phát triển kinh tế gia đình, phù hợp với điều kiện của gia đình và khả năng của bản thân.
- Quyết tâm học tập, rèn luyện để trở thành người lao động đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta.

B. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. Chuẩn bị của GV

*Tài liệu:

- Tài liệu chính thức: SGK, SGV Giáo dục công dân 11. Chuẩn kiến thức, kỹ năng môn GDCC.
- Tài liệu tham khảo khác:
 - + Hồ Thanh Diện: Thiết kế bài giảng Giáo dục công dân 11, NXB. Hà Nội, 2007.

+ Vũ Hồng Tiến - Trần Văn Thắng - Nguyễn Thị Hoa: Tình huống Giáo dục công dân 11, NXB. Giáo dục, TP. Hồ Chí Minh, 2008.

*Phương tiện:

- Dùng các dụng cụ dạy học trực quan như sơ đồ (Sơ đồ về các thành phần kinh tế), biểu bảng,...

2. Chuẩn bị của HS:

- Sách giáo khoa GDCD lớp 11.
- Sách bài tập GDCD 11.
- Sơ đồ, biểu đồ.

C. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Kiểm tra bài cũ

- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta có những nội dung gì?
- Công dân có trách nhiệm như thế nào đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước?

3. Tiến trình bài học:

Sau hơn 20 năm đổi mới (1986 đến nay), nước ta đã có một sự thay đổi cơ bản và toàn diện, làm cho thế và lực, uy tín quốc tế của nước ta tăng lên nhiều so với trước. Tình hình cung – cầu hàng hóa hiện nay nhiều, phong phú và đời sống nhân dân cao hơn so với thời kỳ trước năm 1986. Nguyên nhân nào dẫn đến sự thay đổi đó? Phải chăng do nước ta đã chuyển đổi mô hình kinh tế cũ sang mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, lấy nền kinh tế nhiều thành phần làm cơ sở kinh tế. Vậy, thành phần kinh tế là gì? Tại sao trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta lại phải thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần?...Để trả lời cho những câu hỏi đó, chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài 7: Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần và tăng cường vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước (2 tiết).

***Hoạt động 1:** Tìm hiểu đơn vị kiến thức 1: Khái niệm thành phần kinh tế và tính tất yếu khách quan của nền kinh tế nhiều thành phần.

- GV sử dụng phương pháp thuyết trình, hỏi - đáp.
- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung chính của bài học
-------------------------------------	----------------------------

***Hoạt động 1:** Tìm hiểu đơn vị kiến thức 1

- GV sử dụng phương pháp thuyết trình, hỏi - đáp.
- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

***Bước 1:**

- Cho ví dụ về một thành phần kinh tế như kinh tế hộ gia đình và hỏi thành phần kinh tế là gì?

- Tại sao nói sự tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta là một tất yếu khách quan?

*** Hoạt động 2:** Tìm hiểu các thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay.

- GV sử dụng phương pháp thuyết trình, hỏi – đáp, trực quan, sơ đồ.
- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.



*Kinh tế Nhà nước là thành phần kinh tế như thế nào ?

- Nội dung của kinh tế Nhà nước: bao gồm các doanh nghiệp Nhà nước, các quỹ dự trữ quốc gia, các quỹ bảo hiểm Nhà nước, các tài sản thuộc sở hữu Nhà nước có thể đưa vào sản xuất kinh

1. Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần

a) Khái niệm thành phần kinh tế và tính tất yếu khách quan của nền kinh tế nhiều thành phần

- Khái niệm thành phần kinh tế :

Thành phần kinh tế là kiểu quan hệ kinh tế dựa trên một hình thức sở hữu nhất định về tư liệu sản xuất.

- Tính tất yếu khách quan của sự tồn tại nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ở nước ta:

+ Do trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nước ta vẫn tồn tại một số thành phần kinh tế của xã hội trước đây; đồng thời xuất hiện thêm những thành phần kinh tế của chế độ xã hội chủ nghĩa.

+ Vì ở nước ta, lực lượng sản xuất phát triển còn thấp và ở nhiều trình độ khác nhau nên có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất.

b. Các thành phần kinh tế ở nước ta

doanh, gồm cả những phần vốn của Nhà nước đóng góp vào các doanh nghiệp của các thành phần kinh tế khác. Nội dung của nó mạnh hơn, rộng hơn bộ phận doanh nghiệp Nhà nước.

- Vai trò: giữ vai trò chủ đạo, nắm giữ các vị trí, các lĩnh vực then chốt trong nền kinh tế; là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay, thúc đẩy các thành phần kinh tế khác cùng phát triển.

- Xu hướng vận động: trong những năm tới, kinh tế nhà nước tập trung chủ yếu vào một số lĩnh vực : kết cấu hạ tầng, sản xuất tư liệu sản xuất và dịch vụ quan trọng của nền kinh tế, vào một số lĩnh vực công ích, đẩy mạnh và mở rộng cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Chuyển một số công ty nhà nước thành tập đoàn kinh tế hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, có sự tham gia cổ phần của tư nhân trong nước và các nhà đầu tư nước ngoài, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối.

*Kinh tế tập thể là thành phần kinh tế như thế nào ?

- Nội dung: bao gồm những hình thức hợp tác đa dạng, trong đó hợp tác xã là nòng cốt.

- Vai trò: kinh tế tập thể cùng với kinh tế nhà nước ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

- Xu hướng vận động: tiếp tục tồn tại và phát triển dưới nhiều hình thức đa dạng, từ thấp lên cao: tổ hợp tác, hợp tác xã kiểu mới, liên hiệp hợp tác xã cổ phần.

*Kinh tế tư nhân là gì ?

- Nội dung: bao gồm kinh tế cá thể tiểu chủ, kinh

- *Kinh tế Nhà nước: là thành phần kinh tế dựa trên hình thức sở hữu nhà nước về tư liệu sản xuất.*

tế tư bản tư nhân.

- Vai trò : có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế.

- Xu hướng vận động : hiện nay, phần lớn hoạt động dưới hình thức hộ gia đình đối với thành phần kinh tế cá thể, tiểu chủ và đang có tiềm năng to lớn, vị trí quan trọng lâu dài. Còn đối với thành phần kinh tế tư bản tư nhân trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội tồn tại dưới các hình thức: doanh nghiệp tư bản tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn.

- Kinh tế tập thể: là thành phần kinh tế dựa trên hình thức sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất

- *Kinh tế tư nhân: là thành phần kinh tế dựa trên hình thức sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, bao gồm:*

4. Tổng kết và hướng dẫn học tập

4.1. Tổng kết

- GV: Tại sao hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất lại là căn cứ trực tiếp để xác định thành phần kinh tế?

Đáp án: Vì nó gắn với chủ sở hữu, quy định quan hệ quản lý và quan hệ phân phối trong hệ thống quan hệ sản xuất đối với mỗi thành phần kinh tế nhất định.

- GV : Tại sao trong 5 thành phần kinh tế, kinh tế nhà nước lại giữ vai trò chủ đạo?

Đáp án: Để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế thị trường nước ta hiện nay, để nó phát triển theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, vận động theo quỹ đạo XHCN, chống lại xu hướng tự phát TBCN.

4.2 Hướng dẫn học tập

Các em về nhà xem trước phần còn lại của bài, trả lời các câu hỏi sau:

+ Tại sao Nhà nước lại phải quản lý kinh tế? (Nhóm 1)

+ Nội dung vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước? Tại sao Nhà nước lại có vai trò đó? (Nhóm 2,3)

+ Làm thế nào để tăng cường vai trò và hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước? (Nhóm 4).

Ngày soạn:.....

Ngày dạy:.....

Lớp:

Tiết 13: THỰC HIỆN NỀN KINH TẾ NHIỀU THÀNH PHẦN VÀ TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ QUẢN LÝ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC
(2 tiết)

C. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Ôn định tổ chức lớp:

2. Kiểm tra bài cũ :

- Câu hỏi 1: *Vì sao nói thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần là tất yếu khách quan?*

3. Tiến trình bài học:

Tiết học trước, chúng ta đã tìm hiểu tiết 1 của bài 7 (Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần và tăng cường vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước) đã nắm vững được một số nội dung như: Khái niệm thành phần kinh tế và tính tất yếu khách quan của sự tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta. Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu phần còn lại của bài.

***Hoạt động 2: Tìm hiểu đơn vị kiến thức 2: Tìm hiểu các thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay. (tiếp theo)**

- GV sử dụng phương pháp thuyết trình, hỏi - đáp, sơ đồ.

- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
*Hoạt động 2: Tìm hiểu đơn vị kiến thức 2: Tìm hiểu các thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay. (tiếp theo) - Kinh tế tư bản nhà nước là gì ? - Nội dung: bao gồm các hình thức hợp tác liên doanh giữa kinh tế nhà nước với tư bản tư nhân trong nước và nước ngoài. - Vai trò: thành phần kinh tế này có vai trò rất quan trọng, là cầu nối để đưa sản xuất nhỏ lạc hậu lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. - Xu hướng vận động: hiện nay, thành phần kinh tế này	b. Các thành phần kinh tế ở nước ta + Kinh tế cá thể, tiểu chủ: dựa trên hình thức sở hữu nhỏ về TLSX và lao động của bản thân người lao động. - <i>Kinh tế tư bản nhà nước: là thành phần kinh tế dựa trên</i>

đang có nhiều tiềm năng phát triển. - Hiểu như thế nào là đúng về thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ? - Nội dung: có quy mô vốn lớn, có trình độ quản lý hiện đại và trình độ công nghệ cao, đa dạng về đối tác. - Vai trò: góp phần thúc đẩy nền kinh tế nước ta tăng trưởng và phát triển. - Xu hướng phát triển: phát triển theo hướng sản xuất kinh doanh để xuất khẩu, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội gắn với thu hút công nghệ hiện đại, tạo thêm việc làm.	<i>hình thức sở hữu hỗn hợp về vốn giữa kinh tế nhà nước với tư bản tư nhân trong nước hoặc nước ngoài.</i> <i>- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: là thành phần kinh tế dựa trên hình thức sở hữu vốn của nước ngoài.</i> => Nhà nước chủ trương phát triển các thành phần kinh tế để thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước, tạo nhiều việc làm, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
--	--

***Hoạt động 3:** Trách nhiệm của công dân đối với việc thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần.

- GV sử dụng phương pháp thuyết trình, hỏi - đáp.
- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
------------------------	----------

*Bước 1: GV hướng dẫn học sinh xem sơ đồ trách nhiệm của công dân (bảng 1, SGK, tr. 94) và giảng giải. *Bước 2: Từ sơ đồ, GV đặt câu hỏi: - GV: Mỗi công dân có trách nhiệm như thế nào đối với việc thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần?	c. Trách nhiệm của công dân đối với việc thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần - <i>Tin tưởng và chấp hành tốt chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần.</i> - <i>Tham gia lao động sản xuất ở gia đình; vận động người thân tham gia đầu tư vào sản xuất, kinh doanh.</i> - <i>Tổ chức sản xuất, kinh doanh các ngành, nghề và mặt hàng mà pháp luật không cấm.</i> - <i>Chủ động tìm kiếm việc làm trong các thành phần kinh tế.</i>
---	--

4. Tổng kết và hướng dẫn học tập

4.1. Tổng kết

- GV: Câu hỏi 1 (Bài 7, SGK, tr.65): *Thành phần kinh tế nhà nước khác với thành phần kinh tế tư bản nhà nước về:*

- Hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất
- Quan hệ trong tổ chức và quản lý sản xuất
- Quan hệ trong phân phối sản phẩm
- Tất cả các phương án trên

- HS: *Đáp án đúng là d.*

- GV: Câu hỏi 2 (Bài 8, SGK, tr.65): *Theo em, với sự tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần, vấn đề tìm kiếm việc làm có gì khác so với trước đây khi nền kinh tế nước ta còn tình trạng bao cấp?*

- HS: Đáp án: *Trong nền kinh tế nhiều thành phần, việc tìm kiếm việc làm có nhiều cơ hội. Chúng ta có thể tham gia bất cứ thành phần kinh tế nào để có thu nhập chính đáng cho mình, cho gia đình và xã hội.*

4.2 Hướng dẫn học tập

Các em về nhà học bài 7 (tiết 2), và tìm hiểu (qua sách tham khảo, mạng internet...) một số nội dung liên quan đến bài ngoại khóa tìm hiểu về tác hại của các chất ma túy và chất gây nghiện thường gặp:

- + Ma túy là gì? Đặc điểm chung của ma túy?
- + Các chất ma túy và chất gây nghiện thường gặp.
- + Những tác hại chung của ma túy.
- + Tình hình lạm dụng ma túy, các chất gây nghiện và tội phạm ma túy ở nước ta.

Ngày soạn:.....

Ngày dạy:.....

Lớp:

PHẦN HAI

CÔNG DÂN VỚI CÁC VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ – XÃ HỘI

Tiết 14 - Bài 8: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (2 tiết)

A. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1. Về kiến thức

- Hiểu được CNXH là giai đoạn đầu của xã hội CSCN.
- Nêu được sự những đặc trưng cơ bản của CNXH ở nước ta.
- Nêu được tính tất yếu khách quan đi lên chủ nghĩa xã hội và đặc điểm thời kì quá độ lên CNXH ở Việt Nam.

2. Về kỹ năng

- Phân biệt sự khác nhau cơ bản giữa CNXH với các chế độ trước đó ở Việt Nam.

3. Về thái độ

- Tin tưởng vào thắng lợi của CNXH ở nước ta; có ý thức sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ đất nước, bảo vệ CNXH.

B. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. Chuẩn bị của GV

*Tài liệu:

- Tài liệu chính thức: SGK, SGV Giáo dục công dân 11. Chuẩn kiến thức, kỹ năng môn GD&CD.

- Tài liệu tham khảo khác:

+ Hồ Thanh Diện: Thiết kế bài giảng Giáo dục công dân 11, NXB. Hà Nội, 2007.

+ Vũ Hồng Tiến - Trần Văn Thắng - Nguyễn Thị Hoa: Tình huống Giáo dục công dân 11, NXB. Giáo dục, TP. Hồ Chí Minh, 2008.

*Phương tiện:

- Dùng các dụng cụ dạy học trực quan như sơ đồ (Sơ đồ về các thành phần kinh tế), biểu bảng,...

2. Chuẩn bị của HS:

- Sách giáo khoa GD&CD lớp 11.

- Sách bài tập GDĐD 11.
- Sơ đồ, biểu đồ.

C.TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ:

Nêu trách nhiệm của công dân đối với việc thực hiện các thành phần kinh tế?

3.Tiến trình bài học:

CNXH là mục tiêu cách mạng mà Đảng và nhân dân ta đang ra sức phấn đấu xây dựng. Hiện nay chúng ta đang trong thời kì quá độ lên CNXH. Vậy CNXH là gì? Thế nào là thời kì quá độ lên CNXH? CNXH có những đặc trưng cơ bản nào? Để trả lời câu hỏi đó, chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

*** Hoạt động 1: CNXH và những đặc trưng cơ bản của CNXH ở Việt Nam**

- GV sử dụng phương pháp thuyết trình, hỏi - đáp, thảo luận lớp, sơ đồ.
- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV – HS	Nội dung
*<u>Bước1</u>: Nghiên cứu tài liệu SGK và thảo luận lớp. *<u>Bước2</u>:GV đặt câu hỏi - GV: Bằng kiến thức đã học, em hãy cho biết lịch sử xã hội loài người đã và đang trải qua những chế độ xã hội nào? - GVKL: *Em có nhận xét gì về trình độ phát triển của XH sau so với XH trước? Nêu VD thực tiễn để minh hoạ? *Theo em yếu tố nào đóng vai trò quyết định sự thay đổi chế độ XH này bằng chế độ XH khác tiến bộ hơn? Nêu VD thực tiễn để minh hoạ? *Theo quan điểm của CN Mac -	1.CNXH và những đặc trưng cơ bản của CNXH ở Việt Nam <i>a) CNXH là giai đoạn đầu của xã hội CSCN</i> Lịch sử phát triển của XH loài người trải qua 5 chế độ xh từ thấp đến cao: - XH Cộng sản nguyên thủy - XH Chiếm hữu nô lệ. - XH Phong kiến. - XH TBCN. - XH CSCN. - Các chế độ xã hội sau có trình độ phát triển cao hơn và tiến bộ hơn so với các xã hội trước đó. - Yếu tố đóng vai trò quyết định sự thay đổi chế

Lênin, XHCSCN phát triển qua những giai đoạn nào? <i>*Hai giai đoạn phát triển của XH CSCN có gì khác nhau? Vì sao có sự khác nhau đó?</i> (+ Khác nhau ở cách thức phân phối sản phẩm.) - GV giải thích: "Làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có nghĩa là: Người làm nhiều hưởng nhiều, người làm ít hưởng ít, người không làm không hưởng. Còn "làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu" có nghĩa là: Làm ít, làm nhiều, không làm đều hưởng thụ như nhau. + Có sự khác nhau là do trình độ phát triển KT đặc biệt là sự phát triển LLSX, mới chỉ đạt mức độ đảm bảo cho xh thực hiện n/tắc phân phối "làm theo năng lực, hưởng theo lao động"). - GV dẫn lời: Ngay từ khi ra , ĐCSVN khẳng định trải qua 2 giai đoạn: Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và sau đó tiến thẳng lên CNXH, bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN. Sau khi hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, Đảng ta đã tiếp tục lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi theo con đườngXHCN. Vậy CNXH ở Việt Nam có những đặc trưng cơ bản gì?	độ XH, đó là sự phát triển kinh tế, trong đó sự phát triển LLSX là yếu tố quyết định nhất. - Theo quan điểm của CN Mác - Lênin CNCS phát triển qua hai giai đoạn từ thấp đến cao: + Giai đoạn đầu (giai đoạn thấp- CNXH): + Giai đoạn sau (giai đoạn cao- XH CSCN): - Hai giai đoạn phát triển của xã hội cộng sản chủ nghĩa khác nhau ở cách thức phân phối sản phẩm. Ở CNXH là làm theo năng lực, hưởng theo lao động. Còn ở CNCS là làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu.
--	--

***Hoạt động 2: Những đặc trưng cơ bản của CNXH ở Việt Nam**

- GV sử dụng phương pháp thuyết trình, hỏi - đáp, động não.

- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
*Bước 1: Nghiên cứu tài liệu mục b *Bước 2: GV đặt câu hỏi *Theo em mục tiêu xây dựng đất nước là gì? *XHCN mà nhân dân ta XD do ai làm chủ? Nêu VD và liên hệ thực tiễn để minh họa? *XHCN mà nhân dân ta XD có nền KT phát triển như thế nào? Nêu VD và liên hệ thực tiễn để minh họa? *XHCN mà nhân dân ta XD có nền VH như thế nào? Nêu VD và liên hệ thực tiễn để minh họa? *XHCN mà nhân dân ta xây dựng cuộc sống con người sẽ như thế nào? *XHCN mà nhân dân ta xây dựng, các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam sống và quan hệ với nhau như thế nào? *XHCN mà nhân dân ta xây dựng có Nhà nước như thế nào? *XHCN mà nhân dân ta xây dựng có quan hệ với nhân dân các nước trên thế giới như thế nào? *Từ những đặc trưng trên, em có nhận xét gì về bản chất của CNXH?	b) Những đặc trưng cơ bản của CNXH ở Việt Nam - Là một XH dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. - Do nhân dân làm chủ. - Có nền KT phát triển cao, dựa trên LLSX hiện đại và QHSX phù hợp với trình độ phát triển của LLSX. - Có nền VH tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. - Con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện. - Các dân tộc trong cộng đồng VN bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. - Có Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. - Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nd các nước trên thế giới. - GVKL: CNXH mà chúng ta đang xây dựng là một xã hội phát triển, tốt đẹp hơn các xã hội trước đó.

4. Tổng kết và hướng dẫn học tập:

4.1. Tổng kết

Cần nắm: CNXH là giai đoạn đầu của CNCS; những đặc trưng cơ bản của CNXH.

4.2 Hướng dẫn HS tự học ở nhà

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi sgk.
- Đọc trước **tiết 2 - Bài 8:**

Ngày soạn:.....

Ngày dạy:.....

Lớp:

Tiết 15: Bài 8: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI
(Tiết 2)

C. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ

*Nêu những đặc trưng cơ bản của CNXH ở Việt Nam.

3. Tiến trình bài học

*** Hoạt động 3: Quá độ lên CNXH ở nước ta**

- GV sử dụng phương pháp thuyết trình, hỏi - đáp, động não.
- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV – HS	Nội dung
* <u>Bước 1:</u> GV hướng dẫn HS nghiên cứu tài liệu tìm hiểu nội dung mục 2. - GVDL: Bàn về CNXH, Mác - Lênin đã khẳng định: "Tất cả các dân tộc đều sẽ đi lên CNXH. Đó là điều không thể tránh khỏi và đều phải trải qua một thời kì quá độ, thời kì quá độ lên CNXH". *<u>Bước 1:</u> GV đặt câu hỏi -GV: Em hãy cho biết có mấy hình thức quá độ đi lên CNXH? - GV nêu 2 hình thức quá độ. - GV: *Theo em, sau khi hoàn thành CM DTDCND đất nước thống nhất thì ở nước ta đã có CNXH chưa? Tại sao? (Vi: + Chưa có nền đại công nghiệp –	2. Quá độ lên CNXH ở nước ta <i>a) Tính tất yếu khách quan đi lên CNXH ở Việt Nam</i> <i>*Hai hình thức quá độ đi lên CNXH là:</i> - <u>Một là:</u> Quá độ trực tiếp từ CNTB lên CNXH. - <u>Hai là:</u> Quá độ gián tiếp từ xã hội tiền tư

cơ sở VC – KT của CNXH.

+ Chế độ công hữu về TLSX chủ yếu giữ vai trò chủ đạo trong nền KT quốc dân cũng phải qua một quá trình cải tạo và xd mới có được.)

* Để có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc và không còn bị bóc lột, chúng ta phải XD chế độ XH nào? Tại sao?

* Tại sao nói, nước ta quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng và nhân dân ta?

- HS: Đại diện trả lời, bổ sung.

- GV: N/xét, bổ sung, kết luận.

- Bỏ qua chế độ TBCN là bỏ qua việc thiết lập vị trí thống trị của QHSX và KTTT TBCN (*bỏ qua những mặt tiêu cực*), nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ TBCN (về KH và CN_o, để *phát triển nhanh LLSX, XD nền KT hiện đại*).

-GVDL: *Thời kì quá độ lên CNXH ở nước ta là sự tồn tại đan xen lẫn nhau giữa những yếu tố của xã hội mới - XHCN đang được xây dựng và những tàn dư của xã hội cũ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.*

GV: * Trong th/kì quá độ ở nước ta có tồn tại cái cũ, cái lạc hậu không? Cho VD minh hoạ?

bản chủ nghĩa CNXH bỏ qua giai đoạn phát triển chế độ TBCN.

- Khi đất nước thống nhất thì ở nước ta chưa có CNXH với đầy đủ và hoàn chỉnh những đặc trưng của nó.

- Để có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc và không còn bị bóc lột, chúng ta phải XD chế độ XHCN.

Vì:

+ Chỉ có đi lên CNXH thì đất nước mới thực sự độc lập.

+ Chỉ có CNXH mới xoá bỏ tận gốc cơ sở sinh ra bóc lột (chế độ tư hữu về TLSX).

+ Giải phóng người LĐ khỏi áp bức, bóc lột, đưa họ từ người nô lệ trở thành người làm chủ XH; mới đem lại cuộc sống ấm no, tự do và hạnh phúc; mọi người có điều kiện phát triển toàn diện.

=> Như vậy tất yếu đi lên CNXH bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng và nhân dân ta là xu thế phát triển tất yếu của thời đại.

(VD: Những tàn dư, tư tưởng của XHPK, như những hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan...đan xen với nhân tố của xh mới đang xây dựng) *Theo em, nền KT nước ta hiện nay có đặc điểm gì? Cho VD minh hoạ? * Trong lĩnh vực tư tưởng, VH có còn tồn tại những tư tưởng, VH lạc hậu không? Cho VD minh hoạ? * Trong XH có còn tồn tại nhiều g/c, tầng lớp không? Tại sao như vậy? Q/hệ giữa các g/c thế nào? - HS: Đại diện trả lời, bổ sung. - GV: N/xét, bổ sung, kết luận.	b) Đặc điểm thời kì quá độ lên CNXH ở nước ta - Chính trị: Vai trò lãnh đạo của Đảng ngày càng được tăng cường, NN ngày càng được củng cố và hoàn thiện. - Kinh tế: Tồn tại nền KTHH nhiều thành phần, theo định hướng XHCN; KT Nhà nước giữ vai trò chủ đạo - Tư tưởng, VH: còn tồn tại những tư tưởng, VH lạc hậu, những tàn dư, tư tưởng của xh cũ. (HS tự nêu VD) - XH: còn tồn tại nhiều g/c, tầng lớp. Đời sống nhân dân còn chênh lệch, vẫn còn sự khác biệt giữa LĐ trí óc và chân tay. - KL: Thời kì quá độ lên CNXH còn tồn tại nhiều yếu tố khác nhau, thậm chí đối lập nhau, ảnh hưởng lẫn nhau. Cùng những bước tiến trong quá trình xd CNXH, các nhân tố tích cực của CNXH ngày càng phát triển và chi phối mọi lĩnh vực của đời sống xh đảm bảo CNXH được xd thành công.
---	---

4. Tổng kết và hướng dẫn học tập

4.1. Tổng kết

- Cần nắm: - Tính tất yếu khách quan đi lên CNXH ở Việt Nam.
- Đặc điểm thời kì quá độ lên CNXH ở nước ta.

Câu1: Em hãy liên hệ thực tiễn, nêu mặt tích cực và hạn chế trong xã hội ta hiện nay?

*Mặt tích cực:

- Nước ta có một Đảng duy nhất lãnh đạo.
- Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

- Có truyền thống yêu nước...

*Mặt hạn chế:

- Tham ô, tham nhũng còn nhiều.

- Tệ nạn xã hội ngày càng gia tăng.

Câu 2: Em hãy nêu một vài biểu hiện về tàn dư của xã hội cũ cần phải đấu tranh mà em biết?

- Mê tín, dị đoan.

- Sinh nhiều con (cần con trai)

- Tham ô, tham nhũng

- Tệ nạn xã hội

Câu 3: Nhà nước ta đã có những chính sách, chương trình nào chăm sóc cho người nghèo?

- HS tự liên hệ.

4.2.Hướng dẫn học tập: Trả lời Câu hỏi sgk.

Ngày soạn:.....

Ngày dạy:.....

Lớp:.....

Bài 9

Tiết 19 : NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

A. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1 - Về kiến thức

- Biết được nguồn gốc, bản chất của Nhà nước.
- Nêu được thế nào là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bản chất, chức năng và vai trò của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Hiểu được trách nhiệm của mỗi công dân trong việc tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

2 - Về kỹ năng

- Biết tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN phù hợp với lứa tuổi và điều kiện bản thân.

3 - Về thái độ

- Tôn trọng, tin tưởng vào Nhà nước pháp quyền XHCN VN.

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. Chuẩn bị của GV

***Tài liệu:**

- Tài liệu chính thức: sách giáo khoa, sách giáo viên Giáo dục công dân 11.
- Tài liệu tham khảo khác:
 - + Hồ Thanh Diện: Thiết kế bài giảng Giáo dục công dân 11, NXB. Hà Nội, 2007.
 - + Vũ Hồng Tiến - Trần Văn Thắng - Nguyễn Thị Hoa: Tình huống Giáo dục công dân 11, NXB. Giáo dục, TP. Hồ Chí Minh, 2008.

***Phương tiện:**

- Dùng các dụng cụ dạy học trực quan như sơ đồ (Sơ đồ về các thành phần kinh tế), biểu bảng,...

2. Chuẩn bị của HS:

- Sách giáo khoa GD&DC lớp 11.
- Sách bài tập GD&DC 11.

- Sơ đồ, biểu đồ.

C. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP(5 phút)

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ: GV giới thiệu cấu trúc bài học trong chương trình học kì II.

3. Tiến trình bài học

Cho đến nay, trong lịch sử phát triển của xã hội loài người đã tồn tại bốn kiểu Nhà nước: Nhà nước chiếm hữu nô lệ, Nhà nước phong kiến, Nhà nước tư sản, Nhà nước XHCN. Nhà nước XHCN là Nhà nước kiểu mới, khác về chất so với các Nhà nước trước đó. Vậy Nhà nước xã hội chủ nghĩa là gì? Bản chất của Nhà nước XHCN có gì khác với Nhà nước trước đó.

Hoạt động 1: Nguồn gốc của Nhà nước (12 phút)

- GV sử dụng phương pháp thuyết trình, hỏi - đáp, sơ đồ.

- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
<u>Bước 1:</u> - Thảo luận nhóm - GV: Mục “a” yêu cầu một h/s đọc, sau đó h/s thảo luận theo nhóm: <u>Bước 2:</u> GV đặt câu hỏi thảo luận * Tại sao trong xã hội CSNT chưa có Nhà nước? * Nhà nước đầu tiên trong lịch sử xuất hiện khi nào? Nêu ví dụ? - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ sung, kết luận. <i>KL: Nhà nước chỉ ra đời khi xuất hiện chế độ tư hữu về TLSX, XH phân hoá thành các g/c, mâu thuẫn g/c gay gắt không thể điều hoà. Lê-nin: “Bất cứ ở đâu, hễ lúc nào và chừng nào, mà về mặt khách quan, những mâu thuẫn g/c không thể điều hoà được thì Nhà nước xuất hiện”</i>	1) Nguồn gốc và bản chất của nhà nước. a) Nguồn gốc của Nhà nước. - XH cộng sản nguyên thủy chưa có Nhà nước vì: + Trình độ của LLSX còn thấp kém, khối lượng sản phẩm chỉ đủ nhu cầu tối thiểu của các thành viên trong XH. + Không có dư thừa làm của riêng, chưa có tư hữu về tài sản, chưa có sự phân chia giai cấp, chưa có sự bóc lột, do đó chưa có nhà nước. - Nhà nước đầu tiên trong lịch sử xuất hiện: + Thời kì cuối của XH CSNT LLSX phát triển, sự phân công lao động XH được mở rộng làm cho NSLĐ tăng lên, sản phẩm ngày càng nhiều, xuất hiện

	điều kiện chiếm đoạt của cải dư thừa làm tài sản riêng, người có địa vị (tù trưởng, thủ lĩnh quân sự) chiếm đoạt tài sản.
--	---

Hoạt động 2: Bản chất của nhà nước (12 phút)

- GV sử dụng phương pháp thuyết trình, hỏi - đáp, sơ đồ.
- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
*Bước 1: - GV: Hướng dẫn học sinh nghiên cứu tài liệu *Bước 2: GV đưa ra câu hỏi thảo luận chung. - GV: *Một số nhà tư tưởng cho rằng: Nhà nước là cơ quan điều hoà các lợi ích, giai cấp, không phải là công cụ thống trị giai cấp. Quan niệm trên đúng hay sai vì sao? Vậy, theo em bản chất của Nhà nước là gì? Nêu ví dụ Nhà nước trong lịch sử mà em biết? - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ sung, kết luận. KL: như vậy, Nhà nước mang bản chất giai cấp của giai cấp thống trị.	b) Bản chất của Nhà nước Theo Mác-Lênin, Nhà nước là sản phẩm của xã hội có giai cấp, do đó Nhà nước bao giờ cũng mang bản chất giai cấp của một giai cấp nhất định – giai cấp thống trị. Bản chất g/c của Nhà nước thể hiện: - Nhà nước là bộ máy dùng để duy trì sự thống trị của g/c này đối với g/c khác. Giai cấp thống trị sử dụng Nhà nước để duy trì quyền lực về kinh tế, chính trị và tư tưởng đối với xã hội. Thông qua Nhà nước g/c thống trị về KT, trở thành g/c thống trị về chính trị và tư tưởng; ý chí của g/c thống trị thể hiện thành ý chí của Nhà nước, bắt buộc mọi người phải tuân theo. - Nhà nước là bộ máy trấn áp đặc biệt của giai cấp này đối với giai cấp khác. Lực lượng như quân đội, nhà tù, cảnh sát...để bảo vệ địa vị thống trị và lợi ích của mình và để đàn áp các giai cấp bị thống trị.

Hoạt động 3: Thực hành, luyện tập: Tìm hiểu các kiểu nhà nước trong lịch sử (11 phút)

- GV sử dụng phương pháp thuyết trình, hỏi - đáp, sơ đồ.
- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
- Bước 1: GV hướng dẫn HS nghiên cứu tài liệu - Bước 2: GV dẫn lời và giảng giải Mỗi kiểu Nhà nước đều có những đặc điểm riêng về bản chất. Song Nhà nước chủ nô, phong kiến, tư sản đều có đặc điểm chung là kiểu Nhà nước bóc lột. Chúng xuất hiện và tồn tại trên cơ sở tư hữu về TLSX, là công cụ duy trì và bảo vệ nền thống trị bóc lột. Riêng Nhà nước XHCN là Nhà nước kiểu mới được xây dựng trên cơ sở công hữu về TLSX là t/c quyền lực của nhân dân LĐ, xứ mệnh của nó là lật đổ chế độ bóc lột, XD CNXH.	c) Các kiểu nhà nước. Lịch sử XH loài người đang trải qua 5 hình thái kinh tế - xã hội, trong đó có 4 hình thái kinh tế - xã hội có giai cấp. Tương ứng với nó là 4 kiểu Nhà nước. - Nhà nước chủ nô: Xuất hiện đầu tiên trong lịch sử. + Cơ sở kinh tế: CĐSH của GC chủ nô đối với TLSX và người nô lệ. + Bản chất: GC Chủ nô - Nhà nước phong kiến: Ra đời khi Nhà nước CHNL bị tan rã. + Cơ sở kinh tế: Là chế độ sở hữu của giai cấp địa chủ đối với TLSX mà chủ yếu là ruộng đất. + Bản chất: GCĐCPK. - Nhà nước tư sản: Ra đời là kết quả của cuộc CMTS. + Cơ sở kinh tế: CĐTHTBCN về TLSX. + Bản chất: GCTS. - Nhà nước XHCN: Là Nhà nước cuối cùng trong lịch sử. + Cơ sở kinh tế: CĐ công hữu về TLSX. + Bản chất: GCCN.

4. Tổng kết và hướng dẫn học tập (5 phút)

4.1. Tổng kết:

- Yêu cầu HS làm bài tập số 1.
- Mở rộng và vận dụng kiến thức, kỹ năng có được vào các tình huống/ bối cảnh mới.

4.2.Hướng dẫn học tập:

- Làm bài tập.
- Làm bài tập trong SGK.
- Soạn trước phần tiếp theo của bài 10.

***Bổ sung, rút kinh nghiệm:**

.....

.....

.....

Ngày soạn:.....

Ngày dạy:.....

Lớp:.....

Bài 9

Tiết 20: NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

C. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP (5 phút)

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ:

Câu hỏi: Em hãy trình bày nguồn gốc và bản chất của Nhà nước?

3. Tiến trình bài học:

* **Hoạt động 1:** Tìm hiểu khái niệm Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam (6 phút).

- GV sử dụng phương pháp đàm thoại và nêu vấn đề.

- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV - HS	Nội dung
*<u>Bước 1:</u> GV hướng dẫn HS nghiên cứu tài liệu trong SGK. *<u>Bước 2:</u> GV đưa ra hệ thống câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời. - GV: * Theo em thế nào là Nhà nước pháp quyền? Nêu VD minh họa? * Thế nào là Nhà nước pháp quyền XHCN? Nêu VD minh họa? - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ sung, kết luận.	2. Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam a) Thế nào là nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam - <i>Nhà nước pháp quyền là nhà nước quản lí mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật, mọi hoạt động của các cơ quan nhà nước và công dân đều được thực hiện trên cơ sở pháp luật.</i> - <i>Nhà nước pháp quyền XHCN VN là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, quản lí mọi mặt đời sống XH bằng PL do Đảng Cộng sản VN lãnh đạo.</i>

* **Hoạt động 2:** Tìm hiểu bản chất của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam (10 phút).

- GV sử dụng phương pháp đàm thoại và nêu vấn đề.
- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
*Bước 1: GV hướng dẫn HS nghiên cứu tài liệu trong SGK. *Bước 2: GV đưa ra hệ thống câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời - GV: * Nhà nước ta mang bản chất giai cấp nào? Tại sao? * Bản chất g/c công nhân của Nhà nước ta được biểu hiện như thế nào? * Biểu hiện cụ thể của g/c công nhân, tính nhân dân, tính dân tộc của Nhà nước ta? - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ sung, kết luận. KL: Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền XHCN, mang bản chất g/c công nhân, tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc.	b) Bản chất của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam - Nhà nước ta mang bản chất giai cấp công nhân, vì những thành quả cách mạng của quần chúng nhân dân lao động do g/c công nhân thông qua chính Đảng của mình là Đảng Cộng sản VN lãnh đạo. - Bản chất g/c công nhân của Nhà nước ta được biểu hiện tập trung nhất ở sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với nhà nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn bộ hoạt động của Nhà nước, xã hội đều thể hiện quan điểm g/c công nhân, nhằm thực hiện lợi ích, ý chí và nguyện vọng của g/c công nhân, nhân dân lao động và cả dân tộc. - Bản chất g/c công nhân của Nhà nước ta bao hàm cả tính nhân dân, tính dân tộc sâu sắc: + Tính nhân dân của Nhà nước thể hiện: Nhà nước của ta là Nhà nước của dân, vì dân, do nhân dân lập nên và nhân dân tham gia quản lý; thể hiện ý chí, lợi ích và nguyện vọng của nhân dân, là công cụ chủ yếu để nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình. + Tính dân tộc của Nhà nước thể hiện: Nhà nước kế thừa và phát huy những

	truyền thống, bản sắc tốt đẹp của dân tộc; Nhà nước có chính sách dân tộc đúng đắn, chăm lo lợi ích cho cộng đồng các dân tộc VN và thực hiện đại đoàn kết dân tộc là đường lối chiến lược và động lực to lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
--	--

* **Hoạt động 3:** Tìm hiểu các chức năng của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam (10 phút).

- GV sử dụng phương pháp đàm thoại và nêu vấn đề.
- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
*Bước 1: GV hướng dẫn HS nghiên cứu tài liệu trong SGK. *Bước 2: GV đưa ra hệ thống câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời - GV: Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam có những chức năng cơ bản nào? * Tại sao Nhà nước có chức năng bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội? Nêu VD minh họa? * Tại sao Nhà nước có chức năng xây dựng và bảo đảm thực hiện các quyền tự do, dân chủ và lợi ích hợp pháp của công dân? Nêu VD minh họa? (Hai chức năng trên có quan hệ hữu cơ và thống nhất với nhau; trong đó chức năng tổ chức và xd là căn bản nhất vì: Nhà nước XHCN, chức năng bảo đảm an ninh chính trị và TTATXH “mới chỉ là những công việc quét dọn trước khi xây dựng, chứ chưa phải là đích thân việc xây dựng” -	C) Chức năng của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam - <i>Bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội:</i> Để xd và phát triển KT- XH đất nước Nhà nước phải sử dụng sức mạnh của mình để phòng ngừa, ngăn chặn mọi âm mưu gây rối, phá hoại, bạo loạn, xâm hại đến an ninh quốc gia, ổn định chính trị, giữ vững an ninh chính trị TTATXH, tạo điều kiện hoà bình, ổn định cho công cuộc xd CNXH ở nước ta. - <i>Bảo đảm thực hiện các quyền tự do, dân chủ và lợi ích hợp pháp của công dân:</i> + Tổ chức xd và quản lí nền KT XHCN + Tổ chức xd và quản lý văn hoá, giáo dục, khoa học + Tổ chức xd và bảo đảm thực hiện các chính sách xã hội + Xây dựng hệ thống PL để bảo đảm thực hiện các quyền tự do dân chủ và lợi ích

Lênin.)	hợp pháp của công dân. KL: Hai chức năng trên có quan hệ hữu cơ và thống nhất với nhau; trong đó chức năng tổ chức và xd là căn bản nhất vì: Nhà nước XHCN, chức năng bảo đảm an ninh chính trị và TTATXH “mới chỉ là những công việc quét dọn trước khi xd, chứ chưa phải là đích thân việc xây dựng” Lê-nin. d) Vai trò của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong hệ thống chính trị(đọc thêm)
---------	--

*** Hoạt động 4:Trách nhiệm của công dân trong việc tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam(10 phút)**

- GV sử dụng phương pháp phát vấn kết hợp với thuyết trình
- Hình thức tổ chức dạy học:Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
*<u>Bước 1:</u> HS nghiên cứu tài liệu sgk mục 3 *<u>Bước 2:</u> GV nêu câu hỏi phát vấn. - GV: Theo em mỗi công dân cần phải làm gì để góp phần xây dựng và bảo vệ Nhà nước pháp quyền XHCN VN? Em suy nghĩ gì về trách nhiệm của mình trong việc tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN VN? Em sẽ làm gì khi thấy bạn mình, hay ai đó vi phạm pháp luật? - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ sung, kết luận.	3. Trách nhiệm của công dân trong việc tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam + Gương mẫu thực hiện và tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước. + Tích cực tham gia các hoạt động: Xây dựng củng cố, bảo vệ chính quyền; giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. + Phê phán, đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật. + Thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh

	giác trước những âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch. + HS tự liên hệ bản thân. => GVKL: Nhà nước xã hội chủ nghĩa là Nhà nước cuối cùng đã xuất hiện trong lịch sử. Nhà nước xã hội chủ nghĩa ra đời là kết quả của cuộc cách mạng, của QCNLD do GCCN lãnh đạo thông qua chính Đảng của nó là ĐCS. Đi lên CNXH chúng ta phải xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân thực hiện mục tiêu: "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"
--	--

4. Tổng kết và hướng dẫn học tập (4 phút)

4.1. Tổng kết

Cần nắm: - Chức năng và vai trò của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

- Trách nhiệm của công dân trong việc tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. HS tự liên hệ bản thân.

4.2. Hướng dẫn học tập

Câu hỏi sgk, đọc trước bài 10.

***Bổ sung, rút kinh nghiệm:**

.....
.....
.....

Ngày soạn:.....

Ngày dạy:.....

Lớp:.....

Bài 10

Tiết 21: NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

A. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1- Về kiến thức

- Nêu được bản chất của nền dân chủ CNXH.
- Nêu được nội dung cơ bản của nền dân chủ trong lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.
- Nêu được 2 hình thức cơ bản của dân chủ là dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp.

2- Về kỹ năng

- Biết thực hiện quyền làm chủ trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá- xã hội phù hợp với lứa tuổi.

3- Về thái độ

- Tích cực tham gia các hoạt động thể hiện tính dân chủ phù hợp với lứa tuổi; phê phán các hành vi, luận điệu xuyên tạc, chống lại nền dân chủ XHCN.

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. Chuẩn bị của GV

***Tài liệu:**

- Tài liệu chính thức: sách giáo khoa, sách giáo viên Giáo dục công dân 11.
- Tài liệu tham khảo khác:
 - + Hồ Thanh Diện: Thiết kế bài giảng Giáo dục công dân 11, NXB. Hà Nội, 2007.
 - + Vũ Hồng Tiến - Trần Văn Thắng - Nguyễn Thị Hoa: Tình huống Giáo dục công dân 11, NXB. Giáo dục, TP. Hồ Chí Minh, 2008.

***Phương tiện:**

- Dùng các dụng cụ dạy học trực quan như sơ đồ dạy học về so sánh 2 hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp.

2. Chuẩn bị của HS:

- Sách giáo khoa GD&CD lớp 11.
- Sách bài tập GD&CD 11.

- Sơ đồ, biểu đồ.

C. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP(5 phút)

1. Ổn định tổ chức lớp.

2.Kiểm tra bài cũ:

- Nêu chức năng của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Trong 2 chức năng đó, chức năng nào là quyết định? Tại sao?

- Nêu trách nhiệm của công dân trong việc tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam

3. Tiến trình bài học: Hằng ngày trên các phương tiện thông tin đại chúng thông qua báo đài chúng ta thường nghe hai từ "dân chủ".Vậy dân chủ là gì? Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa có bản chất như thế nào, dân chủ có những hình thức nào...để biết được những điều đó chúng ta cùng tìm hiểu bài 10: "Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa".

*** Hoạt động 1:** Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa (15 phút)

- GV sử dụng phương pháp đàm thoại và nêu vấn đề.

- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV - HS	Nội dung
*Bước 1: GV dẫn lời: Mục tiêu của Đảng và Nhà nước ta là xây dựng một xã hội thật sự dân chủ, là Nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân. *Bước 2: Nghiên cứu tài liệu SGK và đàm thoại. *Bước 3: GV nêu câu hỏi đàm thoại. - GV: Dân chủ là gì? - GVKL: Dân chủ là một hình thức Nhà nước gắn với giai cấp thống trị do đó dân chủ luôn mang bản chất giai cấp. Nền dân chủ đầu tiên, dân chủ chỉ thực hiện trong giới chủ nô (những người có tài sản và địa vị xã hội cao), nô lệ bị xem như một loại công cụ biết nói, không được hưởng quyền dân chủ;	1. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa - Dân chủ: Là quyền lực thuộc về nhân dân, là quyền làm chủ của nhân dân trong các lĩnh vực đời sống XH của đất nước.

người giữ quyền lực trong xã hội chiếm hữu nô lệ là giai cấp chủ nô. Vì vậy, nô lệ vùng lên khát vọng muốn hướng tới một xã hội tốt đẹp trong đó con người có quyền lực thực sự của mình

Trong CĐPK, quyền lực tập trung tuyệt đối vào vua nên đã thủ tiêu dân chủ.

GCTS đã nêu cao ngọn cờ dân chủ "tự do, bình đẳng, bác ái" nhằm thủ tiêu chế độ chuyên chế phong kiến, nền dân chủ tự sản ra đời.

Thực chất của nền dân chủ tự sản là giải phóng cá nhân, thực hiện quyền tư hữu tài sản và tự do công dân. Dưới chế độ tự sản, quyền lực trong xã hội tự sản vẫn nằm trong tay GCTS còn NDLD mà số đông là công nhân và nông dân vẫn không có quyền lực, chỉ có một số quyền trên danh nghĩa chứ thực tế thì vẫn bị áp bức, bóc lột. Con người không chỉ dừng lại nền dân chủ tự sản mà đã từ lâu họ mơ ước vươn tới một xã hội xoá bỏ áp bức, bất công.

Nền dân chủ XHCN hình thành với thắng lợi của cuộc cách mạng vô sản, xoá bỏ chế độ tư hữu, bóc lột và nô dịch con người dựa trên QHSX TBCN, xác lập chế độ sở hữu XHCN về TLSX, xây dựng chính quyền nhà nước kiểu mới của GCCN và NDLD do ĐCS lãnh đạo. Đó là cơ sở chính trị - kinh tế của

sự ra đời nền dân chủ XHCN. Dân chủ XHCN ra đời từ CMT10 Nga năm 1917 đến nay. Đó là nền dân chủ đang hình thành và phát triển.

Sự hình thành nền dân chủ XHCN đánh dấu bước phát triển mới về chất so với các nền dân chủ trước đó. Vậy bản chất của nền dân chủ XHCN là gì?

* Theo em, nền dân chủ XHCN mang bản chất giai cấp nào?

* Tại sao nền dân chủ XHCN mang bản chất GCCN chứ không phải là giai cấp khác?

- HS: Trả lời

- GVKL: GCCN có tinh thần cách mạng triệt để nhất, có trình độ tiên tiến, đại diện cho mọi tầng lớp trong xã hội, sống tập trung, đoàn kết, có tinh thần kỷ luật cao... Nói tóm lại giai cấp công nhân có khả năng lãnh đạo cách mạng thông qua chính đảng của mình là Đảng cộng sản tiến hành cuộc đấu tranh có hiệu quả chống lại mọi biểu hiện của chủ nghĩa quan liêu, vô chính phủ vi phạm quyền tự do dân chủ của nhân dân.

- GV: Mỗi nền dân chủ có cơ sở kinh tế khác nhau. Vậy cơ sở kinh tế của nền dân chủ XHCN dựa trên chế độ nào?

**Về bản chất: Nền dân chủ XHCN là nền dân chủ của quảng đại quần chúng nhân dân, được thực hiện chủ yếu bằng nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.*

**Bản chất của nền dân chủ XHCN được thể hiện cụ thể trên những phương diện sau:*

+ Một là: Nền dân chủ XHCN mang bản chất giai cấp công nhân.

+ Hai là: Nền dân chủ XHCN có cơ sở kinh tế là chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.

- GV: Như vậy ai sẽ trở thành người làm chủ nền sản xuất, chi phối mọi mặt hoạt động của đời sống xã hội?

Đó chính là GCCN và NDLD. Đó chính là GCCN và NDLD. Khi đó người lao động thực sự làm chủ về kinh tế, khi nắm được quyền về kinh tế thì họ mới có dân chủ thật sự và trở thành lực lượng quyết định quá trình phát triển của xã hội.

- GV: Nền dân chủ XHCN lấy nền tảng là hệ tư tưởng nào? Vì sao?

- GV: Bởi vì hệ tư tưởng Mác-Lê nin đồng thời là hệ tư tưởng của GCCN. Đó là hệ tư tưởng tiên tiến nhất, đúng đắn nhất đã được thực tế chứng minh và kiểm nghiệm qua các cuộc cách mạng và chỉ trên hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin thì GCCN và NDLD mới làm chủ đời sống tinh thần của toàn xã hội.

- GV: Vậy theo các em nền dân chủ XHCN là nền dân chủ của ai?

- GV: Nền dân chủ XHCN là một hình thức cao nhất của nền dân chủ, một nền dân chủ thực sự cho đại đa số nhân dân, cho quần chúng lao động rộng rãi đó là điểm khác biệt rõ rệt nhất đối với các nền dân chủ khác. Như vậy nền dân chủ XHCN là nền dân chủ của nhân dân lao

+ *Ba là:* Nền dân chủ XHCN lấy hệ tư tưởng Mác – Lê- nin và tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh làm nền tảng tinh thần của xã hội.

+ *Bốn là:* Nền dân chủ XHCN là nền dân chủ của nhân dân lao động.

động.

- GV: Để cho nền dân chủ XHCN hoạt động theo đúng bản chất của nó, tránh những mưu đồ cũng như những hành vi nhằm chống lại chế độ đó thì theo các em nền dân chủ XHCN phải gắn liền với gì?

- GV đưa ra ví dụ: Như học sinh có những quyền gì? Quyền được đến trường, quyền được nuôi dưỡng dạy bảo, quyền được tự do lựa chọn ngành nghề...thế nhưng điều đó không có nghĩa là chúng ta được phép đi học muộn, được phép gây ồn mất trật tự trong giờ học? Được phép phá hoại cơ sở vật chất của Nhà trường? Được phép kéo băng phái đánh nhau? Như vậy việc nền dân chủ XHCN gắn liền với pháp luật, kỷ luật, kỷ cương cũng là một điều dễ hiểu. Bởi vì pháp luật, kỷ luật, kỷ cương đặt ra cũng đều là để bảo vệ quyền lợi cho bản thân mỗi người, cho những người xung quanh và cho toàn xã hội. Là cơ sở để ngăn cản những hành vi sai trái của con người đồng thời để trừng trị những kẻ vi phạm, gây tác hại đến quyền lợi của nhân dân và đi ngược lại lợi ích chung của xã hội.

+ *Năm là*: Dân chủ xã hội chủ nghĩa gắn liền với pháp luật, kỷ luật, kỷ cương.

- **GVDL:** Để cho nền dân chủ XHCN thật sự phát huy bản chất tốt đẹp của nó đem lại sự ấm no hạnh phúc cho nhân dân thì nền dân chủ XHCN phải trải qua một quá trình hình thành, phát triển và từng bước mới hoàn thiện. Quá trình đó được diễn ra trên các lĩnh vực: Kinh tế - Chính trị - Văn hóa - Xã hội.

*** Hoạt động 2: Xây dựng nền dân chủ Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam (20 phút)**

- GV sử dụng phương pháp đàm thoại kết hợp với thuyết trình.
- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
*<u>Bước 1:</u> Nghiên cứu tài liệu SGK và đàm thoại. *<u>Bước 2:</u> GV nêu câu hỏi đàm thoại. * Nêu nội dung và biểu hiện của dân chủ trong lĩnh vực kinh tế? Hãy nêu ví dụ về dân chủ trong lĩnh vực kinh tế mà em biết? -Ví dụ: Điều 16 - HP 1992 (trích): "...tổ chức, cá nhân thuộc các TPKT được sản xuất, kinh doanh trong các ngành, nghề mà pháp luật không cấm; cùng phát triển lâu dài, hợp tác bình đẳng và cạnh tranh theo pháp luật...". - GV: Biểu hiện của quyền dân chủ trên lĩnh vực kinh tế thể hiện ở cả hai khía cạnh là quyền và nghĩa vụ của công dân: * Quyền: - Làm chủ TLSX, làm chủ quá trình sản xuất và phân phối sản phẩm. - Bình đẳng và tự do trong kinh doanh nhưng đặt trong khuôn khổ của pháp luật Song song với các quyền được hưởng thì công dân phải thực hiện những nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước. Vậy đối với	2. Xây dựng nền dân chủ Xã hội chủ nghĩa ở Việt Naa. a) Nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực kinh tế (đọc thêm) <i>*Nội dung:</i> Là thực hiện quyền làm chủ và bình đẳng của mọi công dân trên lĩnh vực kinh tế.

những người làm kinh doanh thì cần phải thực hiện nghĩa vụ gì?

- HSTL: Nghĩa vụ đó chính là đóng thuế, ngoài ra còn có các nghĩa vụ khác như lao động công ích, mua trái phiếu... Nguồn thuế đó được Nhà nước dùng để làm đường xá, cầu cống, xây dựng trường học, trả lương cho giáo viên, xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ, giúp đỡ những học sinh nghèo đến trường...tất cả đều hướng đến một mục tiêu cuối cùng đó là để đào tạo nên những con người giúp ích cho xã hội, phục vụ cho sự phát triển chung của xã hội.

- Vậy những biểu hiện của quyền dân chủ trong lĩnh vực kinh tế là gì?

- GV: Nêu nội dung của dân chủ trong lĩnh vực chính trị?

- GV: Quyền dân chủ trong lĩnh vực chính trị bao gồm những quyền nào?

- Ví dụ: Hiến pháp năm 1992 quy định:
Mọi công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên

** Biểu hiện của quyền làm chủ về kinh tế:*

+ Thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần.

+ Các thành phần kinh tế đều bình đẳng và tự do kinh doanh theo pháp luật.

+ Làm chủ trực tiếp quá trình sx, kinh doanh, phân phối sản phẩm và thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

+ Công dân có quyền tự do kinh doanh theo PL, có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp

b) Nội dung cơ bản của dân chủ trong
lĩnh vực chính trị

***Nội dung:** Mọi quyền lực thuộc về nhân dân, trước hết là nhân dân lao động.

*** Biểu hiện của quyền làm chủ về chính trị:**

+ Quyền bầu cử và ứng cử vào các cơ quan quyền lực nhà nước, các tổ chức chính trị – xã hội.

đều có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử và quốc hội, HĐND. Công dân được hưởng quyền bầu cử 1 cách bình đẳng, không phân biệt đối xử theo giới tính, dân tộc, tôn giáo, trình độ văn hoá, nghề nghiệp, thời hạn cư trú tại nơi họ thực hiện quyền bầu cử, ứng cử. - Ví dụ: SGK - GD&ĐT trang 73 + Thứ nhất: Quyền ứng cử và bầu cử được thể hiện rất rõ ngay cả trong việc bầu chọn bí thư chi đoàn – phải được sự bỏ phiếu tín nhiệm của các đoàn viên và được ghi rõ trong nghị quyết đại hội chi đoàn thì chức danh bí thư đó mới có giá trị. + Thứ hai: chúng ta có quyền tham gia vào việc quản lý, thảo luận những vấn đề chung của lớp học. Ví dụ như khi lớp dự định tổ chức một chuyến đi tham quan hay dã ngoại thì mỗi thành viên trong lớp đều có quyền đóng góp ý kiến nên đi đâu, vào thời gian nào thì phù hợp, kinh phí đóng góp hoặc trích quỹ lớp bao nhiêu, di chuyển bằng phương tiện gì... + Thứ ba: quyền kiến nghị, quyền biểu quyết khi có trưng cầu dân ý. Điều đó cũng được thể hiện rõ trong lớp ví dụ như tuần vừa rồi tổ trưởng tổng kết vi phạm trong tổ có sai sót ảnh hưởng đến quyền lợi các thành viên trong tổ thì thành viên hoàn toàn có quyền kiến nghị với lớp trưởng, với	+ Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận các vấn đề chung của Nhà nước và địa phương. + Quyền kiến nghị với các cơ quan nhà nước, biểu quyết khi nhà nước trưng cầu ý dân. + Quyền được thông tin, tự do ngôn luận, tự do báo chí. Quyền giám sát các hoạt động của các cơ quan Nhà nước, quyền khiếu nại, tố cáo... của công dân.
--	--

cô chủ nhiệm để được giải quyết. + <i>Thứ tư</i>: Quyền được thông tin, tự do ngôn luận, tự do báo chí. Điều này được thể hiện rất rõ ràng khi có bất cứ thông tin gì về của trường thông báo thì lớp trưởng hay ban cán sự lớp đều phải nhanh chóng thông tin cho các thành viên trong lớp. Trong lớp học sinh có quyền tự do nói lên những ý kiến riêng của mình nhưng điều đó không có nghĩa là được tự do phát biểu linh tinh, nói chuyện riêng, gây ồn ào trong lớp... - GV: Tương tự trong lĩnh vực kinh tế thì trong lĩnh vực chính trị đồng thời với những quyền nhân dân được hưởng thì Nhà nước cũng đặt ra những yêu cầu về nghĩa vụ đối với người dân. Đó là những nghĩa vụ gì? - HS: Trả lời. - GV: Kết luận. * GV Chốt lại các kiến thức cơ bản. - GV: Nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực văn hóa là: - GV: Dân chủ trong lĩnh vực văn hóa là thực hiện quyền làm chủ của công dân trên lĩnh vực văn hóa. Vậy đó là những quyền nào? -HS: Trả lời -GV: Nhắc lại các quyền và lấy ví dụ. + <i>Thứ nhất</i>: Quyền được tham gia vào đời	Nghĩa vụ: bảo vệ Tổ quốc, tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Vd: đi nghĩa vụ quân sự, đi bầu cử... <i>c. Nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực văn hoá</i> <u>Nội dung</u> : - Thực hiện quyền làm chủ và bình đẳng của công dân trong lĩnh vực văn hoá. <u>Biểu hiện</u> Dân chủ trong lĩnh vực văn hoá được thể hiện trước hết ở các quyền sau đây: - Quyền được tham gia vào đời sống văn hoá.
--	--

sống văn hóa. Ví dụ như công dân có quyền tham gia các lễ hội văn hóa như đón tết cổ truyền bắn pháo hoa, lễ quốc khánh, xem các giải bóng đá lớn..... + <i>Thứ hai:</i> Quyền được hưởng các lợi ích từ sáng tạo văn hóa của chính mình. Điều này được thể hiện rõ qua việc đăng ký bản quyền và thu lợi nhuận từ việc phát hành các tác phẩm nghệ thuật của mình có thể là một bài hát, một cuốn sách, hay một bức tranh...và được pháp luật của nhà nước bảo vệ. Qua đó ta thấy được lợi ích của nền dân chủ XHVN khi gắn liền với Pháp luật, kỷ luật, kỷ cương như đã phân tích ở phần 1. +<i>Thứ ba:</i> Quyền sáng tác, phê bình văn học, nghệ thuật. Mỗi chúng ta bất cứ ai không phân biệt tuổi tác, nam nữ, dân tộc, tôn giáo, ... đều có quyền sáng tác và phê bình tuy nhiên nếu được đưa lên các phương tiện thông tin đại chúng thì phải được kiểm tra và có nguồn, có cơ sở đúng đắn, đáng tin cậy. - GV: Ngoài ra dân chủ trong lĩnh vực văn hóa còn được thể hiện ở việc giải phóng con người khỏi những thiên kiến lạc hậu, loại bỏ mọi áp bức về tinh thần và đưa văn hoá đến cho mọi người. - HS: Trả lời - GV: Giải phóng khỏi những thiên kiến lạc hậu ví dụ như bỏ hủ tục lạc hậu tảo hôn, gạt bỏ những tập tục mê tín dị đoan... Còn	- Quyền được hưởng các lợi ích từ sáng tạo văn hoá, nghệ thuật của chính mình. - Quyền sáng tác, phê bình văn học, nghệ thuật. - Giải phóng con người khỏi những thiên kiến lạc hậu, loại bỏ mọi áp bức về tinh thần và đưa văn hoá đến cho mọi người. * Đồng thời với việc hưởng quyền, công dân có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa của dân tộc
--	--

đôi với giải phóng khỏi áp bức như: gạt bỏ phân biệt nam nữ, màu da, dân tộc,...	
---	--

4. Tổng kết và hướng dẫn học tập(5 phút)

4.1. Tổng kết

Câu 1: Lịch sử nhân loại đã chứng minh có những chế độ dân chủ nào?

- a. Dân chủ chủ nô, dân chủ phong kiến, dân chủ tư sản
- b. Dân chủ phong kiến, dân chủ tư sản, dân chủ vô sản
- c. Dân chủ chủ nô, dân chủ tư sản, dân chủ vô sản
- d. Dân chủ chủ nô, dân chủ phong kiến, dân chủ vô sản

Đáp án c

Câu 2: Nền dân chủ XHCN mang bản chất của...?

- a. Giai cấp nông dân
- b. Giai cấp công nhân
- c. Tầng lớp trí thức
- d. Quảng đại quần chúng nhân dân

Đáp án b

Câu 3: Lấy những ví dụ ở địa phương em để chứng minh rằng “dân chủ XHCN là nền dân chủ của nhân dân lao động”

4.2. Hướng dẫn học tập

- Làm bài tập 1,4 sgk trang 11.
- Đọc, nghiên cứu tiết 2 của bài.

***Bổ sung rút kinh nghiệm:**

.....
.....
.....

Ngày soạn:.....

Ngày dạy:.....

Lớp:.....

Bài 10

Tiết 22: NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

C. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP (5 phút)

1. Ôn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ:

1) Những biểu hiện về mặt bản chất của nền dân chủ XHCN là gì?

2) Hãy nêu những nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực KT, CT, VH? Biểu hiện của nó?

3. Tiến trình bài học:

* **Hoạt động 1:** Nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực xã hội (15 phút)

- GV sử dụng phương pháp đàm thoại kết hợp với thuyết trình.

- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV - HS	Nội dung
*Bước 1: GV chia các nhóm, hướng dẫn các nhóm hãy kể tên các quyền dân chủ của nhân dân trong lĩnh vực xã hội? *Bước 2: GV đặt câu hỏi - GV: Nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực xã hội là gì? - HS: trả lời. - GV: kết luận. - GV: Trong xã hội quyền dân chủ của nhân dân được thể hiện qua những quyền nào? - HS: trả lời. - GV: kết luận. +<i>Thứ nhất:</i> quyền lao động thể hiện dân chủ chỗ nào? Ví dụ con người có quyền được làm việc và được trả lương thích đáng cho công	d) <u>Nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực xã hội</u> - <i>Nội dung:</i> Là đảm bảo những quyền xã hội của công dân. - <i>Biểu hiện của quyền làm chủ về xã hội:</i> + Quyền lao động.

việc mình làm, được lao động tự do, trong môi trường làm việc an toàn và làm việc khi sức khỏe và tinh thần cho phép. *<u>Ví dụ:</u> Quyền lao động của công dân được ghi nhận tại điều 55 - HP 1992: "Lao động là quyền và nghĩa vụ của mỗi công dân. Nhà nước và xã hội có kế hoạch ngày càng tạo nhiều việc làm cho người lao động" * <u>Ví dụ:</u> Người lao động được mua bảo hiểm y tế; bảo hiểm thân thể. +<i>Thứ hai:</i> quyền bình đẳng nam nữ thì được thể hiện khá rõ ràng và trên tất cả mọi lĩnh vực. Ví dụ như mọi người đều có quyền được đi học không phân biệt nam nữ, mọi công dân đủ 18 tuổi đều có quyền đi bỏ phiếu bầu cử không phân biệt nam nữ, việc ứng cử vào các cơ quan quyền lực về KT, CT hay VH, XH cũng đều không phân biệt nam nữ... +<i>Thứ ba:</i> quyền được hưởng an toàn xã hội và bảo hiểm xã hội. Ví dụ mọi công dân đều có quyền mua bảo hiểm xã hội, quyền được hưởng an toàn trong lao động khi tham gia làm việc ở các công ty, các cơ quan đặc biệt là môi trường làm việc nguy hiểm thì mỗi người lao động đều phải được mua bảo hiểm tai nạn lao động và đảm bảo môi trường làm việc tốt nhất, nếu gây ảnh hưởng tới sức khỏe như môi trường làm việc quá ồn gây ảnh hưởng đến thính giác, môi trường làm việc tiếp xúc với nhiều khí độc hại...thì người lao động đều được hưởng mức lương phù hợp bù vào việc	+ Quyền bình đẳng nam, nữ. (Phụ nữ được quyền bàn bạc, tham gia, quyết định những vấn đề của gia đình và xã hội) + Quyền được hưởng an toàn xã hội và bảo hiểm xã hội. + Quyền được hưởng chế độ bảo vệ sức khỏe.
--	--

gây hại đến sức khỏe của họ... +Thứ tư: Quyền được hưởng chế độ bảo vệ sức khỏe. Ở các công trường hay các công ty làm việc thường xuyên có đoàn đến kiểm tra về môi trường làm việc xem có đảm bảo cho công nhân hay không – thể hiện sự quan tâm của Nhà nước. Hay trong thời gian vừa qua có những đoàn kiểm tra đến các cơ sở sản xuất nước mắm, nước tương, sữa, bột ngọt... kiểm tra thấy chất lượng không đảm bảo nên đã có hình thức xử lý kịp thời nhằm bảo vệ sức khỏe cho người tiêu dùng. Hoặc một ví dụ gần gũi hơn nữa đó là phụ nữ làm việc ở các cơ quan, xí nghiệp, công ty...trong thời gian mang thai, nuôi con nhỏ đều được miễn đi làm theo một thời gian quy định... +<i>Thứ năm</i>: quyền được bảo đảm về vật chất, tinh thần khi không còn khả năng lao động. Điều này được thể hiện qua các chế độ phụ cấp, lương hưu hay hưởng chế độ trợ cấp đặc biệt là những gia đình có công với Cách mạng được sự quan tâm ưu đãi, trợ cấp khá nhiều v.v... +<i>Thứ sáu</i>: quyền bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi, về cống hiến và hưởng thụ của các thành viên trong xã hội. Ví dụ: mọi học trẻ em đều có quyền được đến trường, mọi công dân đều có nghĩa vụ sống phải tuân theo pháp luật... - GV: Bên cạnh những quyền của mình, công dân còn có nghĩa vụ tham gia vào các phong	+ Quyền được bảo đảm về mặt vc-tt khi không còn khả năng lao động. + Quyền bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi, về cống hiến và hưởng thụ của các thành viên trong xã hội. Tham gia các phong trào ở địa phương và trường học.
--	---

trào xã hội ở địa phương, cơ quan, trường học. Như vậy tóm lại để các quyền lực chúng ta vừa tìm hiểu trong 2 tiết vừa qua thực sự hoàn toàn thuộc về nhân dân thì Đảng và Nhà nước ta cần quan tâm đến những yêu cầu nào? - HS: trả lời. - GV: kết luận, bổ sung.	
--	--

***Hoạt động 2:** Những hình thức cơ bản của dân chủ của công dân.(18 phút)

- GV sử dụng phương pháp đàm thoại kết hợp với thuyết trình.
- Hình thức tổ chức dạy học:Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
*Bước 1: Nghiên cứu tài liệu SGK và đàm thoại. *Bước 2: GV nêu câu hỏi đàm thoại. - GV: Có mấy hình thức dân chủ cơ bản? đó là những hình thức nào? - GV: Nêu khái niệm dân chủ trực tiếp và lấy vd minh họa. - HS: Trả lời. - GV: Kết luận. <i>Ví dụ:</i> Trong một chi đoàn thì tất cả các Đoàn viên đều có quyền tham gia đóng góp ý kiến về các kế hoạch hoạt động của chi đoàn. Hoặc việc các đoàn viên trực tiếp bầu ra bí thư chi đoàn. Bầu cử trưởng ấp trưởng thôn, đại biểu quốc hội. - GV: Những hình thức phổ biến của dân chủ trực tiếp ngày nay là gì? - HS: Trả lời. - GV: Kết luận.	3. <u>Những hình thức cơ bản của dân chủ</u> <i>Dân chủ được thực hiện thông qua hai hình thức cơ bản sau:</i> a. <u>Dân chủ trực tiếp</u> - Là hình thức dân chủ thông qua những quy chế, thiết chế để nhân dân thảo luận, biểu quyết, tham gia trực tiếp quyết định công việc của cộng đồng, của Nhà nước. - Hình thức phổ biến của dân chủ trực tiếp:

- GV: Nêu khái niệm dân chủ gián tiếp và lấy vd minh họa. - <u>Ví dụ</u>: Trong lĩnh vực chính trị, đại biểu Quốc hội là người đại diện cho nhân dân được sự uỷ thác của nhân dân, thay mặt nhân dân tham gia xây dựng các đạo luật để quản lí xã hội. GV: Hãy nêu sự giống và khác nhau giữa dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp mà em biết ? - HS: trả lời - GV: Rút ý kiến và đánh giá. - GV: So sánh sự giống và khác nhau của hai hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp. Khắc sâu vào những điểm tích cực và hạn chế của mỗi hình thức. Lấy ví dụ minh họa. Trong thực tế ta nên vận dụng kết hợp hai hình thức dân chủ trên một cách hài hòa sẽ mang lại hiệu quả cao.	+ Trưng cầu dân ý + Bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp + Thực hiện sáng kiến pháp luật + Làm chủ trực tiếp bằng các hình thức nhân dân tự quản, xây dựng và thực hiện các quy ước, hương ước phù hợp với pháp luật b. <u>Dân chủ gián tiếp</u> - Là hình thức dân chủ thông qua những quy chế, thiết chế để nhân dân bầu ra những người đại diện, cơ quan đại diện thay mặt mình quyết định các công việc chung của cộng đồng, của Nhà nước. * Lập bảng so sánh hai hình thức dân chủ trực tiếp và gián tiếp. - <u>Giống nhau</u>: đều là hình thức của dân chủ. Thể hiện quyền lực thuộc về tay nhân dân. - <u>Khác nhau</u>: + <i>Dân chủ trực tiếp</i>: người dân trực tiếp đóng góp ý kiến và thảo luận các vấn đề của cộng đồng, xã hội. <u>Mặt hạn chế</u> là tốn nhiều thời gian, tiền của, công sức, và trình độ nhận thức về các vấn đề của mọi người dân không như nhau. + <i>Dân chủ gián tiếp</i>: người dân phải thông qua người đại diện để đóng góp ý
---	--

- GV: Dân chủ XHCN vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thể hiện mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Nhà nước đại diện quyền làm chủ đồng thời là người tổ chức thực hiện đường lối chính trị của Đảng. Mọi đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đều là lợi ích của nhân dân, có sự tham gia đóng góp ý kiến của nhân dân.	kiến và thảo luận các vấn đề của cộng đồng, xã hội. <u>Mặt hạn chế</u> là phụ thuộc nhiều vào năng lực làm việc và phẩm chất đạo đức của người đại diện. - Dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp có mối quan hệ mật thiết với nhau. Vì vậy, cần phải kết hợp sử dụng tốt cả hai hình thức dân chủ trên để phát huy tối đa hiệu quả của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Không nên tuyệt đối hoá một hình thức dân chủ vì như thế sẽ dẫn đến độc đoán, độc quyền hoặc vô tổ chức, vô chính phủ
--	--

4. Tổng kết và hướng dẫn học tập(7 phút)

4.1. Tổng kết

Cần nắm: - Nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực xã hội.

- Những hình thức cơ bản của dân chủ.

4.2. Hướng dẫn học tập

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi sgk.

***Bổ sung rút kinh nghiệm:**

.....

.....

.....

Ngày soạn:.....

Ngày dạy:.....

Lớp:.....

Bài 10

Tiết 21: NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

A. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1 - Về kiến thức

- Nêu được bản chất của nền dân chủ CNXH.
- Nêu được nội dung cơ bản của nền dân chủ trong lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá - xã hội ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.
- Nêu được 2 hình thức cơ bản của dân chủ là dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp.

2 - Về kỹ năng

- Biết thực hiện quyền làm chủ trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá- xã hội phù hợp với lứa tuổi.

3 - Về thái độ

- Tích cực tham gia các hoạt động thể hiện tính dân chủ phù hợp với lứa tuổi; phê phán các hành vi, luận điệu xuyên tạc, chống lại nền dân chủ XHCN.

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. Chuẩn bị của GV

***Tài liệu:**

- Tài liệu chính thức: sách giáo khoa, sách giáo viên Giáo dục công dân 11.
- Tài liệu tham khảo khác:
 - + Hồ Thanh Diện: Thiết kế bài giảng Giáo dục công dân 11, NXB. Hà Nội, 2007.
 - + Vũ Hồng Tiến - Trần Văn Thắng - Nguyễn Thị Hoa: Tình huống Giáo dục công dân 11, NXB. Giáo dục, TP. Hồ Chí Minh, 2008.

***Phương tiện:**

- Dùng các dụng cụ dạy học trực quan như sơ đồ dạy học về so sánh 2 hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp.

2. Chuẩn bị của HS:

- Sách giáo khoa GD CD lớp 11.
- Sách bài tập GD CD 11.

vậy, nô lệ vùng lên khát vọng muốn hướng tới một xã hội tốt đẹp trong đó con người có quyền lực thực sự của mình Trong CĐPK, quyền lực tập trung tuyệt đối vào vua nên đã thủ tiêu dân chủ. GCTS đã nêu cao ngọn cờ dân chủ " tự do, bình đẳng, bác ái" nhằm thủ tiêu chế độ chuyên chế phong kiến, nền dân chủ tự sản ra đời. Thực chất của nền dân chủ tự sản là giải phóng cá nhân, thực hiện quyền tư hữu tài sản và tự do công dân. Dưới chế độ tự sản, quyền lực trong xã hội tự sản vẫn nằm trong tay GCTS còn NDLD mà số đông là công nhân và nông dân vẫn không có quyền lực, chỉ có một số quyền trên danh nghĩa chứ thực tế thì vẫn bị áp bức, bóc lột. Con người không chỉ dừng lại nền dân chủ tự sản mà đã từ lâu họ mơ ước vươn tới một xã hội xoá bỏ áp bức, bất công. Nền dân chủ XHCN hình thành với thắng lợi của cuộc cách mạng vô sản, xoá bỏ chế độ tư hữu, bóc lột và nô dịch con người dựa trên QHSX TBCN, xác lập chế độ sở hữu XHCN về TLSX, xây dựng chính quyền nhà nước kiểu mới của GCCN và NDLD do ĐCS lãnh đạo. Đó là cơ sở chính trị - kinh tế của sự ra đời nền dân chủ	- <i>Bản chất của nền dân chủ XHCN được thể hiện cụ thể trên những phương diện sau:</i> + <i>Một là:</i> Nền dân chủ XHCN mang bản chất giai cấp công nhân. + <i>Hai là:</i> Nền dân chủ XHCN có cơ sở kinh
---	--

XHCN. Dân chủ XHCN ra đời từ CMT10 Nga năm 1917 đến nay. Đó là nền dân chủ đang hình thành và phát triển. GV: * Nền dân chủ XHCN mang bản chất giai cấp nào? * Cơ sở kinh tế của nền dân chủ là gì? * Vì sao nền dân chủ XHCN tất yếu phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo? Nêu ví dụ minh họa? * Dân chủ XHCN là dân chủ cho ai? Có phải cho mọi giai cấp không? Vì sao? Nêu ví dụ minh họa? * Tại sao nền dân chủ XHCN tất yếu đòi hỏi phải gắn liền với pháp luật, kỉ luật, kỉ cương? Nêu ví dụ minh họa? - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ sung, kết luận.	tế là chế độ công hữu về tư liệu sản xuất. + <i>Ba là</i>: Nền dân chủ XHCN lấy hệ tư tưởng Mác – Lê- nin và tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh làm nền tảng tinh thần của xã hội. + <i>Bốn là</i>: Nền dân chủ XHCN là nền dân chủ của nhân dân lao động. + <i>Năm là</i>: Dân chủ xã hội chủ nghĩa gắn liền với pháp luật, kỉ luật, kỉ cương.
--	---

*** Hoạt động 2: Xây dựng nền dân chủ Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam (20 phút)**

- GV sử dụng phương pháp đàm thoại kết hợp với thuyết trình.
- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
*<u>Bước 1</u>: Nghiên cứu tài liệu SGK và đàm thoại. *<u>Bước 2</u>: GV nêu câu hỏi đàm thoại. * Nêu nội dung và biểu hiện của dân chủ trong lĩnh vực kinh tế? Hãy nêu ví dụ về dân chủ trong lĩnh vực kinh tế mà em biết? - Ví dụ: Điều 16 - HP 1992 (trích):" ...tổ chức, cá nhân thuộc các TPKT được sản	2. <u>Xây dựng nền dân chủ Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</u> a) <u>Nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực kinh tế (đọc thêm)</u> - Là thực hiện quyền làm chủ và bình đẳng của mọi công dân trên lĩnh vực kinh tế. - <i>Biểu hiện của quyền làm chủ về kinh tế</i>: + Thực hiện chính sách kinh tế nhiều

xuất, kinh doanh trong các ngành, nghề mà pháp luật không cấm; cùng phát triển lâu dài, hợp tác bình đẳng và cạnh tranh theo pháp luật...". * Nêu nội dung và biểu hiện của dân chủ trong lĩnh vực chính trị? Hãy nêu ví dụ về dân chủ trong lĩnh vực chính trị mà em biết? - Ví dụ: Hiến pháp năm 1992 quy định: Mọi công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử và đủ 21 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử và quốc hội, HĐND. Công dân được hưởng quyền bầu cử 1 cách bình đẳng, không phân biệt đối xử theo giới tính, dân tộc, tôn giáo, trình độ văn hoá, nghề nghiệp, thời hạn cư trú tại nơi họ thực hiện quyền bầu cử, ứng cử. -Ví dụ:SGK - GD&ĐT trang 73	thành phần. + Các thành phần kinh tế đều bình đẳng và tự do kinh doanh theo pháp luật. + Làm chủ trực tiếp quá trình sx, kinh doanh, phân phối sản phẩm và thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước. + Công dân có quyền tự do kinh doanh theo PL, có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp b) <u>Nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực chính trị</u> - Là thực hiện mọi quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. - <i>Biểu hiện của quyền làm chủ về chính trị:</i> + Quyền bầu cử và ứng cử vào các cơ quan quyền lực nhà nước, các tổ chức chính trị – xã hội. + Quyền tham gia quản lí nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận các vấn đề chung của Nhà nước và địa phương. + Quyền kiến nghị với các cơ quan nhà nước, biểu quyết khi nhà nước trưng cầu ý dân. + Quyền được thông tin, tự do ngôn luận, tự do báo chí. Quyền giám sát các hoạt động của các cơ quan Nhà nước, quyền khiếu nại, tố cáo... của công dân. c) <u>Nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực văn hoá</u>
---	---

* Nêu nội dung và biểu hiện của dân chủ trong lĩnh vực văn hoá? *Hãy nêu một vài biểu hiện về quyền dân chủ của nhân dân trong lĩnh vực văn hoá? - Ví dụ: Sáng tác thơ, viết truyện... - Hưởng thụ ca nhạc, sân khấu - Bảo vệ quyền lợi cho sáng tác. - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ sung, kết luận.	- Là thực hiện quyền làm chủ và bình đẳng của mọi công dân trong lĩnh vực văn hoá. - <i>Biểu hiện của quyền làm chủ về văn hoá:</i> + Quyền được tham gia vào đời sống văn hoá. + Quyền được hưởng các lợi ích từ sáng tạo văn hoá, nghệ thuật của chính mình. + Quyền sáng tác, phê bình văn học nghệ thuật; giải phóng con người khỏi những thiên kiến lạc hậu, loại bỏ sự áp bức về tinh thần và đưa văn hoá đến cho mọi người.
---	--

4. Tổng kết và hướng dẫn học tập(5 phút)

4.1. Tổng kết

- Bản chất của nền dân chủ XHCN.
- Xây dựng nền dân chủ XHCN ở Việt Nam. HS tự liên hệ bản thân.

4.2. Hướng dẫn học tập

- Làm bài tập 1, 4 sgk trang 11.
- Đọc, nghiên cứu tiết 2 của bài.

*Bổ sung rút kinh nghiệm:

.....

.....

.....

Ngày soạn:.....

Ngày dạy:.....

Lớp:.....

Bài 10

Tiết 22: NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

C. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP (5 phút)

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ:

1) Những biểu hiện về mặt bản chất của nền dân chủ XHCN là gì?

2) Hãy nêu những nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực KT, CT, VH? Biểu hiện của nó?

3. Tiến trình bài học:

* **Hoạt động 1:** Nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực xã hội (15 phút)

- GV sử dụng phương pháp đàm thoại kết hợp với thuyết trình.

- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV - HS	Nội dung
*<u>Bước 1:</u> GV chia các nhóm, hướng dẫn các nhóm hãy kể tên các quyền dân chủ của nhân dân trong lĩnh vực xã hội? *<u>Bước 2:</u> GV đặt câu hỏi - Nêu nội dung và biểu hiện của dân chủ trong lĩnh vực xã hội? *<u>Ví dụ:</u> Quyền lao động của công dân được ghi nhận tại điều 55 - HP 1992: “Lao động là quyền và nghĩa vụ của mỗi công dân. Nhà nước và xã hội có kế hoạch ngày càng tạo nhiều việc làm cho người lao động” * <u>Ví dụ:</u> Người lao động được mua bảo hiểm y tế; bảo hiểm thân thể - Chế độ tiền lương hợp lí. - HS: Đại diện trả lời.	<u>d) Nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực xã hội</u> - <i>Nội dung:</i> Là đảm bảo những quyền xã hội của công dân. - <i>Biểu hiện của quyền làm chủ về xã hội:</i> + Quyền lao động. + Quyền bình đẳng nam, nữ. (Phụ nữ được quyền bàn bạc, tham gia, quyết định những vấn đề của gia đình và xã hội) + Quyền được hưởng an toàn xã hội

- GV: N/xét, bổ sung, kết luận.	và bảo hiểm xã hội. + Quyền được hưởng chế độ bảo vệ sức khỏe. + Quyền được bảo đảm về mặt vc-tt khi không còn khả năng lao động. + Quyền bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi, về công hiến và hưởng thụ của các thành viên trong xã hội. Tham gia các phong trào ở địa phương và trường học.
---------------------------------	---

***Hoạt động 2:** Những hình thức cơ bản của dân chủ của công dân. (18 phút)

- GV sử dụng phương pháp đàm thoại kết hợp với thuyết trình.
- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
*Bước 1: Nghiên cứu tài liệu SGK và đàm thoại. *Bước 2: GV nêu câu hỏi đàm thoại. - GV: Nêu khái niệm dân chủ trực tiếp và lấy vd minh họa. *Hãy nêu vd về những hình thức dân chủ trực tiếp mà em biết? *Ví dụ: Công dân bầu trưởng thôn, tổ trưởng dân phố, bầu cử HĐND các cấp. - Hội Nghị toàn dân quyết định làm đường, xây dựng nhà văn hoá, xây dựng hương ước của làng. - Góp ý sửa đổi, bổ sung các đạo luật. - Trưng cầu ý kiến của dân.	3. Những hình thức cơ bản của dân chủ a) Dân chủ trực tiếp <i>*Dân chủ trực tiếp là hình thức dân chủ với những qui chế, thiết chế để nhân dân thảo luận, biểu quyết, tham gia trực tiếp quyết định công việc của cộng đồng, của Nhà nước. (không phân biệt giới tính, địa vị, tôn giáo...). VD sgk.</i> <i>*Những hình thức phổ biến của dân chủ trực tiếp là:</i> + Trưng cầu ý dân (trong phạm vi toàn quốc). + Bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. + Thực hiện sáng kiến pháp luật (nhân dân tham gia xd, sửa đổi, bổ sung PL). + Làm chủ trực tiếp bằng các hình thức nhân dân tự quản, xd và thực hiện các qui

- GV: Nêu khái niệm dân chủ gián tiếp và lấy vd minh hoạ. *Hãy nêu vd về những hình thức dân chủ gián tiếp mà em biết? -<u>Ví dụ</u>: Trong lĩnh vực chính trị, đại biểu Quốc hội là người đại diện cho nhân dân được sự uỷ thác của nhân dân, thay mặt nhân dân tham gia xây dựng các đạo luật để quản lí xã hội. - Quốc hội và HĐND các cấp là hình thức cụ yếu của chế độ dân chủ đại diện. *Liên hệ: Bản thân em thực hiện dân chủ ở địa phương như thế nào? - Hs phát biểu ý kiến cá nhân - Gv nhận xét, kết luận.	ước, hương ước phù hợp PL. <i>KL: Dân chủ trực tiếp là hình thức dân chủ mà trong đó mọi công dân trực tiếp tham gia vào các hoạt động CT, KT, VH, XH.</i> b) Dân chủ gián tiếp (dân chủ đại diện) - <i>Dân chủ gián tiếp là hình thức dân chủ thông qua những qui chế, thiết chế để nhân dân bầu ra những người đại diện thay mặt mình quyết định các công việc chung của cộng đồng, của Nhà nước.</i> (thông qua các cơ quan đại diện như MTTQ và các đoàn thể nhân dân). HS nêu vd sgk. *<u>Kết luận</u>: Nền dân chủ XHCN hình thành với thắng lợi của CMVS, xoá bỏ chế độ tư hữu, xác lập chế độ sở hữu XHCN về TLSX. Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN vững mạnh và giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng là những vấn đề rất quan trọng để thực hiện dân chủ XHCN xứng đáng với lí tưởng mà Bác Hồ từng mong mỏi.
--	---

4. Tổng kết và hướng dẫn học tập(7 phút)

4.1. Tổng kết

Cần nắm: - Nội dung cơ bản của dân chủ trong lĩnh vực xã hội.

- Những hình thức cơ bản của dân chủ.

4.2. Hướng dẫn học tập

Học bài cũ, trả lời câu hỏi sgk.

***Bổ sung rút kinh nghiệm:**

.....

.....

.....

Ngày soạn:.....

Ngày dạy:.....

Lớp:.....

Bài 11

Tiết 23: CHÍNH SÁCH DÂN SỐ VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

A. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:

a. Về kiến thức

- Nêu được tình hình phát triển dân số và phương hướng cơ bản thực hiện chính sách dân số ở nước ta hiện nay.
- Nêu được tình hình việc làm và phương hướng cơ bản thực hiện chính sách giải quyết việc làm ở Việt Nam hiện nay.
- Hiểu được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chính sách dân số và giải quyết việc làm.

b. Về kỹ năng

- Biết tham gia tuyên truyền chính sách dân số phù hợp với khả năng của mình.
- Biết đánh giá việc thực hiện chính sách dân số của gia đình ở địa phương phù hợp với lứa tuổi.
- Tham gia tuyên truyền chính sách dân số phù hợp với lứa tuổi.
- Bước đầu biết định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

c. Về thái độ

- Tin tưởng, ủng hộ chính sách dân số và giải quyết việc làm; phê phán các hiện tượng vi phạm chính sách dân số ở nước ta.
- Có ý thức tích cực học tập, rèn luyện để có thể đáp ứng được yêu cầu của việc làm trong tương lai.

B. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. Chuẩn bị của GV

***Tài liệu:**

- Tài liệu chính thức: sách giáo khoa, sách giáo viên Giáo dục công dân 11.
- Tài liệu tham khảo khác:
+ Hồ Thanh Diện: Thiết kế bài giảng Giáo dục công dân 11, NXB. Hà Nội, 2007.

+ Vũ Hồng Tiến - Trần Văn Thắng - Nguyễn Thị Hoa: Tình huống Giáo dục công dân 11, NXB. Giáo dục, TP. Hồ Chí Minh, 2008.

*Phương tiện:

- Dùng các dụng cụ dạy học trực quan như sơ đồ dạy học về tình hình dân số ở nước ta hiện nay.

2. Chuẩn bị của HS:

- Sách giáo khoa GDCC lớp 11.
- Sách bài tập GDCC 11.
- Sơ đồ, biểu đồ.

C. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP (5 phút)

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ:

Câu 1: Dân chủ trực tiếp là gì? cho ví dụ?

Câu 2: Dân chủ gián tiếp là gì? cho ví dụ?

*Hoạt động 1: Tìm hiểu về tình hình dân số ở nước ta hiện nay(18 phút)

- GV sử dụng phương pháp thảo luận nhóm.
- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo nhóm.

Hoạt động của GV - HS	Nội dung			
*<u>Bước 1</u>: GV phân nhóm theo lớp học. *<u>Bước 2</u>: Gv yêu cầu các nhóm hs trình bày báo cáo kết quả làm việc theo dự án đã giao về: * Nhận xét: qui mô dân số, tốc độ tăng dân số? * Nhận xét: Mật độ, phân bố dân số? * Về tác động của vấn đề dân số tăng nhanh đối với đời sống xã hội? * Về tác động của vấn đề	1. Chính sách dân số a) Tình hình dân số nước ta			
	Năm	Qui mô dân số	Tốc độ dân số	Mật độ, phân bố dân số
	1945	25 triệu người		
	1999	76,3 triệu người	Tăng gấp 3 lần Thứ 2 Đông Nam Á, thứ 13	Cao: 231 người/km ² , thế giới:
	2006	84 triệu người	tổng số hơn 200 quốc gia và	

dân số tăng nhanh đối với tài nguyên và môi trường? - Hs đại diện nhóm trình bày. - Cả lớp thảo luận, bổ sung. - Gv nhận xét, kết luận.			vùng lãnh thổ. 44ng/km², phân bố không hợp lí: thành thị 24%, nông thôn 76%.									
	Mối quan hệ giữa gia tăng dân số và chất lượng cuộc sống Dân số tăng quá nhanh ↕ <table><tr><td>Kinh tế, văn hoá kém phát triển</td><td></td><td>Thừa lao động, không có việc làm → các tệ nạn xã hội gia tăng</td></tr></table> ↕ <table><tr><td>NSLĐ thấp</td><td></td><td>Mức sống thấp</td></tr></table> ↕ <table><tr><td>Bệnh tật nhiều</td><td></td><td>Sức khỏe, thể lực kém</td></tr></table> KL: Nước ta có quy mô dân số lớn, tốc độ tăng nhanh, kết quả giảm sinh chưa thật vững chắc, mật độ cao, phân bố chưa hợp lý.			Kinh tế, văn hoá kém phát triển		Thừa lao động, không có việc làm → các tệ nạn xã hội gia tăng	NSLĐ thấp		Mức sống thấp	Bệnh tật nhiều		Sức khỏe, thể lực kém
	Kinh tế, văn hoá kém phát triển		Thừa lao động, không có việc làm → các tệ nạn xã hội gia tăng									
	NSLĐ thấp		Mức sống thấp									
	Bệnh tật nhiều		Sức khỏe, thể lực kém									

Hoạt động 2: Mục tiêu và phương hướng cơ bản để thực hiện chính sách dân số (17 phút)

- GV sử dụng phương pháp đàm thoại kết hợp với thuyết trình.
- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
*Bước 1: HS nghiên cứu tài liệu *Bước 2: GV đặt câu hỏi *Để thực hiện mục tiêu về CS dân số, nước ta cần tập trung vào những phương hướng nào? *Phương hướng quan trọng để thực hiện CS dân số là gì? (Là tuyên truyền gd, huy động toàn xã hội tham gia công tác dân số, KHHGD; Vợ chồng cần có số con, khoảng cách sinh con hợp lí, thực hiện CS dân số có trách nhiệm, phù hợp đk đất nước, gia đình, thực hiện gia đình ít con để có cuộc sống ấm no, hạnh phúc).	b) Mục tiêu và phương hướng cơ bản để thực hiện chính sách dân số - Mục tiêu: Tiếp tục giảm tốc độ gia tăng dân số, sớm ổn định qui mô, cơ cấu và phân bố dân số, nâng cao chất lượng dân số nhằm phát triển nguồn nhân lực cho đất nước. - Phương hướng cơ bản: + <i>Tăng cường công tác lãnh đạo và quản lí, tổ chức tốt bộ máy làm công tác dân số từ TW đến cơ sở, tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành.</i> + <i>Làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục với nội dung thích hợp, hình thức đa dạng với nội dung rộng rãi các chủ trương, biện pháp KHHGD.</i> + <i>Nâng cao sự hiểu biết của người dân về vai trò của gia đình, bình đẳng giới, sức khoẻ sinh sản, nhằm nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ, tinh thần.</i> + <i>Nhà nước đầu tư đúng mức, tranh thủ các nguồn lực trong và ngoài nước; thực hiện xã hội hoá công tác dân số, tạo đk kiện để mọi gia đình, cá nhân tự nguyện tham gia chính sách dân số.</i>

4. Tổng kết và hướng dẫn học tập (5 phút)

4.1. Tổng kết: - Làm bài tập 3, 4 sgk.

- Chính sách dân số.

4.2. Hướng dẫn học tập

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi sgk.

***Bổ sung rút kinh nghiệm:**

.....

.....

Ngày soạn:.....

Ngày dạy:.....

Lớp:.....

Bài 11

Tiết 24: CHÍNH SÁCH DÂN SỐ VÀ GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM

C. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP (5 phút)

1. Ổn định tổ chức lớp.

2. Kiểm tra bài cũ:

Câu 1: Nêu hậu quả của sự gia tăng dân số?

Câu 2: Nêu mục tiêu và phương hướng của chính sách dân số?

3. Giảng bài mới: Vấn đề dân số hiện nay trên thế giới đã trở thành vấn đề toàn cầu và là sự quan tâm của nhiều quốc gia, nhất là những nước nghèo đang phát triển. Ở nước ta dân số tăng nhanh là một áp lực lớn đối với vấn đề giải quyết việc làm.

Vậy chúng ta nhận thức về thực trạng dân số và việc làm như thế nào và đề ra mục tiêu, phương hướng cơ bản nào để giải quyết tốt những vấn đề trên.

***Hoạt động 1: Tình hình việc làm ở nước ta hiện nay(15 phút)**

- GV sử dụng phương pháp đàm thoại kết hợp với thuyết trình.

- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV - HS	Nội dung
<u>*Bước 1:</u> HS nghiên cứu tài liệu <u>*Bước 2:</u> GV đặt câu hỏi - GV: *Em có nhận xét gì về tình hình việc làm nước ta? Cho VD minh họa và kết luận? *Liên hệ tình hình việc làm ở địa phương em?	2. Chính sách giải quyết việc làm a) Tình hình việc làm ở nước ta hiện nay - Tỷ lệ thất nghiệp ngày càng cao. - Thu nhập thấp. - Chất lượng nguồn nhân lực thấp. - Số SV tốt nghiệp ra trường có việc làm ít. - Dòng di chuyển lao động từ nông thôn về thành thị kiếm việc làm ngày càng tăng.

***Hoạt động 2: Mục tiêu và phương hướng cơ bản của chính sách giải quyết việc làm (12 phút)**

- GV sử dụng phương pháp đàm thoại kết hợp với thuyết trình, giảng giải.
- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
*Bước 1: HS nghiên cứu tài liệu *Bước 2: GV đặt câu hỏi * Mục tiêu của cs giải quyết việc làm ở nước ta là gì? * Đảng và Nhà nước ta phải làm như thế nào để thực hiện cs giải quyết việc làm có hiệu quả? + GV bổ sung tư liệu: - Đến năm 2010, phấn đấu giảm tỷ lệ thất nghiệp 5% ở thành thị, nông thôn. - Nâng tỷ lệ người lao động qua đào tạo nghề lên 40%. - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ sung, kết luận. KL: Đảng và Nhà nước phải thúc đẩy, phát triển sx và dịch vụ; KK làm giàu hợp pháp; tự do hành nghề; đẩy mạnh XKLD; sử dụng có hiệu quả nguồn vốn.	b) Mục tiêu và phương hướng cơ bản của chính sách giải quyết việc làm - Mục tiêu: Tập trung sức giải quyết việc làm ở cả thành thị và nông thôn, phát triển nguồn nhân lực, mở rộng thị trường lao động, giảm tỉ lệ thất nghiệp và tăng tỉ lệ người LĐ đã qua đào tạo nghề. -Phương hướng cơ bản: + Thúc đẩy phát triển sx và dịch vụ, KK các thành phần KT, các nhà đầu tư trong, ngoài nước sx, kinh doanh có hiệu quả, tạo ra nhiều việc làm cho người LĐ. + KK làm giàu theo PL, tự do hành nghề, khôi phục, phát triển các ngành nghề truyền thống, đẩy mạnh phong trào lập nghiệp của thanh niên. + Đẩy mạnh XK lao động, đặc biệt LĐ qua đào tạo, LĐ nông nghiệp, nhằm giải quyết y/c trước mắt và lâu dài, tăng thu nhập cho người LĐ. + Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn trong chương trình mục tiêu quốc gia để giải quyết việc làm, cải thiện điều kiện việc làm cho người LĐ.

***Hoạt động 3: Trách nhiệm của công dân đối với chính sách dân số và giải quyết việc làm (8 phút)**

- GV sử dụng phương pháp đàm thoại kết hợp với thuyết trình.

- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
HS tự liên hệ về trách nhiệm thực hiện cs DS và giải quyết việc làm.	3. Trách nhiệm của công dân đối với chính sách dân số và giải quyết việc làm - Chấp hành cs ds và PL về ds. - Chấp hành cs giải quyết việc làm và PL về lđ. - Động viên người thân trong gia đình và những người khác cùng chấp hành, đấu tranh chống hành vi vi phạm cs ds và giải quyết việc làm. - Có ý chí vươn lên nắm bắt khoa học kỹ thuật tiên tiến, định hướng nghề nghiệp đúng đắn để tích cực, chủ động tìm việc làm, tăng thu nhập bản thân và gia đình, góp phần thúc đẩy sự phát triển chung của đất nước. - Thiêu việc làm là một trong những nguyên nhân dẫn đến nghiện ma túy do vậy tự tạo việc làm có thu nhập hợp pháp là biện pháp hữu hiệu để phòng chống ma túy.

4. Tổng kết và hướng dẫn học tập(5 phút)

4.1. Tổng kết

Cần nắm: - Chính sách giải quyết việc làm.
- Liên hệ bản thân.

4.2. Hướng dẫn học tập

- Câu hỏi sgk, đọc bài 12 sgk.
- Gv giao nhiệm vụ cho các nhóm học sinh làm việc theo địa bàn sinh sống.
- Chủ đề chung:

Tìm hiểu tình hình tài nguyên, môi trường ở khu vực nơi hs đang sinh sống

- Nội dung công việc: Hs tìm hiểu tình hình ô nhiễm môi trường, sử dụng tài nguyên và hậu quả của việc sd, khai thác bừa bãi tài nguyên và ô nhiễm mt ở địa phương mình đối với cuộc sống, sức khoẻ con người, cảnh quan thiên nhiên, kinh tế, xh....

- Phương pháp thực hiện: kết hợp với dân cư đang sinh sống cùng địa bàn, ghi lại những thông tin cần thiết nếu có thể thì sử dụng máy ảnh, máy quay phim để lưu lại những hình ảnh thực tế của hiện trạng. Sau đó đưa ra giải pháp để giải quyết vấn đề.

***Lưu ý:** cần nắm bắt thông tin chính xác, có tính thuyết phục, phản ánh đúng thực tế, giải pháp đưa ra phải khả thi phù hợp khả năng của hs.

Thời gian báo cáo: giờ học tiếp theo, tiết 2

***Bổ sung rút kinh nghiệm:**

.....
.....
.....

Ngày soạn:.....

Ngày dạy:.....

Lớp:.....

Tiết 25 - Bài 12

CHÍNH SÁCH TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

A. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1. Về kiến thức

- Nêu được tình hình tài nguyên, môi trường và những phương hướng cơ bản nhằm bảo vệ tài nguyên, môi trường ở nước ta hiện nay.

- Hiểu được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường.

2. Về kỹ năng

- Biết tham gia thực hiện và tuyên truyền thực hiện cs TN và bảo vệ MT phù hợp khả năng của bản thân.

- Biết đánh giá thái độ, hành vi của bản thân và người khác trong việc thực hiện cs TN và bảo vệ MT.

3. Về thái độ

- Tôn trọng, tin tưởng, ủng hộ cs TN và bảo vệ MT của Nhà nước.

- Phản đối và sẵn sàng đấu tranh với các hành vi gây hại cho TN, MT.

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. Chuẩn bị của GV:

***Tài liệu:**

- SGK - SGV GDCD LỚP 11.

***Phương tiện**

2. Chuẩn bị của HS:

- SGK GDCD lớp 11.

C. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP (5 phút)

1. Ổn định tổ chức lớp.

2. Kiểm tra bài cũ:

Nêu mục tiêu và phương hướng cơ bản của chính sách giải quyết việc làm?

3. Giảng bài mới: Tài nguyên, môi trường có vai trò quan trọng đối với đời sống của mỗi con người và sự phát triển của xã hội. Trên thế giới, cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm

môi trường đã trở thành vấn đề nghiêm trọng. Cứu lấy trái đất là nhiệm vụ chung của nhân loại.

***Hoạt động 1: Tình hình tài nguyên, môi trường ở nước ta hiện nay(15 phút)**

- GV sử dụng phương pháp đàm thoại.

- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV - HS	Nội dung
*Bước 1: HS nghiên cứu tài liệu SGK mục 1. *Bước 2: GV nêu câu hỏi đàm thoại. <i>*Nêu nguồn tài nguyên phong phú, đa dạng ở nước ta?</i> <i>*Đánh giá thực trạng tình hình tài nguyên, môi trường nước ta hiện nay?</i> <i>*Nguyên nhân nào dẫn đến thực trạng trên?</i>	1. Tình hình tài nguyên, môi trường ở nước ta hiện nay - Do đặc điểm khí hậu và địa hình nên nguồn tài nguyên thiên nhiên nước ta rất đa dạng: + Khoáng sản khá phong phú (dầu mỏ, sắt, bô xít, crôm, thiếc, than...). + Đất đai màu mỡ; rừng có nhiều loài quý hiếm (ĐV: Voi, tê giác, bò rừng, hổ, báo, hươu sao, vượn. TV: Đinh, lim, sến, táu, cẩm lai, giáng hương, lát hoa...). + Biển rộng lớn, phong cảnh đẹp, có nhiều hải sản quý; không khí ánh sáng và nguồn nước dồi dào, thuận lợi cho sự phát triển đất nước. KL: Nước ta nguồn tài nguyên phong phú, nếu được khai thác, sử dụng hợp lí, có hiệu quả, chúng ta sẽ tạo được sự phát triển bền vững. - Những điều đáng lo ngại hiện nay là: + Về tài nguyên: khoáng sản có nguy cơ cạn kiệt, dt rừng đang bị thu hẹp, nhiều loài động, thực vật quý hiếm đang bị xoá sổ hoặc có nguy cơ tuyệt chủng, chất lượng đất suy giảm, đất canh tác bị thu hẹp dần, tài nguyên biển ở gần bờ cũng suy giảm đáng kể. + Về môi trường: ô nhiễm nước, không khí và đất ở nhiều nơi, nhiều vấn đề vệ sinh môi trường phát sinh cả thành thị và nông thôn. Môi

	trường biển bắt đầu bị ô nhiễm, do khai thác dầu, sự cố môi trường như bão lụt, hạn hán... - <i>Nguyên nhân:</i> + Nguyên nhân chủ quan là chính, việc nâng cao nhận thức về bảo vệ TN- MT cho toàn dân chưa được quan tâm đúng mức, chưa phát huy được mọi nguồn lực tham gia bảo vệ TN- MT. + Tình trạng khai thác, sử dụng tài nguyên còn bừa bãi, việc chặt phá rừng, săn bắt thú quý hiếm chưa được ngăn chặn, ý thức bảo vệ môi trường kém. + Dân số tăng nhanh và tập trung đông các đô thị lớn nên ô nhiễm không khí, nguồn nước trầm trọng ảnh hưởng xấu trực tiếp đến đời sống và sức khỏe con người.
--	--

***Hoạt động 2: Mục tiêu, phương hướng cơ bản của chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường(15 phút)**

- GV sử dụng phương pháp thảo luận lớp.
- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
*Bước 1: HS nghiên cứu tài liệu SGK mục 2. *Bước 2: GV nêu câu hỏi thảo luận lớp - GV: * Hiện nay tình trạng tài nguyên và môi trường ở nước ta như thế nào? Tại sao TN- MT phong phú thuận lợi cho phát triển đất nước? GV bổ sung: + Khoáng sản: dầu mỏ, sắt, bô xít, crôm, thiếc, than...) + Rừng có nhiều loài quý hiếm (Voi, tê giác, bò rừng, hổ, báo, hươu sao, vượn. TV: Đinh, lim, sến, táu, cẩm lai, giáng	2. Mục tiêu, phương hướng cơ bản của chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường - <i>Mục tiêu:</i> Sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, từng bước nâng cao chất lượng môi trường, góp phần phát triển KT- XH bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. - <i>Phương hướng cơ bản:</i> + <i>Tăng cường công tác quản lý của Nhà nước.</i>

hương, lát hoa...) GV đưa bảng số liệu minh hoạ sự phong phú đa dạng của tn, mt nước ta hiện nay. * Tại sao bên cạnh những thuận lợi, thực trạng TN – MT nước ta là điều “đáng lo ngại”? Nguyên nhân chính nào dẫn đến thực trạng trên? - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ sung, kết luận. * Để giải quyết những vấn đề trên, Đảng và Nhà nước ta đề ra mục tiêu bảo vệ tài nguyên, môi trường như thế nào? * Em suy nghĩ như thế nào về vấn đề khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trong điều kiện nước ta còn nghèo, đang thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước? - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ sung, kết luận.	+ Thường xuyên gd, tuyên truyền, xd ý thức trách nhiệm về bảo vệ TN, MT cho toàn dân. + Coi trọng công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ, mở rộng hợp tác quốc tế, khu vực. + Chủ động phòng ngừa ngăn chặn ô nhiễm, cải thiện MT, bảo tồn thiên nhiên. + Khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm TN, MT. + Áp dụng công nghệ hiện đại.
--	--

***Hoạt động 3: Trách nhiệm của công dân đối với chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường.**

- GV sử dụng phương pháp đàm thoại. (5 phút)
- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Gợi mở, Phát vấn - Yêu cầu các nhóm hs trình bày báo cáo về các biện pháp. Trách nhiệm bản thân đối với vấn đề sd tài nguyên và môi trường của địa phương - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ sung, kết luận.	3. Trách nhiệm của công dân đối với chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường - Chấp hành chính sách, PL về bảo vệ TN, MT. - Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ TN, MT - Vận động mọi người cùng thực hiện;

	chống lại các hành vi vi phạm PL về tài nguyên và bảo vệ môi trường.
--	--

4. Tổng kết và hướng dẫn học tập(5 phút)

4.1. Tổng kết

- Cần nắm: - Tình hình TN, MT nước ta.
 - Mục tiêu, phương hướng cơ bản của cs TN và bảo vệ MT.
 - Trách nhiệm công dân. Liên hệ bản thân.

4.2. Hướng dẫn học tập

Ôn tập những bài đã học. Chuẩn bị bài mới.

***Bổ sung rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn:.....

Ngày dạy:.....

Lớp: 11B3,11B4,11B5

Tiết 27 - Bài 13

**CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO,
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, VĂN HOÁ**

A. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1 - Về kiến thức

- Nêu được nhiệm vụ, phương hướng cơ bản để phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa ở nước ta hiện nay.

- Hiểu được trách nhiệm công dân trong việc thực hiện cs GD- ĐT, khoa học và công nghệ, chính sách văn hóa của Nhà nước.

2 - Về kỹ năng

- Biết tham gia tuyên truyền thực hiện cs GD - ĐT, KH và CN, cs VH phù hợp khả năng của bản thân.

- Biết đánh giá một số hiện tượng gần gũi trong cuộc sống liên quan đến cs GD - ĐT, KH và CN, cs VH của Nhà nước.

3 - Về thái độ

- Tin tưởng, ủng hộ cs GD - ĐT, KH và CN, cs VH của Nhà nước.

- Có ý thức phê phán những việc làm vi phạm cs GD - ĐT, KH và CN, cs VH của Nhà nước.

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS

1. Chuẩn bị của GV

***Tài liệu:**

- SGK - SGV GD&CD LỚP 11.

***Phương tiện:**

- Sơ đồ hệ thống hoá kiến thức.

2. Chuẩn bị của HS

- SGK GD&CD lớp 11.

- Sách bài tập GD&CD LỚP 11.

C. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP (5 phút)

1. Ổn định tổ chức lớp
2. Kiểm tra bài cũ: Sửa đề kiểm tra 1 tiết
3. Giảng bài mới: Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, Đảng ta nhận định: "Cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài"

Vậy tại sao Đảng ta xác định GD - ĐT là quốc sách hàng đầu?

***Hoạt động 1: Nhiệm vụ của giáo dục và đào tạo (10 phút)**

- GV sử dụng phương pháp thảo luận lớp.
- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV - HS	Nội dung
*Bước1: HS nghiên cứu tài liệu. *Bước2: GV đưa ra câu hỏi thảo luận lớp. - GV: * Theo em gd - dt có tầm quan trọng như thế nào? Đảng Nhà nước ta xác định thế nào? Nhiệm vụ của GD & ĐT là gì?	1. Chính sách giáo dục và đào tạo a) Nhiệm vụ của giáo dục và đào tạo *Tầm quan trọng của gd – dt: - Giáo dục và đào tạo có tầm quan trọng trong việc phát triển nguồn nhân lực con người. - Đảng Nhà nước ta xác định gd - dt là quốc sách hàng đầu, coi đầu tư cho gd - dt là đầu tư cho phát triển. *Nhiệm vụ của gd - dt là: <i>Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài nhằm phát triển tiềm năng trí tuệ, cung cấp cho đất nước nguồn lao động có chất lượng cao.</i>

***Hoạt động 2: Phương hướng cơ bản để phát triển giáo dục và đào tạo (25 phút)**

- GV sử dụng phương pháp thảo luận nhóm.
- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo nhóm .

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
*Bước 1: GV chia lớp thành 6 nhóm, thảo luận những phương hướng cơ bản: * Tại sao phải nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo? Liên hệ ở địa phương? * Tại sao phải mở rộng qui mô giáo	b) Phương hướng cơ bản để phát triển giáo dục và đào tạo - <i>Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo; vì đây là đòi hỏi khách quan của đất nước. Muốn vậy, phải giáo dục toàn diện, đổi mới nội dung, phương</i>

dục? Liên hệ ở địa phương? * Tại sao phải ưu tiên đầu tư cho giáo dục? Liên hệ ở địa phương? * Tại sao phải thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục? Liên hệ ở địa phương? * Tại sao phải xã hội hoá giáo dục? Liên hệ ở địa phương? * Tại sao phải tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo? Liên hệ ở địa phương? - HS: Đại diện trả lời. *Bước 2: GV nhận xét, bổ sung, kết luận. <i>KL: Thực hiện phương hướng trên góp phần đào tạo con người VN phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xd và bảo vệ TQ.</i>	pháp dạy học; cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lí, có cs đúng đắn trong việc phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nhân tài. - <i>Mở rộng qui mô giáo dục</i>; vì trên cơ sở chất lượng và hiệu quả, gắn với yêu cầu phát triển KT- XH, Nhà nước phải mở rộng qui mô giáo dục từ gd mầm non đến gd đại học, tăng nhanh dạy nghề và trung cấp chuyên nghiệp. - <i>Ưu tiên đầu tư cho giáo dục</i>; Nhà nước phải huy động mọi nguồn lực để phát triển gd - đt, xd cơ sở vật chất cho các trường học, thực hiện chuẩn hoá, hiện đại hoá nhà trường. - <i>Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục</i>; có ý nghĩa nhân văn sâu sắc, bảo đảm học tập là quyền và nghĩa vụ của công dân, tạo mọi đk để người nghèo có cơ hội được học tập, người giỏi được phát huy tài năng. - <i>Xã hội hoá giáo dục</i>; vì phát triển giáo dục là sự nghiệp của Nhà nước và toàn dân, do đó cần đa dạng hoá các loại hình nhà trường, các hình thức giáo dục, xd xã hội học tập đáp ứng nhu cầu học thường xuyên, học suốt đời của nhân dân. - <i>Phải tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo</i>; phải tiếp cận những chuẩn mực gd tiên tiến của thế giới phù hợp yêu cầu phát triển nước ta, tham gia đào tạo nhân lực khu vực và thế giới.
--	---

--	--

4. Tổng kết và hướng dẫn học tập (5 phút)

4.1. Tổng kết

Cần nắm: - Nhiệm vụ của GD - ĐT.

- Phương hướng cơ bản để phát triển GD - ĐT.

4.2. Hướng dẫn học tập

Câu hỏi sgk, đọc tiếp bài 13.

***Bổ sung rút kinh nghiệm:**

.....

Ngày soạn:.....

Ngày dạy:.....

Lớp:.....

Tiết 28 - Bài 13

**CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO,
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, VĂN HOÁ**

C. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP (5 phút)

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ:

Câu 1: Nhiệm vụ của gd- đt ở nước ta hiện nay? Hãy nêu một hoạt động nhằm thực hiện cs GD – ĐT mà em biết hoặc tham gia?

Câu 2: Trình bày phương hướng cơ bản để phát triển GD – ĐT? Trách nhiệm của em?

3. Giảng bài mới

***Hoạt động 1:Nhiệm vụ của khoa học và công nghệ(15 phút)**

- GV sử dụng phương pháp giảng giải và đàm thoại.

- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV - HS	Nội dung
*Bước1: HS nghiên cứu tài liệu mục 2a. *Bước2: GV đưa ra câu hỏi thảo luận lớp. - GV: *Vì sao Đảng và Nhà nước ta coi KH và CN_o là “quốc sách hàng đầu”? - Muốn đất nước phát triển nhanh phải nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng và sử dụng những thành tựu của KH và CN_o. Từ một nền KT kém phát triển, thực hiện CNH, HĐH trong bối cảnh nền KT tri thức	2. Chính sách khoa học và công nghệ a) Nhiệm vụ của khoa học và công nghệ Đảng và Nhà nước ta coi KH và CN_o là quốc sách hàng đầu, là động lực thúc đẩy sự nghiệp phát triển của đất nước. - <i>Nhiệm vụ của KH và CN_o:</i> + Giải đáp kịp thời những vấn đề lí luận và thực tiễn do cuộc sống đặt ra. + Cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. + Đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ trong toàn bộ nền KT quốc dân. + Nâng cao trình độ quản lí, hiệu quả của hoạt động KH và CN_o.

ngày càng nổi bật; vì vậy, Đảng và Nhà nước ta coi KH và CN_o là quốc sách hàng đầu, là động lực thúc đẩy sự nghiệp phát triển của đất nước. * Theo em KH và CN_o có nhiệm vụ gì trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước? - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ sung, kết luận.	
---	--

***Hoạt động 2: Phương hướng cơ bản để phát triển khoa học và công nghệ (20 phút)**

- GV sử dụng phương pháp giảng giải và đàm thoại.
- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo nhóm.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
* Bước 1: GV chia lớp thành 5 nhóm. * Bước 2: GV đặt câu hỏi cho từng nhóm. * Để thực hiện nhiệm vụ trên, KH và CN_o cần phát triển theo những phương hướng cơ bản nào? * Tại sao phải đổi mới cơ chế quản lí KH và CN_o? Liên hệ ở địa phương? * Tại sao phải tạo thị trường cho KH và CN_o? Liên hệ ở địa phương? * Tại sao phải xây dựng tiềm lực cho KH và CN_o? Liên hệ ở địa phương? * Tại sao phải tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm? Liên hệ ở địa phương? - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ sung, kết luận.	b) Phương hướng cơ bản để phát triển khoa học và công nghệ - KH và CN_o cần phát triển theo 4 phương hướng cơ bản: + Đổi mới cơ chế quản lí KH và CN_o . + Tạo thị trường cho KH và CN_o . + Xây dựng tiềm lực cho KH và CN_o . + Tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm. - <i>Đổi mới cơ chế quản lí KH và CN_o nhằm:</i> + Khai thác mọi tiềm năng sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, lí luận. + Đầu tư ngân sách vào các trương trình nghiên cứu quốc gia đạt trình độ khu vực và thế giới. + Huy động nguồn lực để đi nhanh vào một số lĩnh vực công nghệ cao, công

KL: Thực hiện những phương hướng cơ bản trên sẽ nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ nước ta, đồng thời đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực này.	nghệ tiên tiến. - Tạo thị trường cho KH và CN_o nhằm: + Tạo ra môi trường cạnh tranh bình đẳng, thúc đẩy việc áp dụng tiến bộ KH và CN_o. + Đổi mới công nghệ, hoàn thiện cơ sở pháp lí và nâng cao hiệu lực thi hành pháp luật về sở hữu trí tuệ, trọng dụng nhân tài. - Xây dựng tiềm lực cho KH và CN_o nhằm: + Tập trung nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng. + Nâng cao chất lượng, tăng thêm số lượng đội ngũ cán bộ khoa học. + Tăng cường cơ sở vc-kt, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu KH- CN_o. - Tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm nhằm: + Đẩy mạnh nghiên cứu các lĩnh vực khoa học xã hội. + Ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn, phát triển công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới.
--	---

4. Tổng kết và hướng dẫn học tập (5 phút)

4.1. Tổng kết

- Cần nắm: - Nhiệm vụ của khoa học và công nghệ.
- Phương hướng cơ bản để phát triển khoa học và công nghệ.

4.2. Hướng dẫn học tập

- Câu hỏi sgk, đọc tiếp bài 13.

***Bổ sung rút kinh nghiệm:**.....

Ngày soạn:.....

Ngày dạy:.....

Lớp:.....

Tiết 28 - Bài 13

CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, VĂN HOÁ

C. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP (5 phút)

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ:

Câu 1: Khoa học và công nghệ có nhiệm vụ như thế nào? Lấy VD về việc áp dụng thành tựu khoa học và công nghệ vào sx hoặc sáng kiến KH- KT mà em biết?

Câu 2: Trình bày phương hướng cơ bản để phát triển KH – CN? Trách nhiệm của em?

3. Giảng bài mới.

***Hoạt động 1: Nhiệm vụ của văn hóa (10 phút)**

- GV sử dụng phương pháp giảng giải và đàm thoại.

- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV - HS	Nội dung
*Bước 1: HS nghiên cứu mục 3a. *Bước 2: GV nêu câu hỏi - GV: *Tại sao nói VH vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển KT- XH? *Nhiệm vụ của VH là gì? *Thế nào là nền VH tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc? Nêu những biểu hiện của bản sắc VH dân tộc Việt Nam? - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ sung, kết luận.	3. Chính sách văn hoá a) Nhiệm vụ của văn hoá -Văn hoá là toàn bộ những giá trị do con người tạo ra, bao gồm giá trị vật chất và giá trị tinh thần. - <i>VH là nền tảng tinh thần của xh, là động lực thúc đẩy sự phát triển KT- XH, đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.</i> VH khơi dậy tiềm năng, sức sáng tạo của con người, tạo sự phát triển hài hoà giữa đời sống vật chất và tinh thần. - <i>Nhiệm vụ VH:</i> <i>Xây dựng nền VH tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người VN phát triển</i>

	toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo. - <i>Nền VH tiên tiến</i>: Không chỉ ở nội dung tư tưởng mà cả trong hình thức biểu hiện, trong các phương tiện chuyển tải về nội dung. <i>Thể hiện tinh thần yêu nước và tiến bộ, nội dung cốt lõi là lí tưởng độc lập dt và CNXH của CN Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; vì hạnh phúc con người...</i> - <i>Nền VH đậm đà bản sắc dân tộc</i>: Bởi vì “gốc của VH là dân tộc” xu hướng toàn cầu hoá đang tác động, thì ý thức về cội nguồn dt, về độc lập, tự chủ phải được coi trọng; mới bảo đảm hội nhập mà không hoà tan, mất đi bản sắc dân tộc. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân- gia đình- làng xã- Tổ quốc, lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lí, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động...
--	---

****Hoạt động 2: Phương hướng cơ bản để xây dựng nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc (18 phút)***

- GV sử dụng phương pháp giảng giải và đàm thoại.
- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo nhóm.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
*Bước 1: GV chia lớp thành 4 nhóm *Bước 2: GV giao nội dung câu hỏi thảo luận cho từng nhóm. *Tại sao phải làm cho CN Mác - Lênin và tư tưởng HCM giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của nhân dân? Tác dụng	b) Phương hướng cơ bản để xây dựng nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc * Làm cho CN Mác - Lênin và tư tưởng HCM giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của nhân dân.

của nó như thế nào? Liên hệ thực tiễn trong đời sống xã hội ở địa phương? * Tại sao phải kế thừa, phát huy những di sản và truyền thống VH của dân tộc? Tác dụng của nó như thế nào? Liên hệ thực tiễn trong đời sống xã hội ở địa phương? * Tại sao phải tiếp thu tinh hoa VH nhân loại? Tác dụng của nó như thế nào? Liên hệ thực tiễn trong đời sống xã hội ở địa phương? * Tại sao phải nâng cao hiểu biết và mức hưởng thụ VH, phát huy tiềm năng sáng tạo VH của nhân dân? Tác dụng của nó như thế nào? - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ sung, kết luận.	+ CN Mác - Lênin giúp ta nhận thức đúng đắn các quy luật của tự nhiên, xã hội và tư duy để xây dựng xh mới. + Tư tưởng HCM là sự vận dụng sáng tạo CN Mác - Lênin vào đk cụ thể nước ta và trở thành những giá trị tinh thần, tài sản quý báu của dân tộc ta. Những giá trị ấy đã và đang cổ vũ dân tộc ta trong công cuộc xd, bảo vệ Tổ quốc và xd nền VH mới. <i>*Kế thừa, phát huy những di sản và truyền thống VH của dân tộc.</i> + Phải kế thừa, phát huy những giá trị tinh thần, đạo đức, thẩm mỹ, vh, nghệ thuật, thuần phong mỹ tục của dân tộc. + Phải coi trọng việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, di sản vh và danh lam thắng cảnh của đất nước. <i>* Tiếp thu tinh hoa VH nhân loại.</i> + Tiếp thu những tư tưởng tiến bộ, nhân đạo, những thành tựu của nhân loại để làm giàu cho trí tuệ, tâm hồn người VN. + Ngăn chặn sự xâm nhập của vh độc hại, tệ sùng bái đồng tiền, coi thường đạo lí, các giá trị nhân văn, kiên quyết chống các hủ tục, bài trừ mê tín dị đoan. <i>* Nâng cao hiểu biết và mức hưởng thụ VH, phát huy tiềm năng sáng tạo VH của nhân dân.</i> + Bảo đảm dân chủ, tự do cho mọi sáng tạo vh, văn học nghệ thuật, cổ vũ cái đúng, cái đẹp, phê phán cái ác, cái thấp
---	--

- HS tự liên hệ.	hèn. + Nêu cao trách nhiệm của gia đình trong việc xây dựng lối sống mới. <i>KL: Thực hiện những phương hướng cơ bản trên, chúng ta sẽ từng bước xd được nền vh tiên tiến, bảo vệ và phát huy bản sắc dân tộc trong thời kì CNH, HĐH, hội nhập quốc tế.</i> 4. Trách nhiệm công dân đối với chính sách giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hoá Sgk - học sinh tự liên hệ.
------------------	---

***Hoạt động 3: Trách nhiệm công dân đối với chính sách giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hoá (7 phút)**

- GV sử dụng phương pháp giảng giải và đàm thoại.
- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, cá nhân.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
- HS nghiên cứu tài liệu SGK và tự liên hệ trách nhiệm của công dân.	4. Trách nhiệm công dân đối với chính sách giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hoá Sgk - học sinh tự liên hệ.

4. Tổng kết và hướng dẫn học tập (5 phút)

4.1. Tổng kết

- Cần nắm: - Nhiệm vụ của văn hóa.
- Phương hướng cơ bản để phát triển văn hóa.
 - Trách nhiệm công dân, liên hệ...

4.2. Hướng dẫn học tập

- Câu hỏi sgk, đọc bài 13.

***Bổ sung rút kinh nghiệm:**

.....

.....

.....

Ngày soạn:.....

Ngày dạy:.....

Lớp:

Tiết 30 -Bài 14

CHÍNH SÁCH QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

A. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1 - Về kiến thức

- Nêu được vai trò và nhiệm vụ của quốc phòng và an ninh ở nước ta.
- Nêu được những phương hướng cơ bản nhằm tăng cường quốc phòng và an ninh ở nước ta hiện nay.
- Hiểu được trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chính sách quốc phòng và an ninh của Nhà nước.

2 - Về kỹ năng

- Biết tham gia tuyên truyền và thực hiện tốt cs quốc phòng và an ninh phù hợp khả năng của bản thân.

3 - Về thái độ

- Tin tưởng, ủng hộ chính sách quốc phòng và an ninh của Nhà nước, sẵn sàng tham gia giữ gìn trật tự, an ninh và bảo vệ Tổ quốc.

B. CHUẨN BỊ CỦA GV- HS

1.Chuẩn bị của GV

***Tài liệu:**

- SGK - SGV GD&ĐT LỚP 11.

***Phương tiện:**Giáo án điện tử

2.Chuẩn bị của HS

- SGK GD&ĐT lớp 11.
- Sách bài tập GD&ĐT LỚP 11.

C.TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP (5 phút)

1. Ổn định tổ chức lớp
2. Kiểm tra bài cũ:

1) Nhiệm vụ của văn hoá là gì? Em hiểu thế nào là nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc?

2) Trình bày phương hướng cơ bản để xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc? Em hãy nêu 1 ví dụ về hoạt động nhằm giữ gìn bản sắc VH dân tộc ở địa phương em? Trách nhiệm của bản thân?

3. Giảng bài mới :

Bảo vệ Tổ quốc là một trong hai nhiệm vụ CL của CM nước ta. Chính sách này giúp các em hiểu nội dung bảo vệ TQ và phải làm như thế nào để tăng cường QP & AN.

***Hoạt động 1: Vai trò và nhiệm vụ của quốc phòng và an ninh(10 phút)**

- GV sử dụng phương pháp thảo luận nhóm.

- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo nhóm.

Hoạt động của GV - HS	Nội dung
*Bước 1: GV chia lớp thành 3 nhóm *Bước 2: GV giao nội dung câu hỏi thảo luận cho từng nhóm. - Thảo luận nhóm * Vì sao trong tình hình hiện nay, chúng ta phải tăng cường QP & AN? * QP & AN có vai trò như thế nào? * Nhiệm vụ của quốc phòng và an ninh gồm những nội dung gì? - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ sung, kết luận. <i>* KL: Bảo vệ TQ là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn dân; trong đó Quân đội và Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt.</i> - HS tự liên hệ.	1. Vai trò và nhiệm vụ của quốc phòng và an ninh a) Vai trò của quốc phòng và an ninh - Chúng ta phải tăng cường QP & AN. Vì: + Các thế lực thù địch vẫn thực hiện âm mưu “diễn biến hoà bình”, gây rối, tìm mọi cơ hội để gây bạo loạn, lật đổ và can thiệp vũ trang. + Trong cơ chế thị trường, bên cạnh những mặt tích cực còn tồn tại những biểu hiện tiêu cực, ảnh hưởng đến mọi mặt đời sống xã hội. - QP & AN có vai trò <i>trực tiếp giữ gìn và bảo vệ vững chắc Tổ quốc VN XHCN.</i> <i>KL: Nhiệm vụ hàng đầu là xd CNXH, nhưng không được lơ lửng nhiệm vụ bảo vệ vững chắc Tổ quốc.</i> b) Nhiệm vụ của quốc phòng và an ninh - Xây dựng nền QP toàn dân và AN nhân dân vững mạnh toàn diện.

	- Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. - Bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN. - Bảo vệ an ninh chính trị, AN kinh tế, AN văn hoá - tư tưởng. - Duy trì trật tự kỉ cương, an toàn xã hội. - Giữ vững ổn định chính trị của đất nước, ngăn ngừa, đẩy lùi và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá, thù địch, không để bị động, bất ngờ.
--	--

***Hoạt động 2:** Những phương hướng cơ bản nhằm tăng cường quốc phòng và an ninh (20 phút)

- GV sử dụng phương pháp thảo luận lớp.
- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
*Bước 1: GV hướng dẫn HS nghiên cứu tài liệu mục 2. *Bước 2: GV đưa ra nội dung câu hỏi thảo luận lớp. - GV: *Vì sao phải phát huy sức mạnh tổng hợp? Sức mạnh tổng hợp là như thế nào? *Kết hợp QP với AN là như thế nào? Hãy phân tích? *Tại sao phải kết hợp KT với QP và AN; kết hợp KT với QP và AN là như thế nào? *Em suy nghĩ như thế nào về truyền thống QĐND và CAND? Trong tình hình hiện nay hai lực lượng này phải xây dựng như thế nào?	2. Những phương hướng cơ bản nhằm tăng cường quốc phòng và an ninh - <i>Phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng. Vì:</i> + Nền QP của ta là nền QP toàn dân và AN nhân dân, bảo vệ lợi ích của nhân dân nên phát huy được sức mạnh của dt và sức mạnh thời đại. + Đó là khối đại đoàn kết toàn dân và của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng. - <i>Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.</i> + Sức mạnh dt bao gồm truyền thống tốt đẹp, sức mạnh văn hoá tinh thần và sức

*Tại sao nói sự lãnh đạo của Đảng đối với QP và AN là sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp? - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ sung, kết luận.	mạnh vật chất của dt. + Sức mạnh thời đại là sức mạnh của KH và CN_o, sức mạnh của các lực lượng tiến bộ và cách mạng trên thế giới. - <i>Kết hợp quốc phòng với an ninh.</i> + Là kết hợp sức mạnh của lực lượng và thể trận của QP với sức mạnh của lực lượng và thể trận của an ninh. + Lực lượng QP toàn dân và AN nhân dân bao gồm: con người, phương tiện v.v. và khả năng khác của dân tộc. + Thể trận của QP và AN nhân dân là việc tổ chức hợp lý lực lượng trên địa bàn cả nước, từng địa phương. - <i>Kết hợp KT – XH với quốc phòng và an ninh.</i> + Ta thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ CL xây dựng và bảo vệ Tổ quốc tất yếu phải kết hợp KT với QP và AN. + CL phát triển KT – XH phải gắn liền với CL QP và AN, CL QP và AN phục vụ cho CL KT – XH. - <i>Trong tình hình hiện nay, xd QĐND và CAND chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; đồng thời phải tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với QĐND và CAND là một đòi hỏi khách quan của nước ta.</i>
--	---

***Hoạt động 3: Trách nhiệm của công dân đối với chính sách quốc phòng và an ninh (5 phút)**

- GV sử dụng phương pháp thuyết trình, đàm thoại.
- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
HS nghiên cứu tài liệu SGK và tự liên hệ bản thân.	3. Trách nhiệm của công dân đối với chính sách quốc phòng và an ninh - Tin tưởng vào chính sách QP và AN của Đảng và Nhà nước. - Thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác trước mọi âm mưu, thủ đoạn tinh vi của kẻ thù. - Chấp hành PL về QP và AN, giữ gìn trật tự, AN quốc gia. - Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự. - Tích cực tham gia các hoạt động trong lĩnh vực QP và AN ở nơi cư trú.

4. Tổng kết và hướng dẫn học tập(5 phút)

4.1. Tổng kết:

- Vai trò, nhiệm vụ của QP-AN. Phương hướng cơ bản của cs QP-AN.

- Trách nhiệm công dân, liên hệ ...

4.2. Hướng dẫn học tập

Câu hỏi sgk, đọc bài 15.

***Bổ sung rút kinh nghiệm:**

.....
.....

Ngày soạn:.....

Ngày dạy:.....

Lớp:.....

Tiết 31 -Bài 15

CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI

A. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

1 -Về kiến thức

- Nêu được vai trò và nhiệm vụ của chính sách đối ngoại ở nước ta.
- Nêu được những nguyên tắc, phương hướng cơ bản để thực hiện chính sách đối ngoại ở nước ta hiện nay.
- Hiểu được trách nhiệm của công dân đối với việc thực hiện chính sách đối ngoại của Nhà nước.

2 - Về kỹ năng

- Biết tham gia tuyên truyền cs đối ngoại phù hợp khả năng của bản thân.
- Biết quan hệ hữu nghị với nước ngoài. Tích cực học tập văn hoá, ngoại ngữ để có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu hợp tác, hội nhập quốc tế trong tương lai.

3 - Về thái độ

- Tin tưởng, ủng hộ chính sách đối ngoại của Nhà nước.

B. CHUẨN BỊ CỦA GV- HS

1. Chuẩn bị của GV

***Tài liệu:**

- SGK - SGV GDCD LỚP 11.

***Phương tiện: Giáo án điện tử.**

2. Chuẩn bị của HS

- SGK GDCD lớp 11.
- Sách bài tập GDCD LỚP 11.

C. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP (5 phút)

1. Ổn định tổ chức lớp.

2. Kiểm tra bài cũ:

- Nhiệm vụ của QP và AN trong giai đoạn hiện nay? Theo em tại sao phải tăng cường QP và AN?

-Trình bày phương hướng cơ bản nhằm tăng cường QP và AN? Trách nhiệm của em?

3. Giảng bài mới

***Hoạt động 1: Vai trò, nhiệm vụ của chính sách đối ngoại (15 phút)**

- GV sử dụng phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận lớp.
- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV - HS	Nội dung
*Bước1: GV hướng dẫn HS nghiên cứu tài liệu mục 1- SGK. *Bước2: GV nêu câu hỏi, HS thảo luận lớp. *Trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay, chính sách đối ngoại có vai trò như thế nào? * Em hãy nêu những nhiệm vụ của chính sách đối ngoại? * Để giữ vững hoà bình, ổn định và hợp tác phát triển, chúng ta phải làm gì? <i>(chúng ta phải tiếp tục quan hệ với các nước, đấu tranh làm thất bại âm mưu “DBHB”, gây rối làm mất ổn định chính trị; tăng cường hợp tác song phương, đa phương với các nước, các tổ chức quốc tế...)</i> * Nêu những hoạt động của Đảng và Nhà nước ta mà em biết nhằm góp phần vào cuộc đấu tranh chung của thế giới vì mục tiêu của thời	1. Vai trò, nhiệm vụ của chính sách đối ngoại - <i>Vai trò:</i> Chủ động tạo ra mối quan hệ quốc tế thuận lợi để đưa nước ta hội nhập với thế giới; góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển đất nước, nâng cao vị thế nước ta trên trường quốc tế. - <i>Nhiệm vụ:</i> + Giữ vững môi trường hoà bình, tạo đk quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển KT – XH, CNH, HĐH đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. + Góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

đại?
(*Những hoạt động đấu tranh đòi giải trừ quân bị, vũ khí hạt nhân, chống chạy đua vũ trang, lên án các cuộc chiến tranh xâm lược.*)

- HS: Đại diện trả lời.
- GV: N/xét, bổ sung, kết luận.

***Hoạt động 2: Nguyên tắc của chính sách đối ngoại (20 phút)**

- GV sử dụng phương pháp thảo luận nhóm.
- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
*Bước1: GV phân nhóm. *Bước2: GV nêu câu hỏi, HS thảo luận nhóm. - GV: * Vì sao phải tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau? Nêu kết luận? * Vì sao phải tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng cùng có lợi? Nêu kết luận? - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ sung, kết luận.	2.Nguyên tắc của chính sách đối ngoại. - <i>Tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.</i> (để làm thất bại những hành động can thiệp của các thế lực thù địch vào công việc nội bộ của nước ta.) - <i>Tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng cùng có lợi.</i> (Vì các nước trên thế giới dù lớn hay nhỏ đều có quyền sống, quyền tự do, mưu cầu hạnh phúc, phát triển. Vì vậy, nguyên tắc này yêu cầu nước ta tôn trọng quyền của các nước và đòi hỏi các nước tôn trọng quyền bình đẳng của nước ta. đồng thời, tôn trọng lợi ích chính đáng của nhau, hợp tác cùng có lợi.)

4. Tổng kết và hướng dẫn học tập (5 phút)

4.1.Tổng kết

- Cần nắm:
- Vai trò, nhiệm vụ của CSĐN.
 - Nguyên tắc cơ bản để thực hiện CSĐN.

4.2. Hướng dẫn học tập

Câu hỏi sgk, đọc bài tiếp mục 3, 4 bài 15.

***Bổ sung rút kinh nghiệm:**

.....

.....

.....

Ngày soạn:.....

Ngày dạy:.....

Lớp:.....

Tiết 32 - Bài 15

CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI

C. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP (5 phút)

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ:

- Trình bày vai trò, nhiệm vụ của chính sách đối ngoại.

- Em hãy nêu những nguyên tắc cơ bản trong chính sách đối ngoại của nước ta hiện nay.

3. Giảng bài mới

***Hoạt động 1: Phương hướng cơ bản để thực hiện chính sách đối ngoại(25 phút)**

- GV sử dụng phương pháp thuyết trình, đàm thoại, thảo luận lớp.

- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
*Bước1: GV phân nhóm. *Bước2: GV nêu câu hỏi, HS thảo luận nhóm. *Theo em tại sao chúng ta phải chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế? *Yêu cầu trong việc chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế như thế nào? - HS: Đại diện trả lời. - GV: N/xét, bổ sung, kết luận. * Em hãy cho biết nước ta có quan hệ với bao nhiêu nước và tổ chức trên thế giới? Nêu một số tổ chức quốc tế	3. Phương hướng cơ bản để thực hiện chính sách đối ngoại. - <i>Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế</i> Mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác. VN là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực. - <i>Củng cố tăng cường quan hệ với các đảng cộng sản, công nhân, đảng cánh tả, các phong trào độc lập dân tộc, cách mạng và tiến bộ trên thế giới, mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền.</i> - <i>Phát triển công tác đối ngoại nhân dân.</i> Tích cực tham gia vào các diễn đàn và hoạt động

toàn cầu và khu vực nước ta có quan hệ hợp tác mà em biết?	của nhân dân TG, góp phần vào cuộc đấu tranh vì hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội. - <i>Chủ động tham gia vào cuộc đấu tranh chung vì quyền lợi con người.</i> Sẵn sàng đối thoại với các nước, tổ chức quốc tế và khu vực có liên quan về vấn đề nhân quyền. Kiên quyết làm thất bại âm mưu, hành động can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh và ổn định chính trị của VN. <i>Đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại.</i> Là đòi hỏi khách quan của sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước nhằm phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH, HĐH.
--	--

***Hoạt động 2: Trách nhiệm của công dân đối với chính sách đối ngoại(10 phút)**

- GV sử dụng phương pháp thuyết trình, đàm thoại.
- Hình thức tổ chức dạy học: Học theo lớp, học cá nhân.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
HS nghiên cứu tài liệu và liên hệ bản thân.	4. Trách nhiệm của công dân đối với chính sách đối ngoại - Tin tưởng và chấp hành nghiêm túc CS ĐN của Đảng và Nhà nước. - Luôn luôn quan tâm đến tình hình thế giới và vai trò của ta trên trường quốc tế. - Chuẩn bị những đk cần thiết để tham gia vào các công việc có liên quan đến đối ngoại như rèn luyện nghề, nâng cao trình độ văn hoá và khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ... - Khi quan hệ với các đối tác nước ngoài cần thể hiện ý thức dân tộc và phát huy

	những nét đẹp trong truyền thống VH dân tộc, có thái độ hữu nghị, đoàn kết, lịch sự, tế nhị.
--	--

4. Tổng kết và hướng dẫn học tập(5 phút)

- 4.1. Tổng kết:**
- Phương hướng cơ bản để thực hiện CSDN.
 - Trách nhiệm công dân, liên hệ bản thân...

4.2. Hướng dẫn học tập

- Câu hỏi sgk
- Tìm hiểu tình hình an toàn giao thông ở VN và ở địa phương, các số liệu, sự việc có liên quan giờ sau ngoại khoá.

***Bổ sung rút kinh nghiệm:**

.....

.....